N° 73 Juillet 1923

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

SỰ ĐẠO-ĐỨC TRONG VIỆC BUÔN-BÁN VÀ VIỆC DOANH-NGHIỆP (1)

(Tổng-luận về phép doanh-nghiệp thời nay)

Thưa các Ngài,

Trước hết tôi hãng xin tự giới-thiệu với các ngài : người ta giao-tiếp với ai, cũng muốn biết người ấy là thế nào, và chắc các ngài đến nghe tôi đây cũng tự nghĩ trong bụng rằng không biết người nào mình không quen bao giờ đường-đột đến nói về một cái vấn-đề lạ-lùng thay : nói về sự đạo-đức trong việc buôn-bán và việc doanh-nghiệp !

Tôi đây không phải là ông giáo đạo-đức. Tôi cũng không phải là ông giáo về môn học nào cả, và cũng không phải là quan-lại ở một sở Nhà-nước nào cả. Tôi chỉ là một nhà công-nghệ, hiện nay tuy tạm-thời nghỉ việc công-nghệ, nhưng vẫn nghiên-cứu về các vấn-đề doanh-nghiệp ; là một người sinh-trưởng và tòng-sự ở nơi nhà máy xưởng thợ suốt một đời, chỉ trừ cái thì-giờ đi học và mấy năm theo việc binh để chống-giữ nước nhà ; nói tóm lại là một người đã từng-trải cách làm-lụng nghề-nghiệp, đã xét qua sự tiến-hóa trong tư-tưởng về phép doanh-nghiệp đời này, tưởng cũng có một vài cái ý-kiến hay nói ra đây để các ngài nghe được.

Phần nhiều các ngài là những nhà buôn-bán, nhà công-nghệ, nghĩa là những người chuyên-nghiệp về sự mua bán, và có dùng người làm việc cho mình. Không thời chính mình là người đi làm, nghĩa là đem bán cho một người chủ hay là một sở Nhà-nước nào cái thì-giờ, cái việc làm bằng trí-não hay bằng chân tay, cái trí-thức riêng của mình về một nghề gì, v.v.. Không nữa thời là người đi học, nghĩa là còn đương dự-bị để rồi ra làm một nghề-nghiệp gì. Mà mình chọn nghề-nghiệp gì, là bởi vì mình thích làm, bởi vì nó hợp với cái thị-hiếu, cái tư-cách của mình, nhưng cũng bởi một lẽ nữa, là làm để kiếm tiền, để đem bán cho cao giá những điều tri-thức mình đương học được ở nhà trường bây giờ : tri-thức về nghề giáo-dục, nghề làm thuốc, về pháp-luật, về kế-toán, hay là về một môn kỹ-nghệ, thương-nghiệp, nông-nghiệp gì đó.

Tôi chắc tôi nói câu này là không sai, là quyết rằng hết-thảy các ngài, dù làm nghề-nghiệp gì, cũng muốn cho mỗi ngày một tấn-tới, mỗi ngày một thêm lợi, dùng người làm cho được việc, hay là chính mình là người đi làm thì muốn cho cái giá-trị và địa-vị mình mỗi ngày một cao lên. Lòng ước-muốn như thế là chánh-đáng lắm.

(1) Diễn-thuyết ở Hội Khai-trí ngày 29 tháng 7 năm 1923. — Nguyên-văn bằng chữ pháp của ông JANVIER, nguyên quản-lý nhà Máy Giấy ở Đáp-cầu. Đây là bản dịch ra quốc ngữ.

Vậy các ngài phải biết rằng sự ước-muốn ấy có thể làm được. Mỗi người có thể làm cho công-việc mình tấn-tới được, làm cho mỗi ngày kiếm được thêm tiền, cho bản-thân mình, cho gia-quyến mình được dư-dụ, được sung-sướng hơn.

Những phương-kế dùng cho được thế, có thể học mà biết được. Những phép-tắc làm cho việc buôn-bán, việc doanh-nghiệp được thịnh-vượng, ngày nay đã có người nghiên-cứu, biên-tập, kinh-nghiệm cả rồi. Gồm cả các phép-tắc ấy, gọi là « phép doanh-nghiệp » (*la technique des affaires*), ngày nay cũng thành một khoa-học tinh-vi, dễ học, chắc-chắn, chẳng kém gì các khoa-học khác, như toán-học, sinh-vật-học hay là thiên-văn-học vậy.

Nay tôi diễn-thuyết đây là muốn phân-giải để các ngài rõ cái căn-bản của khoa « doanh-nghiệp » đó. Xét ra cũng lạ, có lẽ những người chưa bỏ được những cái tư-tưởng trần-hủ đi không thể hiểu được, là cái căn-bản ấy chính là thuộc về đạo-đức, về luân-lý, về triết-học, về nhân-đạo.

Phần nhiều người yên-trí rằng phàm việc buôn-bán, dù là mua một cái mũ đội đầu, hay là mua mấy nghìn tấn dầu-hỏa, là bao giờ cũng có hai người đối-địch nhau, mỗi người đã sẵn bụng ngờ rằng người kia chỉ có ý đánh lừa để ăn-cắp của mình mà kiếm lời cho nhiều... Tuy vậy mà thấy ngày nay bao nhiêu những nhà doanh-nghiệp có từng trải nhất, bao nhiêu ông chủ các công-nghệ lớn nhất trong thế-giới, cùng đồng-ý nhau mà quyết rằng cái thời-kỳ cho sự buôn-bán là lừa lẫn nhau, làm ăn là cướp lẫn nhau, nay đã quá-độ rồi ; bây giờ làm việc gì muốn cho phát-tài, cho đắc-lợi, không thể dùng những cách gian-dối, lừa-đảo, ăn-cắp được nữa ; và người ta muốn cho cơ-nghiệp thịnh-vượng chắc-chắn, muốn đạt được cái chí-nguyện rất cao của mình, duy chỉ có một cách, là phải hiểu rằng phép doanh-nghiệp ngày nay là gốc ở cái đạo « nhân-quần tương-trợ », « nhân-loại liên-đái », và cái nhiệm-vụ của người doanh-nghiệp, người làm nghề, người buôn-bán, lớn nhỏ mặc lòng, là rất quan-hệ với đạo làm người trong xã-hội vậy.

Đó thật là điên-đảo cả các cái lý-tưởng thông-thường từ xưa đến nay, mới nghe không khỏi lấy làm lạ.

Song ta thử xét kỹ cái thuyết mới ấy thời ta hiểu ngay. Vì nói những chuyện buôn-bán làm-ăn, không phải là thuyết-lý suông được, phải có chứng-cứ ở sự-thực, phải có kinh-nghiệm mới được. Ta không phải là kẻ mơ-màng mộng-tưởng, vì không thể lấy thuần-lý, lấy triết-lý mà nuôi cho con được, ai lại không hiểu thế ? Vậy ta cần biết là biết những điều thực-dụng, biết những cái phép-tắc hành-động thế nào, cho cuối năm số xuất-nhập của cửa hàng ta được tăng lên, tiền bổng-cấp của ta được thêm hơn, ta và gia-quyến ta nhờ đó được dư-dụ sung-sướng hơn.

Vậy ta thử xét xem sự đạo-đức có quan-hệ gì đến cái sổ tổng-kế cuối năm của ta không. Ta thử xét xem bởi cớ gì mà những bậc trứ-danh trong thương-giới, công-giới ở các nước, lại đồng-thanh tuyên-bố rằng việc doanh-nghiệp đời nay mà không có căn-cứ ở lòng đạo-đức, ở lẽ triết-học, thời không có cơ-nghiệp nào thịnh-vượng và lâu-bền được. Ta thử xét xem bởi cớ sao mà những người ấy, chắc là có kinh-nghiệm mới nói ra, lại lấy sự đạo-đức làm tiêu-chuẩn cho phép doanh-nghiệp đời nay.

Muốn xét cho rõ thời cần phải kể qua về sự biến-cách trong tư-tưởng người ta đối với việc buôn-bán, việc

doanh-nghiệp tự một thế-kỷ rưỡi nay.

Ngày xưa, những nhà đại-triết-học, cũng vừa là những tay đại-khoa-học đương-thời nữa, dạy người ta khinh-bỉ cái phần vật-chất ở đời, cho rằng các khoa-học, như kỷ-hà-học, thiên-văn-học, số-học, chỉ dùng để giúp cho những sự quan-niệm cao-xa của thần-trí người ta, để nghiên-tinh đàn-tứ về các vấn-đề thuộc về linh-hồn, và cho rằng đem ứng-dụng ra việc thực-tế, như dùng để chế một cái cầy, hay dùng để trừ một việc buôn, thời khác nào như làm giảm mất giá các khoa-học ấy đi.

Bởi thế nên trong bao nhiêu thế-kỷ ở nước nào cũng vậy, những người thuộc về thượng-lưu-xã-hội là nhất-thiết khinh-bỉ việc làm ăn, cho những sự cần-dùng về đường vật-chất là đê-tiện.

Như ở nước Pháp trong bao nhiêu lâu chỉ cho mấy nghiệp như sau này là sang-trọng mà thôi : nghiệp võ-sĩ, nghiệp tu-hành, nghiệp tư-pháp, và một nhà quí-tộc có con đi buôn hay là lấy con nhà đi buôn, thì cho làm xấu-hổ.

Trước hồi Đại - Cách - mệnh nước Pháp, trong các công-nghệ chỉ có mấy nghề là hơi được kiến-trọng một chút, là mấy nghề đã từng được vua chúa cho phẩm-tước và cho quyền được đeo gươm, như nghề đúc kính và nghề làm giấy.

Nhưng sau cuộc Cách-mệnh, xã-hội canh-cải, tư-tưởng người ta cũng thay-đổi. Người làm - lụng trước bị khinh-bỉ, bây giờ được trọng-dụng, và địa-vị trong xã-hội mỗi ngày một quan-trọng hơn. Rồi dần dần các khoa-học cũng quay về đường thực-tế cả, đem ra lợi-dụng để tăng-gia sự sung-sướng của người ta ở đời. Nhất là trong khoảng thế-kỷ thứ 19, và trong mấy mươi năm gần đây, sự tiến-bộ thấy mỗi ngày một mau hơn ; có người cho là mau quá.

Thời-đại ta đây có thể nói là thời-đại tôn-sùng sự Lao-động (*le siècle de la glorification du Travail*), không phải là nói quá. Những việc trước vẫn bỏ mặc cho những bọn hạ-lưu trong dân-gian, bây giờ cho là những việc có quan-hệ đến sự phú-quốc lợi-dân. Người được kiến-trọng nhất, người có giá-trị nhất cho nước nhà, là người làm-lụng, người sinh-sản, nghĩa là chế-tạo hoặc bằng tay-chân, hoặc bằng trí khôn, hoặc bằng tài khéo. Còn những kẻ không sinh-sản được gì, chỉ ăn nhờ vào công khó-nhọc người khác, những kẻ ăn dưng ngồi rồi, thời coi như giống trùng ăn hại xã-hội, coi là những kẻ vô-ích cho nước mình và đáng người ta khinh-bỉ. Duy có người làm-lụng, người chế-tác được vật gì, hay là người buôn-bán, nghĩa là đem sức hoạt-động của mình để làm cho sự sinh-hoạt kẻ khác được dễ-dàng vui-thú hơn, duy có những người ấy mới có giá-trị ở đời này, mới có ích-lợi cho nước mình.

Sự biến-cách trong tư-tưởng ấy sinh ra mấy cái kết-quả như sau này. Trước hết là các khoa-học, khoa nào cũng quay ứng-dụng về đường thực-tế, để mưu cho người ta ăn ở trên đời được sung-sướng hơn, chứ không chỉ chuyên-dụng về đường tư-tưởng mà thôi. Rồi các khoa-học ấy bị kích-thích như thế, mỗi ngày một tiến-bộ mau lắm, mau một cách lạ-lùng, không thể tư-lượng được. Sau nữa, các khoa-học phát-đạt dữ như thế, mỗi ngày một dung-hòa hỗn-hợp với nhau, thành ra ngày nay muốn nghiên-cứu một khoa nào cho đến nơi đến chốn, tất phải bằng-chứng, phải tham-bác đến các khoa khác, và hết-thảy các khoa-học bây giờ đều có một cái tính-cách thuộc về triết-lý, như muốn tổng-hợp cả lại

mà làm một khoa rất lớn, tức là học về sự sinh-hoạt ở đời, tức là quan-niệm về sự đời, tức là Triết-học vậy.

Lại chính ngay triết-học, hay là cái phần của triết-học mà người ta gọi là tâm-lý-học, ngày nay cũng đã đem ứng-dụng ra thực-tế, thứ nhất là dùng ra phép doanh-nghiệp.

Thế là ta đi quanh đi quẩn lại quay về đầu bài ta. Nhưng xin các ngài đừng ngại : tôi không có ý giảng về tâm-lý-học đâu, vả tôi cũng không có tư-cách giảng cho các ngài nghe được. Song tuy không giảng về tâm-lý-học, cũng phải nói qua một vài câu, vì cả cái thuật buôn-bán ngày nay, cả cái phép doanh-nghiệp bây giờ, là chính gồm ở mấy cái nguyên-lý, mấy cái phép-tắc của tâm-lý-học.

Người ta ai cũng có một cái gì đem bán cho người, bất-cứ là gì, hoặc là xe ô-tô, là mũ đội đầu, là gạch ngói, là bài cho báo *Nam-Phong*, là sự tri-thức của mình về nghề thuốc, về nghề dạy học, là sức mạnh của mình, hay là thì-giờ của mình nữa. Bấy nhiêu thứ là những vật mình muốn bán cho người, hoặc bán cho khách mua hàng, hoặc bán cho một người chủ, hoặc bán cho một sở Nhà-nước nào. Và chắc ai cũng có cái bụng muốn bán cho thật cao và bán cho thật đắt.

Muốn như thế thì phải làm thế nào? Phải làm thế nào cho cái người mà mình đem đồ đến bán ấy, sẵn lòng mua cho mình và sẵn lòng mua theo giá cao. Nhưng mà có lẽ cái người ấy họ không ưng mua gì cho mình cả. Có lẽ họ lại thích mua của người khác hơn. Vậy mình phải vận-động làm sao cho họ đổi ý, mà họ đổi ý lợi cho mình. Phải làm thế nào mà « ảnh-hưởng » được người ta, khiến người ta phải theo về mình. Cái thuật làm cho người ta phải thuận mà theo mình, hoặc là người khách mua hàng, người chủ bán hàng hay là người chủ dùng người, cái « thuật ảnh-hưởng được kẻ khác » (*art d'influencer autrui*) để khiến người ta quyết-định hợp với ý mình, cái thuật ấy chính là tâm-lý-học đấy. Tức là tâm-lý-học ứng-dụng ra phép doanh-nghiệp đấy, tức cái bí-thuật của sự phát-đạt trong các nghề-nghiệp vậy.

Nay có hai câu hỏi như sau này :

Thứ nhất : có thể « ảnh-hưởng » người ta mà khiến cho người ta quyết-định theo ý mình được không?

Thứ nhì : nếu « ảnh-hưởng » được thời có nên không, có nên dùng cách ấy ra việc buôn-bán, việc doanh-nghiệp không, nghĩa là làm như thế có hợp với đạo-đức không?

Đối với hai câu-hỏi ấy, phép doanh-nghiệp ngày nay quả-quyết trả lời rằng: Có. Mới xét ra thì tưởng rằng khó lắm: người ta không muốn làm mà mình bắt phải làm, người ta không muốn mua một đồ-vật gì của mình mà mình cưỡng phải mua, người ta không muốn dùng mình mà mình ép phải dùng, lại phải trả công cao, thì làm thế nào được?... Ở đời ai cũng có quyền tự-do muốn làm gì thì làm, cưỡng-ép làm sao được?

Song tâm-lý-học dạy ta rằng công-việc của người ta ở đời ít khi là do cái chí quyết-định rõ-ràng. Phần nhiều là bởi cái thị-hiếu, cái khuynh-hướng tự-nhiên, bởi lòng dục-vọng, sự cần-dùng nó khiến nên.

Nếu ta biết được tâm-tình người ta, hiểu được những cái tình-ý u-âm, những cái khuynh-hướng tự-nhiên, hay là những cái thói-quen thường ngày của mỗi người, thời cũng có thể dễ đoán trước được người ấy đặt vào cơ-hội nào sẽ xử-trí ra thế nào. Thí-dụ như ta biết một người bụng-dạ rất tốt, tính-khí rất can-đảm, mà ta thấy người ấy đi qua trong đường phố giữa lúc xảy ra một sự tai-nạn gì, thời ta có

thể đoán rằng người ấy tất chạy ra cứu kẻ bị - nạn. Ta có thể biết trước được như thế cũng như ta biết trước rằng miếng sắt để cạnh miếng đá nam-châm tất bị hút vậy...

Nhưng không mấy khi chắc rằng biết được rõ những tình-ý cùng sự dục-vọng của người ta, vậy cũng khó mà đoán được một người kia gặp một cơ-hội kia sẽ xử-trí ra thế nào. Vậy muốn « ảnh - hưởng kẻ khác », tưởng cũng không lấy gì làm chắc - bằng cho lắm. Song xét bề ngoài thì thế, nhưng nghiệm kỹ ra, nếu không xét riêng từng người một mà xét chung cả một số nhiều người, thời thấy cũng có thể chắc-bằng được lắm.

Nhân-loại có chừng mấy ngàn triệu đàn-ông đàn-bà, đại-để cũng là giống nhau cả, chứ không có khác gì nhau mấy tí đâu. Có nhiều cái tình-ý, sự dục-vọng là chung cho cả loài người ta, như tính hiếu-kỳ, tính hiếu-danh, tính ham biết, sự sắc-dục, sự lười-biếng, lòng ham của-cải, ham danh-vọng, cùng nhiều cái tính-tình ý-hướng khác nữa. người nước nào giống nào cũng đều có cả, bất-cứ là người Anh, người Pháp, người Tàu, người Mĩ hay là người An-Nam...

Vậy nếu cứ đan-cử một người, tình-cờ mới gặp, chưa quen biết bao giờ, thời không dám chắc rằng có thể lợi-dụng những cái tính-tình chung kia mà « ảnh-hưởng» được không, nhưng nếu gồm cả một trăm người lại thời có thể chắc hẳn rằng trong số đó sẽ có một phần nhiều người tự-nhiên chịu sự ảnh-hưởng ấy. Nay không những một trăm người mà lại gồm đến một nghìn một vạn người kia, thời cái tỉ-lệ nó cũng thế không sai. Đó là một sự đã kinh-nghiệm nhiều lần, tức gọi là phép « tính độn » vậy *(calcul des probabilités)*. Tỉ như các công-ti bảo-hiểm về sinh-mệnh, thường biết rõ trong số nghìn người bao nhiêu người sẽ chết trước 60 tuổi, biết được đích-xác không mấy khi sai... Lại một công-ti xe-lửa khéo tổ-chức thời biết rõ được ngày hội-hè hay là ngày phiên chợ nào phải kèm thêm bao nhiêu « toa » cho đủ khách... Biết được thế cũng là bởi cái lý-do như tôi vừa nói trên kia, nghĩa là trong một số nhiều người có thể biết được cái phần người sẵn-sàng chịu ảnh-hưởng một cơ-hội nào.

Nói tóm lại thời người ta có thể « ảnh - hưởng » được *(influençable)*, và số người ấy nhiều lắm, vì hết-thảy người ta ai cũng có mấy cái tình-cảm, mấy sự dục-vọng chung, có thể bằng-cứ ở đấy mà đoán được cách ăn-ở, sự hành-vi của số nhiều người.

Nay ta có thể nghiên-cứu và lợi-dụng những phương-pháp «ảnh-hưởng kẻ khác » để mưu việc doanh-nghiệp cho ta, không sợ trái với luân-lý, với đạo-đức không ?

Có, nhưng phải cốt nhất một điều.

Ta thử nghĩ mà xem. Ta lao-động làm-lụng để làm gì ? Để kiếm tiền, cái đó đã cố-nhiên rồi. Có tiền trong tay là sướng, được khỏi lo-lắng, được sống vui-vẻ. Người ta phải làm-lụng, hoặc đem công mình mướn cho người, hoặc thuê người làm đỡ cho mình, là cốt thu-hoạch lấy những sự cần-dùng hoặc vui-thú cho đời mình, nghĩa là cho được sung-sướng.

Tìm kiếm lấy sự sung-sướng, đó là cái mục-đích chân-chính của mọi sự nỗ-lực, mọi sự lao-động, cùng cả mọi sự triết-lý ở đời. Mà hết-thảy người ta, không trừ kẻ nào, cũng đều theo đuổi một cái mục-đích độc-nhất vô-nhị đó. Những người ăn ở với ta, những kẻ làm việc cho ta, những kẻ cùng ta giao-dịch, hoặc là giúp công cho ta, hoặc là xuất tiền cho ta, là cũng mong mưu sự sinh-hoạt cho mình, cũng mong được thanh-nhàn sung-sướng cho thân mình : điều đó thường không mấy ai nghĩ tới...

Vậy thời mua, bán, dùng thợ làm công cho mình, đem công làm thuê cho người, rút lại là phân-phát sự sung-sướng cho kẻ khác mà dành lấy một phần cho riêng mình. Ấy mọi sự hành-động của người đời tóm-tắt lại chỉ có thế thôi, tôi xin các ngài lưu-ý về điều đó, vì điều đó là then-chốt của phép doanh-nghiệp đời nay.

Làm người ai cũng cầu lấy sự sung-sướng, lấy sự thanh-nhàn yên-ổn. Muốn cầu cho được, phải cần đến mọi người ở quanh mình gia-công giúp đỡ. Nhưng chắc là không thể mong người ta chỉ vì bụng tốt mà giúp mình được. Người hàng thịt, người thợ may, người thầu-khoán kia, không phải là chỉ vì bụng tốt muốn giúp ta mà gia-công làm-lụng để cung-cấp cho ta những thứ ta cần-dùng. . ! Muốn cho chắc hơn thì ta đừng có trông mong ở cái bụng nhân-từ của kẻ khác, mà nên trông mong ở cái bụng ham lợi của người ta. Ta giao-dịch với một người nào, tức là bảo người ta rằng : bác cho tôi cái vật này tôi cần, rồi tôi sẽ cho bác cái vật khác bác cần, . . . và tuy ta đối với người thợ may, người hàng thịt, người thầu-khoán, ta không trao lại cho người ta chính hẳn những vật người ta cần-dùng, nhưng ta trao tiền cho người ta để dùng tiền ấy mà mua những vật cần-dùng, thời rút lại cũng thế, vì đồng tiền chẳng qua là một cái vật làm môi-giới vậy.

Như thế thời phàm việc giao-dịch là hai bên đều trông mong nhau để được sự lợi-ích riêng, bên nọ đợi bên kia giúp đỡ cho mình, để được thỏa-mãn sự cần-dùng, lòng dục-vọng của mình.

Vậy thời cái đặc-tính của mọi sự giao-dịch là cái ý « hỗ-tương cấp-trợ » (*le service mutuel*), nghĩa là giúp đỡ lẫn nhau. Đó là một điều phát-minh lớn đương hoán-cải cả phép doanh-nghiệp thời nay. Trong bao nhiêu lâu, có ai nghĩ đến thế đâu. Như lúc nãy tôi vừa mới nói, người ta vẫn tưởng rằng trong đường doanh-nghiệp không thể có đạo-đức được, người nào khéo là người ấy may, nghĩa là dánh lừa cho giỏi, ăn cắp cho bợm, láu-cá rất mực. Quan-niệm về sự lợi-hại thường lấy lợi riêng của một người phản-đối với lợi chung của công-chúng, khiến cho lòng người mờ-ám, không biết cái lợi chân-chính ở đâu. Tây-phương ngày xưa cho ông thánh-sư nghề buôn là thần MERCURE, vừa là thánh-sư bọn kẻ trộm, thật cũng có cớ lắm.

Song đời xưa, sự giao-dịch không có mấy, chỉ quan-hệ đến một số ít người, thì còn thế được, chứ ngày nay, trường doanh-nghiệp mỗi ngày một mở-mang ra vô-cùng, mỗi nhà buôn là có liên-lạc với vô-số các nhà buôn khác rải-rác trên khắp mặt quả đất, thời không thể thế được nữa. Cái mối quan-hệ của các nhà công-thương với nhau bây giờ rất là mật-thiết, khiến cho không một người nào vị lợi riêng có thể công-nhiên đứng lên đối-trĩ với các người khác và biệt-lập một mình để hưởng công của người ta mà tự mình không trao lại cái gì cho tương-đương với công ấy. Nhà doanh-nghiệp ngày nay, tự mình kinh-nghiệm, chứng ở sự-thực, công-nhận và tuyên-bố rằng sự lợi riêng của mình không thể bao giờ dời với sự lợi chung của kẻ khác, và người nào đã hiểu biết cái lợi chân-chính của mình thời không thể không sẵn lòng hoan-nghênh những phương-pháp mới, tất nghĩ trong bụng rằng : « Ta phải nên quả-quyết bỏ hẳn những cái lối buôn-bán sai-lầm hủ-lậu ngày xưa, chỉ mưu-mô lừa dối, hại người lợi mình, và ta nên gắng hết sức « phụng-sự » kẻ bạn hàng để cho người ta bao giờ cũng được bằng lòng mãn-ý.

Phụng-sự kẻ khác, đó là cái yếu-quyết rất linh-nghiệm của phép doanh-nghiệp đời này. Cái mục-đích chân-chính của mọi sự giao-dịch buôn-bán, là làm tôi giúp việc cho người ta. Cả sự đời, mới xét ra tưởng là một cuộc cạnh-tranh quyền-lợi với nhau, kỳ-thực là một cuộc trao-đổi công-việc lẫn nhau. Việc buôn-bán dù lớn dù nhỏ, chẳng qua là một cách trao-đổi công việc, hoặc trong cá-nhân với nhau, hoặc trong các đoàn-thể với nhau.

Ấy sự đạo-đức mới trong phép doanh-nghiệp như thế. Đó tức là cái luân-lý về lẽ « vạn-vật liên-đái » (*Solidarité universelle*) và nghĩa « hỗ-tương phụng-sự » (*Échange des services, service mutuel.*) Bao nhiêu những nhà đại-công-nghệ, đại-doanh-nghiệp trong thế-giới ngày giờ, những người mà thiên-hạ đã tặng cho cái huy-hiệu là ông vua nghề nọ, ông chúa nghiệp kia, vì có cái thế-lực quán cả một thời, những người ấy đều đồng-thanh xướng lên rằng : Trong trường doanh-nghiệp ngày nay, ai mà không theo những phép-tắc luân-lý ấy, ai mà không lấy cái nghĩa hỗ-tương-phụng-sự làm mục-đích, thời không thể nào làm nên sự-nghiệp vững-vàng thịnh-vượng được.

Nhà buôn-bán, nhà doanh-nghiệp thời nay, có một cái nghĩa-vụ rất trọng đối với xã-hội. Tuy mưu việc lợi riêng cho mình, mà thực là mưu sự lợi chung cho kẻ khác, thêm sự thịnh-vượng cho nước nhà, thật là có công với nhân-loại. Thế-giới ngày nay sắp đến một hồi cải-cách lớn, không phải cải-cách về đường chính-trị, mà thực cải-cách về đường kinh-tế : nhà buôn-bán, nhà công-nghệ, cùng hết-thảy những người sinh-sản lao-động, chính là những kẻ ban-phát cái hạnh-phúc, sự sung-sướng cho người đời, giúp cho người, mà đồng-thời lại lợi cho mình. Các ngài nên nhận kỹ điều này ; phàm những nhà hàng thu được nhiều tiền nhất là những nhà biết nghiên-cứu sự cần-dùng của khách mua hàng và gia-công làm cho được thỏa-mãn, nói tóm lại là những nhà biết khéo chiều khách hơn nhất.

Các ngài có biết tại làm sao mà những nhà hàng lớn ở *Paris* cứ ba bốn năm lại phải mở rộng thêm ra mãi ? Là vì khách mua hàng đến mua ở đấy chắc trong bụng rằng không phải bị đánh lừa, không phải sợ mua hớ. Giá đồ hàng bao nhiêu đã biên ra rõ đấy, mà giá là nhất-định, biểu rõ cái chân-giá-trị của các đồ hàng ; lại mua thứ đồ hàng gì mà không như-ý thời có thể đem lại đổi thứ khác hoặc lấy tiền lại. Người khách đến đấy, bao giờ cũng được tiếp-đãi tử-tế, tựa-hồ như bao nhiêu người làm việc trong những nhà hàng lớn ấy là chỉ chăm-chỉ sẵn lòng làm tôi giúp việc mình mà thôi.

Tiện đây tôi kể một câu truyện như sau này đủ tỏ cái cách một nhà buôn ngày nay phụng-sự các bạn hàng thế nào.

Ở Luân-đôn là kinh-đô nước Anh, có một cửa hàng rất lớn ai vào mua thứ gì cũng có, ông chủ cửa hàng ấy là ông HARRISON đã từng nói rằng người ta có thể bước chân vào cửa hàng ông, mình-mẩy không bận một tí gì, mà đến khi bước ra quần-áo chỉnh-tề từ đầu chí gót, lại thêm xe song-mã, xe ô-tô, nhà-cửa đồ-đạc đủ cả, đến đây tớ người hầu cũng đủ hết !

Một ngày kia, đã khuya, có một bà đánh máy-nói gọi ông HARRISON, trách rằng quên không gửi đến cho bà ấy một mớ hàng đã mua. Số là bà ấy có đến mua một cái đồ chơi để sáng mai cho đứa con trai nhỏ, người làm trong cửa hàng hứa rằng chiều hôm ấy sẽ cho người đem đến tận nhà, bà đợi mãi mà không thấy; mà bấy giờ chính là ngày lễ *Noël*, lễ này ở nước Anh trọng-thể lắm, người ta thường mua đồ

chơi cho con trẻ. Bà ấy nói ra giọng tức mình lắm, vì lúc ấy đã khuya rồi, ngày mai các cửa hàng lại đóng cửa, thành ra con bà không có đồ chơi. Bấy giờ ông HARRISON làm thế nào? Ông là ông chủ nhất trong cửa hàng, mà không phải chính ông đã hứa gửi hàng cho nhà bà ấy. Giá vào nhà hàng khác, vào ông chủ khác, thì tất nói thoái-thác rằng: « Tôi cũng lấy làm tiếc lắm... thôi xin bà miễn-chấp cho, bà bằng lòng vậy », thế là xong chuyện, mà nhà bà kia không bằng lòng vẫn hoàn không bằng lòng, nhưng mà tôi đã nói cửa hàng ông HARRISON không phải là cửa hàng tầm-thường, chính là nơi buôn-bán to nhất ở thành Luân-đôn. Ông là một tay đại-thương nhất nhì ở nước Anh, mà lại là một người sành nghề doanh-nghiệp đời nay.

Ông bèn trả lời cho bà mua hàng ấy rằng: Người làm ông đã hứa như thế tức cũng như chính ông đã hứa và sáng ngày mai thế nào cậu bé cũng sẽ có đồ chơi.

Quả-nhiên như thế, sáng ngày mai là ngày *Noël*, mới tang-tảng sáng, có cái xe ô-tô đỗ trước cửa hàng HARRISON. Chính ông chủ ở trên xe xuống, bảo tên canh cửa mở cửa vào, tên canh cửa lấy làm kinh-ngạc không hiểu ông chủ đường-đột đến làm gì. Ông vào thẳng khu các đồ chơi trẻ con, tìm được cái bó của bà khách mua hôm qua, rồi lập-tức cách năm phút đồng-hồ đến bấm chuông ở cửa nhà bà ấy, giao học đồ chơi cho đứa đầy-tớ cầm vào. Các ngài thử nghĩ bà khách ấy nhận được như thế thì vui-vẻ biết đường nào, và chắc rằng nói chuyện khắp cho các bà-con quen-thuộc biết, vì ông chủ một cửa hàng lớn như thế, chỉ nhân vì một món hàng rất nhỏ-mọn mà biết khéo chiều khách như vậy, ai nghe nói mà không ngợi-khen. Ngợi-khen ông tức là biết đến cửa hàng ông, thế thì ông HARRISON xử-trí như thế, chẳng là khôn-khéo lắm và thuộc cái phép doanh-nghiệp đời nay, là hết lòng chiều khách, không có để cho một người khách nào đến không bằng lòng mà bỏ cửa hàng mình đi.

Tôi nói thế chắc có ông nói lại rằng khách mua hàng cũng nhiều người khó tính lắm, hay nghi-ngờ, lại chỉ tìm cách biền nhà hàng mà thôi.

Thật quả như thế, có nhiều người khách khó tính thật, có người chỉ lảu-cảu luôn, thế nào cũng không bằng lòng, tưởng nhà hàng bán mỗi món hàng phải tặng thêm đồng bạc nữa thì mới thỏa...

Nhưng mà cái thuật bán hàng, cái tài doanh-nghiệp, chính là phải làm thế nào dỗi được ý người khách. Ông kia bà kia bước chân vào trong hàng mình hầm-hầm như kẻ thù người địch, nếu mình có tài khôn-khéo thời phải làm thế nào cho đến khi bước chân ra thành người bạn hàng thân-thiết. Có lẽ một lần đầu cũng chưa thể làm ngay được. Nhưng mà dần dần khách đến hàng mình thấy mình thật-thà sẵn lòng chiều họ, hiểu cái chức-vụ của mình đối với họ, thì rồi họ cũng đem lòng mến.

Nói rằng khách hay có bụng nghi-ngờ ư, tưởng rằng mình cố-ý bán đắt cho họ và đồ hàng không xứng với giá hàng ư? Nhưng mà cái đó chẳng là lỗi tại mình ư? Chẳng phải mình hay có thói quen đặt giá không nhất-định, khi tăng khi giảm quá-đáng, khiến cho người ta không biết thế nào là bằng-cứ, mà ngờ rằng mình có ý biền người ta ư? Khách mua hàng quen những thói bấp-bông như thế, thành ra bụng-ngờ, không tin ở lời mình nữa. Nào những nhà buôn-bán, nhà công-nghệ An-Nam, các ông phải làm thế nào để tỏ ra rằng các ông là người

biết tiến-bộ và đã hiểu cái phép doanh-nghiệp thời nay.

Các ông nên bỏ những thói hủ-lậu ngày xưa, và phải biết rằng cứ dùng những cách ấy thì không khi nào mở-mang phát-đạt được. Ngày nay phải lấy một cái lý-tưởng rất cao làm phương-châm cho sự làm ăn. Trước nhất, chuyên nghề gì phải có cái học chắc-chắn về nghề ấy. Bán thứ hàng gì phải cho thuộc mặt hàng, phải cho rõ giá buôn, phải biết định giá bán bao nhiêu cho được lợi phải-chăng. Phải biết quan-sát sự cần-dùng, lòng dục-vọng của công-chúng, và nếu có thể làm được, thì đặt thêm những cách dùng mới lạ cho người ta.

Lại phải thấu hiểu cái nghĩa « hỗ-tương phụng-sự », là một nghĩa rất cao về luân-lý, về đạo-đức. Mình *phụng-sự* người khách mình là mình cung-cấp những đồ thích-dụng cho người ta mà lấy giá phải-chăng. Người ta *phụng-sự* lại mình, là người ta trao tiền cho mình để mình có cách được sinh-hoạt sung-sướng, dạy-dỗ con-cái, mở-mang sự-nghiệp v.v..

Buôn-bán, làm nghề, làm công hay làm chủ, hết-thảy là làm tôi lẫn nhau cả. Phải biết rằng người nào gia-công gắng sức để làm cho thỏa-mãn những sự cần-dùng của người ta, người nào sinh-sản phát-minh ra được những đồ-vật mới, hay là người mua đi bán lại cho nhiều người được có đủ những đồ cần-dùng cho sự sinh-hoạt, sự an-nhàn của mình, nếu biết lấy đó làm một nghĩa-vụ cao-thượng mà hết lòng làm cho trọn, thời thật là những người có công với nhân-loại, có ích cho nước nhà.

Thưa các Ngài, tôi nói thế là cũng gần hết rồi. Tôi tưởng tôi cũng đã nói rõ để các ngài nghe làm sao mà sự đạo-đức lại cũng có can-thiệp đến việc buôn-bán, việc doanh-nghiệp. Can-thiệp là can-thiệp bởi cái nghĩa « hỗ-tương phụng-sự » đó, là nghĩa lớn trong đạo doanh-nghiệp đời nay.

Duy có nghĩa đó mới làm cho cách doanh-lợi của người ta được chánh-đáng, vì người mưu-tính công nọ việc kia, vừa vụ lợi cho mình mà lại vừa làm ích được cho kẻ khác. Lại duy có nghĩa đó mới làm cho những phương-pháp doanh-nghiệp ngày nay được chánh-đáng, vì phần nhiều các phương-pháp ấy là lấy phép « ảnh-hưởng kẻ khác » làm gốc. Sau nữa, duy có nghĩa đó mới mong tìm phương giải-quyết được nhiều những vấn-đề quan-trọng trong các xã-hội đời nay.

Vậy thời, hỡi các nhà thực-nghiệp, các ngài phải biết trọng lý-tưởng mới được. Trọng lý-tưởng không phải là nên mơ-mộng đâu, không phải thế.

Những lời tôi kết-luận đây, không phải là lý-thuyết viển-vông đâu. Đó là những điều đã kinh-nghiệm do những nhà doanh-nghiệp, có tiếng trong thế-giới đã từng trải lâu năm mà xướng-suất ra. Các nhà ấy đều dạy rằng: Muốn làm cho thành-công, cho đắc-lợi, thì làm việc gì cũng vậy, bao giờ cũng phải có cái tư-tưởng phụng-sự những kẻ có giao-dịch với mình, ngoài cách ấy, ngày nay không còn có cách nào khác nữa.

Về đường kinh-tế, nước Nam ngày nay đương tiến-bộ rất mau. Các ngài phải gia-công mà khuếch-trương các công-nghệ thương-nghiệp; các ngài phải hết sức mà cải-lương nông-nghiệp trong nước; nhưng việc gì cũng vậy, phải làm theo những phép tối-tân ngày nay, phải theo con đường trước mặt mà đi, phải học-hành cho thông-thạo, phải cho các con em đi học cho nhiều, nhưng học là học theo những cái mục-đích về đường thực-tế, chứ không phải là chỉ học

để lấy cái bằng-cấp nọ, bằng-cấp kia đâu.

Các ngài phải hiểu rõ rằng những người làm chúa-tể thế-giới bây giờ, trong tay ban-phát sự hạnh-phúc cho người đời, là những người có sinh-sản được cái gì, bất-cứ là nhà buôn-bán, nhà công-nghệ, nhà văn-học hay nhà mĩ-thuật.

Các ngài phải đem hai chữ đạo-đức sáp-nhập vào mọi sự giao-thiệp về việc buôn bán, việc doanh-nghiệp, việc đối-đãi kẻ làm công, người làm chủ. v. v..

Chức-vụ của các ngài trong xã-hội là to lắm, các ngài phải biết tự-cao. các ngài phải bạo-dạn mà bước lên, cứ đường thẳng mà đi, lấy bụng công-bằng chính-trực, lấy lòng «phụng-sự» người ta mà làm gốc cho sự hành-động của mình.

Như thế thời chắc là mưu việc gì được việc nấy, muốn làm giàu không khó gì, và lại có công với nước nhà, với nhân-loại nữa.

N.-P. *dịch*

CÁC THI-NHÂN NƯỚC TÀU (1)

Sau đây là lời một nhà văn-sĩ tây bình-luận về thi-học Tàu, ý-kiến mới lạ, xin dịch ra để công đồng-lãm.

... Một tháng sau, tôi đi xuôi giòng sông Dương-tử, qua tỉnh Tứ-xuyên, là nơi quê-hương mấy bậc thi-hào có tiếng của nước Tàu.

Mới ở nơi phong-cảnh ủ-ê ra, trong lòng không lấy làm thỏa-mãn, tôi bèn quay ra nghiên-cứu về thi-học nước Tàu, để thử dò lấy tính-tình người Tàu những khi biểu-lộ ra một cách thanh-tao. Thi-học ở nước Tàu cũng như ở các nước khác, lúc mới đầu là thuộc về nghi-lễ. Những bài trong kinh *Thi* của Khổng-phu-tử san-định, rồi đời sau biết bao nhiêu người gia-công giải-thích huấn-hỗ, chẳng qua là những câu hát của con trai con gái xướng-họa với nhau những ngày hội-hè, cùng những buổi giai-tiết trong một năm. Hơn hai nghìn năm nay ở nước Tàu nghề làm thơ đã sành-sỏi lọc-lõi lắm. Nhưng mà thời-đại thi-học thịnh-hành nhất là đời nhà Đường từ thế-kỷ thứ 7 đến thế-kỷ thứ 10, và đời nhà Tống sau nhà Đường. Thi với họa là liền với nhau. Họa-học của Tàu không có hình-dung hiển-nhiên các sự-vật cho mắt ta trông thấy, chỉ phác-họa một vài cái hình-ảnh để làm như cái mào cho ta tưởng-tượng ra các cảnh-vật trong vũ-trụ; thi-học cũng vậy, không có tả-mạc kỹ-lưỡng tinh-tế mà chỉ điểm-xuyết một vài nét cho có tinh-thần, có ý-tứ, cũng đủ cảm được lòng ta, động được trí ta, đưa thần-trí ta vào một cõi nửa như tư-tưởng, nửa như cảm-tình, có thể gọi là «cõi tưởng-mộng» (*la pensée-rêve*). Người làm thơ là những người bác-học năng-vận cả, lại phần nhiều là những bậc sĩ-đại-phu trong nước. Tuy giữ những chức trọng quyền cao, nhưng mà không có mải-miệt trong sự quyền-chức,

(1) Trích-dịch ở bài du-ký của ông văn-sĩ nước Pháp ABEL BONNARD đi du-lịch nước Tàu năm 1921.

theo như lời ông SAINT-ÉVREMOND đã nói về người La-mã đời xưa rằng: « Tuy làm quan mà vẫn giữ được cách làm người » (*Ils ne renonçaient pas à l'homme en faveur du magistrat*). Đời nay người ta phân-công nhiệm-chức rõ-ràng và chặt-chẽ quá, không thể tưởng-tượng được cái cách độc-lập ung-dung như thế. Ngày nay, dù là việc nhỏ, dù là việc lớn, xã-hội rồi chỉ có những người làm công cả mà thôi. Nhà khoa-học thời khu-khu trong cái chuyên-môn của mình, không có rỗi thì-giờ mà xét đến những điều nghĩa-lý lớn. Nhà quan-lại thời thuộc về chức mình. Nhà thi-nhân chẳng qua là một tay chuyên nghề làm thơ làm văn mà thôi.

Chia việc ra như thế, thành ra mỗi người chỉ là một mảnh người, không phải là người hoàn-toàn nữa. Chứ như các ông Tàu đời xưa kia, thì vẫn trị dân đấy, vẫn giúp nước đấy, vẫn phò vua đấy, nhưng mà gặp khi đắc sủng không bị lầm vì cái quyền cao chức trọng của mình, chẳng may thất-sủng, cáo lui về nhà, thời mình vẫn là mình, bấy giờ có thổ-lộ ra lời thơ lời ca, không phải là chỉ bởi cái tài khéo ngâm-vịnh, chính là bởi cái nhân-cách thanh-cao của mình. Những bài thơ ấy thường thường là dẫn-chứng những bài cũ khác, tựa-hồ như mượn lời cổ-nhân để giãi tấm lòng mình, cho nên dùng những điển-cố xa-xôi, ta xem khó hiểu. Tuy vậy mà đọc đến vẫn còn cảm-động; lối thơ không có say-sưa rậm-rạp như lối thơ Ấn-độ, cũng không có réo-rắt véo-von như lối thơ Ba-tư, nhưng vẫn-tắt như những bài đoản-thiên của ông HORACE mà không nhẹ-nhàng bằng, cũng có khi giống như lối thơ trào-phúng trong sách *Anthologie* mà không có giọng vui-vẻ bằng: thường là những lời ngẫm-nghĩ về sự đời, ngậm-ngùi như một tiếng thở dài, những tình-ý trong bài thơ như dìu-dàng, như êm-thấm, như tình-ý những người đã am-hiểu sự đời lắm lắm. Nhưng mà những nhà thi-nhân ấy, dù thủa bình-sinh đã làm gì mặc lòng, cũng là không đoạn-tuyệt quan-hệ với cái vũ-trụ ở quanh mình; dẫu ở chốn triều-đình, nơi lăng-miếu mà ra, hay là ở chỗ học-vấn nghiên-cứu, hay là ở nơi tật-bệnh lao-lung, vẫn còn giữ được cái tư-cách thanh-nhân, và trông thấy vẻ mùa thu còn biết cảm.

Người đời nay vì biết rõ cái thân-phận mình bị lìa-cách với cảnh-vật thiên-nhiên, thời tưởng cực-khổ không biết bao nhiêu. Cổ-lai không có kẻ tù-nhân nào bị giam-hãm bằng người làm việc trong buồng giấy hay trong nhà máy. Ngày xuân cảnh đẹp, kho vô-tận của thiên-nhiên, đối với những hạng người ấy, có cũng như không. Người khách qua đường nọ lủi-thủi đi đêm, ánh hàn-quang chiếu rọi vào đầu trán, cũng không biết cảnh trăng đêm là đẹp. Người đời nay không những buồn hơn người đời trước, mà lại tàn-bạo hơn. Thử nghĩ người Nhật-bản ngày xưa, đối với các mùa thay-đổi, có cái cảm-giác êm-đềm thanh-thú biết bao nhiêu, thế mà sánh lại với những người ở các thành-thị ta bây giờ, ngày chủ-nhật tháng năm, kéo nhau lũ-lượt về những nơi đồng-điền để «thưởng xuân», gặp bông hoa đẹp cảnh lá tươi thời vặt lấy vặt để, làm cho đau lòng cả cỏ cây, chiều đến kéo nhau về thời lòng xuân đã tê-tái, cảnh xuân đã điêu-tàn. Đến những kẻ đi săn đi câu là những kẻ còn có giao-tiếp với cái cảnh-vật thiên-nhiên, thời chỉ giao-tiếp bằng một tấm lòng độc-ác. Còn các nhà văn-sĩ thời chỉ biết tả cảnh bằng những câu sáo cũ vô-vị. Xưa kia nước ta còn có những ông giáo già hơi giống như các nhà nho Tàu; các cụ thích thơ la-tinh, thường hay làm

thơ, sùng-trọng văn-học nên, có lòng luyến-ái cảnh thiên-nhiên, trong khi đọc thơ VIRGILE còn cảm-giác tới con ong, cây liễu, cái suối. Nhưng mà các cụ mỗi ngày mất dần đi, đến những kẻ tự-xưng là độc-thư-nhân lại là những kẻ làm nô-lệ quyển sách hơn cả : con mắt đọc sách là con mắt không biết quan-sát. Nhà học-vấn ngày nay sinh-hoạt bần-tiện, không rảnh thì-giờ, không biết cái khoái-lạc ở đời là gì, hoa mùa xuân cũng như là gái má phấn, không mấy khi được hưởng đến.

Ở bên Tàu kia thời dẫu nhà nho hèn, trên kỷ cũng có một cành cây nhỏ như cái dấu-hiệu của cảnh-vật thiên-nhiên. Người tri-nhân quân-tử ở đây không phải bỏ mình mới hòa được với vạn-vật. Ở Âu-châu người ta như bị chia rẽ mình luôn, ở Á-châu thời người ta hỗn-hợp với hết-thảy ; dù là thuộc về đạo Phật, dù là thuộc về đạo Lão, các thi-nhân nước Tàu có cái cảm-giác mình với sự-vật, sự-vật với mình cũng là một, và cảnh trước mắt với tình trong lòng cũng là giao-thông liên-tiếp nhau vậy. Ở Âu-châu ta, ví nhà bác-học, nhà ngoại-giao, nhà chính-trị, còn có đủ cái chân-tính tự-nhiên, dễ trông thấy con chim én liệng trên mái nhà mà biết lấy làm vui làm thích, lại có đủ cái tài khéo-léo để mà diễn-tả cái tình-cảm của mình, lại có đủ lòng êm-ái để mà trông thấy sự đời biết tủm-tỉm cười, ví có những tay như thế mà làm thơ, mà ngâm-vịnh, thời thử nghĩ những thi-ca ấy sẽ có cái thú đặc-biệt, cái vị lạ-lùng biết thế nào !

Phần nhiều người sống lắm lại càng thêm bề-bộn về sự sống, không thấy khôn-ngoan ra chút nào ; nếu càng già càng từng-trải, càng từng-trải càng khôn-ngoan, thời người già ở đời quí-báu là dường nào !

Bởi thế nên thơ Tàu có cái phong-thú lạ như thế. Những người làm thơ là người không còn mờ-hoặc gì sự đời nữa. Đối với người đàn-bà, dù là người ca-nhi, dù là kẻ kỹ-nữ, cũng coi như là một giống kém mình, duy có cái phong-thú riêng đủ làm một vật mua vui mơ-màng trong một lúc mà thôi ; cũng giống các bậc cổ-nhân bên Tây-phương, chỉ lấy tình bè-bạn làm sự vui-thú, còn có thể là còn chút quan-hệ với nhân-loại, không thời thuần-nhiên là người ẩn-dật vậy. Lời thơ có cái ý-nhị kín-đáo, rất là tao-nhã, nhưng có một cái vẻ buồn, như cái buồn của người hiền-triết, đã lấy sự sống làm nhọc-nhằn, và biết rằng ngoài cõi đời không còn gì nữa.

Cũng có nhà làm thơ ngâm-vịnh sự say-sưa rượu chè, như ông Lý Thái-Bạch, là một tay làm thơ tuyệt-tài. Nhưng mà chớ lấy thế mà cho ông là một người chè-rượu bê-tha. Sự say rượu là liền với sự mộng-tưởng, là một cách của kẻ cao-nhân muốn lánh xa những sự bỉ-ổi ở đời ; những lời ông Lý Bạch tán-dương cái công-đức của rượu, cũng giống như ông OMAR KEYYAM, đều có một cái nghĩa thần-bí. Vả ông Lý Bạch vốn ưa cảnh trăng lắm, ví là người tục-tần, thời không biết cảm-tình với chị Hằng như vậy. Ai cũng biết cái cách ông chết lạ-lùng là thế nào. Ông bị vua đòi trở về Kinh-đô, một đêm kia đi thuyền, theo thói thường rượu đã ngà-ngà, trông thấy bóng trăng dưới nước đẹp quá, giơ tay ra ôm lấy, bèn trượt chân ngã xuống sông chết. Cái chết phong-thú thay ! thật là chết giữa giấc mộng thần-tiên ! Ông Lý Thái-Bạch ấy vốn là dòng-dõi vương-tôn. Lệ thường các nhà đại-mĩ-thuật hay có tính khẳng-khái bất-cơ, không chịu luồn-lụy ai cả. Phàm lễ-phép nơi triều-miếu, ông chẳng coi vào đâu cả. Lúc nào ông

cũng có bài thơ đương nghĩ, nên không để trí về sự gì cả. Ông có lập một cái hội tám người uống rượu thật giỏi, làm thơ thật tài, gọi là bát-tiên.

Vua yêu cái thiên-tài của ông, ban cho ông một bộ áo ngự đủ cả các thứ. Ông thường ăn-mặc như thế vào những nơi tửu-quán để đánh chén, các bạn rót rượu dâng ông, giả làm chư-hầu chúc-tụng thiên-tử.

Ông Đỗ-Phủ cũng là một tay thi-hào tuyệt-luân. Ông chỉ yêu cái tự-do của ông mà thôi. Nhà-nước cho chức quan, ông nhất-thiết từ-chối. Được bổ làm quan đầu một thành nọ, giữa hôm lĩnh chức, trước mặt cả các quan hội-đồng đông-đủ, ông giải ấn xin về, vái lạy rồi cáo lui. Ông vào ẩn trong núi, lang-thang khốn-nạn, mà vẫn lấy làm sung-sướng. Song có kẻ biết ông tìm ông, cố theo ông cho được, đến khi gặp ông thời ông chối không nhận là mình; mãi đến sau có một ông quan hay chữ kết bạn được với ông mới cố dụ được ông về ở với mình. Bao nhiêu cái lưới danh-lợi ông tránh được cả, ông chỉ mắc có cái lưới bạn-bè.

Đến ông Bạch Cư-Dị cũng là một người bác-nhã quân-tử, thời lại chịu khó làm quan. Tưởng không có ông quan nào cẩn-trọng và nghiêm-nghị bằng ông. Nhưng ông đã có một cái vườn riêng để làm chỗ nghỉ-ngơi và cùng với bạn-bè ngâm-vịnh. Sau khi ông chết, vua cho khắc thơ của ông lên đá, và thiên-hạ tranh nhau mất tiền mới được sao-chép những bài thơ ấy. Khi nào có người xa lạ đến chơi đất kinh-đô, mua được lụa báu chè ngon cũng chưa lấy làm thỏa, phải làm thế nào chép được mấy bài thơ của ông Bạch, mới lấy làm bằng lòng.

Các thi-nhân khác thời kẻ lánh xa cõi đời, người đi tu đạo Phật, đặt mình vào cõi xả-thân vong-kỷ. Có đặt hiệu thì dùng những chữ rất khiêm-tốn, như tự-xưng là người hèn-mọn, nhỏ-nhen, vô-tài, vô-đức; lòng tư-kỷ đã bỏ đi hết cả, cái chấn-vực của bản-thân đã phá đi thanh cả, thời thân mình cùng với vũ-trụ cũng là một, mình tức là cái núi kia, tức là đám mây nọ.

Những cái phong-thú đó bây giờ mất hết cả rồi; khác nào như cõi thế-giới đã kiếp-hỏi, chỉ còn phảng-phất trong tư-tưởng một người khách du-lịch phương xa; cái thế-giới ấy xưa kia phong-thú vô-cùng, lọc-lõi vô-cùng, sảnh-sỏi vô-cùng, mà cao-thượng vô-cùng.

Ông Lý Bạch ngông-cuồng như thế, không những vua không chấp mà vua lại tha cho, thậm-chí mưu phản làm loạn vua cũng không bắt tội.

Lại một ông thi-nhân nữa, ở giữa nơi triều-miếu mà ăn nói sỗ-sàng, đến có người tâu đến tai vua, vua rộng lòng dung-thứ, nói rằng kẻ thiên-tài không bắt nét được như người phàm-dung. Chúng ta ngày nay, trong cách xét người, ít ai có được cái bụng khoan-dung đại-độ và chính-trực công-bằng như thế.

Tôi cũng muốn trích-lục ra mấy bài thơ Tầu để cống-hiến cho chư-độc-giả, nhưng mà xin độc-giả trước khi xem thơ phải nghĩ đến cái đường-đất bài thơ phải đi qua xa-xôi biết bao nhiêu rồi mới đến tay mình thưởng-thức. Đời xưa vua chúa các nước biết tiếng nhau thường sai sứ đem những của báu sang tặng lẫn nhau. Sứ-bộ lúc khởi-hành cũng là đi bằng-quơ, không biết đích xứ-sở nào. Khi bắt đầu đi thì lễ-vật châu-báu biết bao nhiêu mà kể. Nhưng mà đường đi thiên-nan vạn-nan, núi sông cách-trở, lại gặp những giặc cướp vô-số, bóc-lột mất nhiều. Khi tới nơi thì quá nửa đồ châu-báu mất cả. Thơ chữ tàu mà truyền-dịch sang chữ tây, cũng tức như người đi sứ đó, đường-đất

xa-xôi, giao-thông cách-trở, tự thế-giới Thái-Đông sang đến thế-giới Thái-Tây, đã mất đi quá nửa những chân-châu bảo-ngọc lúc mới đầu. Sang đến tay ta, hoặc còn được hòn khuê-bích nào đủ chứng rằng lễ tặng hậu. Nhưng mà thế cũng còn đáng được chút cảm-tình của một người khách phương xa...

Trong khi tôi dương cảm-thông giao-tiếp với những bậc triết-nhân quân-tử của nước Tàu đời xưa, thời sông Dương-tử vẫn bát-ngát mênh-mông ở quanh mình. Trời u-âm, nước phẳng-lì. Chỉ có một buổi sáng, trong đám sương mù, trông thấy một đội thuyền ở trước mặt. Tàu tôi đi theo kịp, lại chạy mau hơn. Thấy trong thuyền đầy những quân lính, đứng lố-nhố ở trong cửa bồng, ở mũi thời có một đội lính cầm chèo, vừa chèo vừa hò-hát cho dịp. Cờ-xí phất-phới, cái đỏ, cái xanh, cái thời chữ nhung lấp-lánh. Cờ ấy, người ấy, thuyền ấy, hình-thức cổ-lỗ, chầy giữa hai bờ sông phẳng-lặng êm-đềm, thật là một cái cảnh-tượng cổ-thời, thuộc về một thế-giới xa-xôi.

Tôi nhìn con sông, tưởng như quen biết đã lâu: bấy nhiêu cái thác vẫn thấy y-nguyên chỗ cũ, chồm lên nhảy xuống như một lũ hổ-báo cào vuốt vào những đống đá đen. Đến chiều tàu đỗ. Trên mặt nước chỉ thấy một cái nhà lơ-thơ, sương buổi chiều che tỏa bốn bề, trông như một người tiều-phu mang gánh củi nặng. Trong đám sương mù, thấy xa-xa như có một cái thành-phố ở trên sườn núi. Sắc trời càng giờ càng nhạt dần đi; bấy giờ cái mộng-hồn của khách tha-phương, như cũng mênh-mông, cũng bát-ngát như lòng sông nọ, không có bờ-cõi nào nữa. Dương mộng-du những nơi thế-giới cổ-xưa, vụt thấy cái cảnh thảm-đạm u-âm một buổi chiều như trăm nghìn buổi chiều khác, mà trong giây-phút như cảm-giác được cái lẽ thịnh-suy của các nước cùng cái số-phận hư-không của hết-thảy người ta cùng sự-vật. Những lúc chúng ta chỉ khu-khu trong cái cuộc đời nhỏ-mọn của mỗi người, thời những công việc phiền-tỏa, những sự lo lắng chẳng đâu đâu nó chiếm mất cả phần thì-giờ ta, không còn rảnh đâu mà buồn được như những lúc này, mà có buồn thế mới cảm được cái lẽ huyền-diệu của trời đất. Cái buồn ấy là một cái thú đặc-biệt của khách du-lịch vậy...

HỒNG-NHÂN *dịch*

PHÁP-DU HÀNH-TRÌNH NHẬT-KÝ (1)

X

Thứ năm, 18 tháng 5
(tiếp kỳ trước)

Ở đường *d'Ulm* đi lại, vừa trông thấy mặt tả diện *Panthéon*, sừng-sực trước mắt như một cái vách đá trăm thước cao. Qui-mô coi cũng hùng. Điện hình chữ thập, trừ mặt tiền có cột đá, có cửa vào, còn ba bề bịt-bung kín-mít, không có một chỗ hở. Tưởng như một cái mả xây bằng đá của một con thú lớn đời tiền-cổ nào. Mà thật điện này chính là một cái mả chung của danh-nhân nước Pháp. Nguyên trước là nhà thờ bà thánh GENEVIÈVE, là thần bảo-hộ của thành *Paris*, đời Cách-mệnh dùng làm đền kỷ-niệm danh-nhân, sau lại mấy lần làm nhà thờ, rồi đến năm 1885 mới

(1) xem *Nam-Phong* số 58, 59, 60, 63, 65, 66, 68, 69, 70.

định hẳn là đền kỷ-niệm. Bây giờ trong đền chỉ có tượng và tranh mà thôi. Tượng thời cũng thường, không lấy gì làm lạ, duy tranh có những bức bích-họa lớn, khắp từng gian tường, vẽ các tích trong lịch-sử nước Pháp. Nét đan-thanh, hồn tổ-quốc, tức là những bài sử-học hiển-nhiên cho người Pháp đời nay, giục lòng nhớ đến công-nghiệp đời trước. Nào tích vua CHARLEMAGNE, nào truyện bà JEANNE D'ARC, đẹp nhất là những bức của ông PUVIS de CHAVANNES vẽ sự-tích bà thánh GENEVIÈVE. Ông là một nhà danh-họa đời nay, mới mất mươi lăm năm nay, đọc sách vẫn biết tiếng ông, nay mới được xem bức vẽ của ông. Người đời nay mà vẽ một người liệt-nữ về nghìn năm trước, chắc là không có bằng-cứ gì, chẳng qua là ở sự tưởng-tượng cả. Vậy mà tưởng-tượng thế nào đến tả-mạc ra hiển-nhiên như thực, khiến cho người xem phải cảm-động, thật cũng phải có cái bút tài thế nào mới vẽ được thế. Bà GENEVIÈVE là một người con gái thành *Paris*, hồi tướng Hung-nô ATTILA vào đánh phá thành ấy, bà đốc-suất dân-quân ra chống-cự, kinh-thành được thoát-nạn. Đời sau Giáo-hội phong-tặng cho bà lên bậc thánh. Tức cũng như truyện hai bà Trưng nước ta, nửa thực nửa huyền, không gì bằng-cứ. Ngày nay ai biết hình-dung mặt-mũi hai bà Trưng thế nào? Nhưng nếu có một tay vẽ giỏi, lấy sức tưởng-tượng mà tả-mạc ra hình-ảnh hai bà, hiển-nhiên ra hai người con gái Lạc-tướng, con mắt nét mặt như chan-chứa cái lòng căm-giận vì nước vì nhà, thế chẳng là phục-sinh được người đời trước và giúp cho người đời sau học quốc-sử dư? Thực hay hư, việc đã đến ngoài nghìn năm, không biết đâu mà đoán-định. Bà GENEVIÈVE với bà Trưng-Trắc có thực như chuyện trong sử thật lại không? Không thể biết được, và cũng không cần phải biết cho rõ làm gì. Nhà mĩ-thuật có thể bằng-không mà sáng-tạo ra được, thời há chẳng nên mượn tích của lịch-sử mà tả-mạc những người đời xưa, để nuôi lấy tấm lòng yêu nước của người đời sau dư? Đó là cái nhiệm-vụ tối-cao của nhà mĩ-thuật. Nước ta bao giờ mới có một tay họa-sĩ có tài biết nghĩ đến những sự đó? . . . Trong mấy bức của ông PUVIS DE CHAVANNES tả về tích bà GENEVIÈVE, có một bức tôi lấy làm khéo lắm, là bức đề là « Bà GENEVIÈVE thức đêm canh cho thành *Paris* ». Bóng trăng chiếu rọi, trong tỉnh-thành ai nấy đều ngủ yên cả, duy có một người thức. Người ấy là ai? là một người con gái mộc-mạc, ở một cái phòng nhỏ, bên cái gác sân con, ra đứng trước bao-lơn, nhìn xuống dưới phố-phường, nét mặt đau-đớn, con mắt đăm-đăm, trong bụng nghĩ những gì? Chắc nghĩ rằng: « Cái vận-mệnh thành này chỉ còn một sợi tóc, mà người dân trong thành không ai biết lo cả. Âu là ta phấn-nhiên ra cứu cho lũ mê ngủ đó. Nay đêm còn trường, ngày chưa sáng, ta nên thức mà canh cho bọn đó ngủ...» Nét vẽ khéo lắm, linh-hoạt như người sống thật.

Xem xong trong điện rồi, xuống dưới hầm; dưới hầm cũng rộng như trên, có mả của mấy bậc danh-nhân ở đấy. Mới đến có cái điện nhỏ thờ quả tim của ông GAMBETTA; rồi đến mả ông J.-J. ROUSSEAU, ông VOLTAIRE, ông SOUFFLOT là người họa kiểu dựng ra điện PANTHÉON này; mộ ông LAZARE và SADI CARNOT, ông VICTOR HUGO, ông EMILE ZOLA, ông bà BERTHELOT, v.v.

Xem xong dưới hầm, trèo lên trên mái. Mái đây là một cái mái tròn, như một cái vung úp ở trên cái mộ vậy. Cao ngót trăm thước, có thang cuốn đi lên tận trên đỉnh, trèo hết mấy trăm bậc thang, đã thấy chồn chân. Đứng trên ấy

thu quát - được cả cảnh - tượng một phần thành *Paris*.

Có người cho kiểu điện *Panthéon* này là nặng-nề và nghiêm-lặng quá. Tôi tưởng đã là cái đền kỷ-niệm, lại là một cái nhà mồ, thời có cái vẻ nghiêm-trang lạnh-lẽo là phải. Còn cho là nặng-nề quá, tôi tưởng cũng không phải là không hay ; cái mà phải có vẻ vững-vàng kiên-cố, như thiên-niên bất-dịch vậy.

Ra ngoài cửa, ngoảnh lại nhìn, thấy lồng-lộng chữ vàng trên biển đá một câu đề rằng : « Nhà-nước cảm ơn kẻ danh-nhân ».

Thứ sáu, 19

Hôm qua gặp ông B. đưa vào xem sách ở nhà « Đại-Pháp Đồ-thư-quán » (*Bibliothèque Nationale*). Ông này đỗ văn-khoa cử-nhân, đã học đến năm thứ ba trường Cao - đẳng - Sư-phạm, không biết vì cớ gì, nay ở ngoài làm việc cho một công-sở nọ, nhưng vẫn học để thi *Agrégation*. Người còn trẻ, mới chừng 24, 25 tuổi, nhưng uyển-nhiên ra một tay học-vấn nho-nhã.

Hai người mới gặp nhau cũng có ý tương-đắc. Trước ông đưa vào qua báo - quán *Le Temps*, ông có bạn làm việc ở đấy. Nhà báo này tuy có tiếng khắp hoàn-cầu, nhưng nhà-sở và cách bày - biện không có vẻ trang-hoàng lộng-lẫy như mấy nhà báo *Le Matin*, *le Journal*. Các báo kia là những báo phổ-thông cho công-chúng, dùng những cách cổ-động tối-tân, để làm cho thiên-hạ chú-ý, cho nên nhà cửa nguy-nga, tối đến đèn điện thắp như ngày hội, chữ tên sáng rực một góc trời, đi ngoài phố trông cũng đã rực-rỡ thay ! Báo *Le Temps* là báo của bọn thượng-lưu học-thức xem, nên không phải dùng những cách quảng-cáo lộng-lẫy, những cách trang-hoàng lòe-loẹt, mà có cái vẻ địu-dàng kín - đáo, dứng-đắn, « quân-tử » hơn. Xem giọng văn đã biết, trông cái cảnh-tượng báo-quán lại rõ hơn nữa. Nhà báo nào cũng có một gian rộng để yết các điện-tín trọng-yếu cho thiên-hạ đến xem, gọi là « phòng tin-tức » (*salle des dépêches*). Phòng tin-tức của báo *Le Temps* thời chỉ có mấy cái bàn lớn, trên bầy mấy bộ báo đóng thành tập cho khách đến xem, còn tịnh không có trang-sức gì lòe-loẹt cả, không có những tranh ảnh, những bức họa, những chùm đèn pha-lê tự trên trần rủ xuống, những ghế ngồi bọc nhung để la-liệt hai bên, như các báo-quán lớn kia. Lại người đến xem cũng phần nhiều là các cụ già, người đứng - đắn, chứ không phải là chú đánh xe, cậu hầu bàn, cô đi khâu, thầy làm việc, đi qua rẽ vào xem tranh, xem ảnh cho vui, như mấy nhà báo kia đâu. Lạ thay, mỗi tờ báo có một cái thái-độ riêng, mà thái-độ ấy lộ ra khắp cả, từ lời văn trong báo cho đến cách bày-biện ngoài. Nay đến trông thấy báo-quán mới nghĩ ra như thế, nhưng tưởng cứ đọc báo *Le Temps* cũng đã đủ tưởng-tượng biết vậy.

Ở báo-quán ra, đi thẳng ra nhà sách *Nationale*, tức là « Đại-Pháp Đồ-thư-quán ». Nhà thư-viện này mình vẫn biết tiếng là kho sách giàu nhất trong thế-giới, có đến hơn 360 vạn quyển sách in, không kể các tả-bản (*manuscrits*) và các họa-đồ (*plans*, *cartes*) ; nay mới được bước chân vào đây, thật là rừng sách, chứ không phải nói ngoa. Không biết « Tứ-khố » của ông Khang-hi, ông Kiền-long bên Tàu ngày xưa được bao nhiêu sách, nhưng kể cổ-kim thư-tịch, sưu-tập lại thời khắp hoàn-cầu không đâu bằng đây, nhà *British Museum* ở Luân-đôn đã có tiếng mà cũng chửa bằng. Ở nước văn-minh, sự học-vấn của người ta có cách dễ-dàng tiện-lợi, như thế không trách người ta giỏi hơn mình

Nghề phổ-thông ấn-loát đã giúp cho văn-minh tiến-bộ được một bước lớn, các thư-viện công lại giúp cho sự học tiện biết bao nhiêu, tưởng cũng là một cái lợi-khí cho văn-minh. Loài người biết tư-tưởng, biết học-vấn, kể đã mấy vạn năm nay ; biết chế-tác ra văn-tự để ghi nhớ lấy những sự học-vấn tư-tưởng ấy, kể đã mấy nghìn năm ; trong mấy nghìn mấy vạn năm ấy, cái óc con người khám-phá cũng đã được nhiều điều hay lẽ phải. Người đời nay tự cho là khôn hơn đời xưa, không biết rằng có khôn. — nhưng vị-tất đã là khôn hẳn, — cũng là nhờ cái công suy-tầm khảo-sát của người trước mấy mươi đời tích-lũy mới được như bây giờ. Các cổ-thư-tịch chính là cái kho chứa sự khôn-ngoan của người trước (cũng có khi chứa cả cái dại, nhưng dại đây cũng là khôn, vì đủ làm gương cho đời sau.) Nếu cứ vài thế-kỷ lại xuất-hiện ra một kẻ bạo-quân như Tần Thủy-Hoàng, bao nhiêu sách-vở đời trước đốt sạch, thời sự tiến-hóa của nhân-quần ắt cũng bị ngăn-trở nhiều, Cổ-triết Tây-phương đã có câu nói rằng : « Ở dưới bóng mặt trời, không có sự gì mới. » Về đường vật-chất văn-minh, có lẽ mỗi ngày một biến-báo ra nhiều sự mới lạ thật, xét cho kỹ chẳng qua cũng là làm phiền cho cuộc đời, làm nhọc cho thân người mà thôi ; nhưng về đường tinh-thần văn-minh thời tưởng bao nhiêu nghĩa-lý cao-sâu, người đời nay tự-phụ là đã phát-minh ra được, các tiên-hiền tiền-triết đã từng suy-nghĩ tới lâu đời rồi, chỉ vì không còn vết-tích lại rõ-ràng nên ta không biết mà thôi. Lại đến tâm-lý người ta, xưa nay cũng ít thay đổi lắm : đời nào cũng có bấy nhiêu kẻ hiền, kẻ ngu, người khôn, người dại, bấy nhiêu kẻ loạn-thần tặc-tử, bấy nhiêu người chí-sĩ nhân-nhân. Lại đến sự biến-thiên trong lịch-sử, đời nọ qua đời kia, cũng là theo một điệu bất-dịch, là cái điệu trị-loạn, hết trị rồi loạn, loạn chán lại trị, như mặt bể khi phong-ba khi bình-tĩnh vậy. Như thế thì ở dưới bóng mặt trời không có sự gì lạ thật, mà sự kinh-lịch của người trước có thể làm bài học cho người sau được. Như thế thì thư-tịch là quí thật, vì thư-tịch là cỗ xe để truyền, để chuyển cái đạo-học, cái tâm-thuật của cổ-nhân cho hậu-thế.

Mình là một người « dâm » sách, mê sách như mê gái đẹp, mà được vào một nơi rừng sách như thế này, sướng biết bao nhiêu ! Còn nhớ năm trước ở trường Bác-cổ, chỉ vì ham đọc sách mà nhiều khi sao nhãng cả việc làm, đến bị ông chủ Tây mắng !...

Nhà Đồ-thư-quán thành *Paris* này có hai « phòng đọc sách » rất lớn, mỗi phòng ngồi được tới bốn năm trăm người : một phòng công-đồng cho thiên-hạ vào xem, một phòng riêng cho những người đến khảo-cứu. Phòng khảo-cứu này có bàn ghế, bút mực, lại la-liệt những tủ sách nhỏ và thấp, đựng những bộ tự-điển, bộ tùng-thư có nhiều quyển, để tiện cho người ta tra-cứu. Vào khảo-cứu ở đây phải có giấy phép của viện-trưởng hay phòng-trưởng ; vào đến nơi, muốn dùng sách gì thời tra trong thư-mục, biên rõ tên sách và số sách vào mảnh giấy, giao cho người làm việc đi tìm và đem lại cho. Thư-viện mở cửa từ 9 giờ sáng đến 4,5 giờ chiều, trong tịnh không có một ngọn đèn điện nào, là sợ sự hỏa-hoạn. Duy mấy phòng đọc sách thời mái bằng mặt kính cả, nên ánh sáng thiên-nhiên lại càng tốt lắm.

Tôi có ý nhận những người đến khảo-cứu ở đây, ra dáng chăm-chỉ nhất có mấy ông cụ già đầu bạc phơ-phơ, chứng là những ông giáo-học hay là những cụ lão-nho đến tìm tài-liệu để làm sách ; con người khác, vừa đàn-

ông đàn-bà, thời có lẽ phần nhiều là những nhà làm sách, những nam-nữ học-sinh các trường đại-học, đến khảo sách để soạn bài thi cử-nhân hay tiến-sĩ gì đó; người ngoại-quốc cũng nhiều lắm.

Xem ra mấy ông lão-nho chăm lắm, ngồi suốt từ khi mở cửa đến khi đóng cửa, mình đến đã thấy rồi, mình về chưa đứng dậy. Bữa trưa ăn ngay trong thư-viện, vì ở cạnh phòng sách ấy có một gian nhỏ cho người lĩnh-trưng bán cơm bữa cho khách đọc sách. Các cụ mãi đến một giờ, một giờ rưỡi trưa, mới ra ăn cơm, coi bộ như bất-đắc-dĩ mà phải ăn; mà ăn gì? một miếng bánh mì, một món trứng, giam ba miếng giồi-lạp, một cốc rượu vang, thế mà thôi, mà vừa ăn vừa đọc lại những mảnh giấy « nốt » đã biên chép đặc cả, như không để ý đến miếng ăn nữa. Lúc ấy bọn mình cũng ăn ở đấy, đương gọi nhà bếp đem món thịt-cừu, nghĩ lại mà ngượng thay: ăn ngon cho sướng miệng mà óc cùn chẳng bằng người, thì cũng xấu-hổ thật!...

Trong thư-viện không những lắm sách kim, mà cũng nhiều sách cổ, không những chỉ có sách Tây-phương, mà có cả sách Đông-phương nữa: sách Ai-cập, Ba-tư, Ấn-độ, Tây-tàng, Nhật-bản, Tàu. Tôi có xem cái mục-lục những sách Tàu, được hàng mấy nghìn bộ, mà có bộ tùng-thư tới mấy nghìn quyển. Ở *Paris* mà muốn khảo-cứu về hán-học, về chữ nho, cũng là thừa có tài-liệu.

Nhà Đại-Pháp-Đồ-thư chia ra bốn bộ-phận lớn: 1° sách in và bản đồ; 2° tả-bản (là những sách chép bằng tay, không có in) và các văn-bằng cổ (*manuscrits, chartes*); 3° mộc-bản (*estampes*); 4° huy-chương và kỷ-niệm-bài (*médailles et antiques*).

Sách in ngót 4 triệu quyển; tổng-mục-lục các tên sách mới đến chữ G mà đã tới 57 quyển rồi.

Các tả-bản thời chia ra: sách Đông-phương, 2 vạn rưỡi quyển; sách Hi-lạp, 4 vạn 960 quyển; sách La-mã 21 vạn 544 quyển; sách Pháp, 45 vạn quyển; sách bằng các văn-tự cận-đại của Âu-châu, 4 nghìn quyển (vì đến cận-đại thì nghề in đã thịnh, nên các tả-bản ít dần đi); sách về lịch-sử các châu-quận nước Pháp, 2530 quyển; các sách linh-tinh, 8 nghìn quyển. Cộng tới 11 vạn quyển, trong đó có đến vạn quyển có tranh vẽ và các kiểu chữ cổ đẹp lắm. Những sách này thật không đâu có, vì mỗi quyển chỉ có một bản mà thôi, quí giá vô-cùng.

Số các mộc-bản, vừa tranh vừa sách (*estampes*) có tới 250 vạn bản.

Các huy-chương và kỷ-niệm-bài thời chia ra các thời-đại và để vào trong tủ kính.

Nhưng gọi là đi lượt qua cho biết mà thôi, không có thì-giờ xem nhất-nhất cho tường được. Vả muốn vào mỗi bộ, lại phải có giấy phép riêng.

Tính mình thích khảo-cứu các thư-tịch, chỉ tiếc không được ở *Paris* này mà học suốt đời thì sướng biết bao nhiêu.

— Hôm qua vào xem thư-viện mất cả ngày. Sớm hôm nay mới có rảnh thì-giờ lại thăm quan nguyên-soái P., có giấy của một qui-quan bên ta giới-thiệu cho. Nguyên-soái năm nay đã ngoại bảy-mươi, nhưng người còn mạnh-mẽ; ngài về hưu đã lâu và đã từng làm nghị-viên mấy khóa. Trong khi chiến-tranh, chính ngài làm chánh Hội-đồng ủy-viên coi về quân-sự ở Hạ Nghị-viện, đã có công to trong khi bàn-định về việc chiến-hòa. Người ôn-hòa, cẩn-trọng và rất ân-cần. Ngài hứa sẽ giới-thiệu cho biết nhiều nhà chính-trị có danh-giá, thứ nhất là những

ông nghị-viên chuyên-trị về việc thuộc-địa và việc Đông-dương ta.

Thứ bảy, 20.

Hôm nay thăm ông Đốc Trường Thuộc-địa, ở đường *Observatoire*.

Mình phải làm một bài diễn-thuyết ở trường này, nên phải đến tiếp chuyện ông để cùng ông định ngày. Ông này người nho-nhã lắm, chính là anh em thúc-bá với ông nghị-viên Nam-kỳ, nhưng ông đốc coi có vẻ «trưởng-giả» hơn ông nghị nhiều. Ông tiếp-đãi một cách rất hòa-nhã mà lại rất trịnh-trọng, coi mình như một kẻ văn-sĩ nước Việt-Nam thật (không biết rằng cái giống văn-sĩ Việt-Nam đã có giá-trị gì!) Ông nói rằng ông đã được giấy của Đông-dương-kinh-tế-cục báo cho biết rằng mình sẽ diễn-thuyết ở trường Thuộc-địa, ông chỉ mong đợi được tiếp mặt để cho biết đầu bài và định ngày nào. Bèn nói đầu-bài cho ông biết sẽ diễn về « Sự tiến-hóa về đường tinh-thần của dân Việt-Nam từ ngày đặt bảo-hộ đến giờ », còn ngày diễn thì để tùy ông. Ông nghĩ một lát, rồi định vào chiều ngày thứ tư 31 tháng 5, mình cũng thuận như thế.

Nói chuyện xong rồi ông đưa đi xem cả nhà trường, qua các lớp học, vào phòng diễn-thuyết, phòng đọc sách. — Nhác trông thấy mấy thầy học-sinh đi thấp-thoáng, tự nghĩ bụng rằng những thầy này độ vài ba năm nữa tốt-nghiệp lại sẽ sang bên mình làm quan cai-trị đây. Bấy giờ bất-giác hồi-tưởng đến năm xưa có quen một ông phán nọ, hễ gặp quí-quan nào cũng cúi đầu chào, hỏi sao thì ông đáp rằng : « Biết dân đấy, ngộ nay mai người ta làm quan cai-trị mà mình phải « sú-đoóc » người ta thì làm sao? » Giá bụng mình cũng nghĩ như ông thì trông thấy các thầy học-sinh ở đây phải ngả mũ chào cả mới là phải...

— Buổi chiều lại thăm quan Cai-trị C. là chánh văn-phòng của quan Toàn-quyền, ở Kinh-tế-cục, nói chuyện cho ngài biết việc diễn-thuyết của mình. Ngài lấy làm vui-vẻ và có ý ân-cần lắm, dặn đi dặn lại rằng : « Phải nói cho «giỏi» (*épatant*) để cho người qui-quốc biết người An-Nam mới được!» Vẫn biết thế, *giỏi* thì cũng muốn *giỏi* thật, nhưng ngộ lực-bất-cập thời thế nào? Cũng xin cám ơn ngài đã có bụng kỳ-vọng cho như thế, nhưng điều đó thì không dám cam-đoan trước. Vả lại còn ngại một nỗi này : là mình lạ nước lạ non, đường-đột đến diễn-thuyết, ai biết mình là người thế nào? Chức - tước gì không có, xưng là « chủ-bút báo *Nam-Phong* », ai biết báo *Nam-Phong* là cái « quái » gì ? Hoặc diễn mà không nên thân, tất họ cho là thằng da-vàng học chữ tây bất-thông ; diễn mà nghe được, có lẽ họ lại cho là đọc thuộc lòng một bài của người Tây nào làm gà cho. Khó quá, khó nghĩ quá ! Ông C. thấy mình có ý ngại như thế, cười mà nói rằng : « Không ngại gì. Ông Đốc trường Thuộc-địa viết giấy bảo tôi giới - thiệu ông bữa ấy. Tôi sẽ vui lòng lấy tư-cách làm Chánh Văn-phòng của Quan Toàn-quyền, lại lấy cảm-tình riêng của tôi đối với ông mà giới-thiệu ông cho thính-giả. Vả tôi cũng là học-trò cũ ở trường Thuộc-địa, tôi đã quen cả...»

Thế là mình yên-tâm. Bây giờ chỉ còn hì-hục viết cho xong mấy chục trang diễn-thuyết, dẫu không được « giỏi » cũng mong rằng không đến nỗi « tồi » cho lắm.

— Tối hôm nay cùng anh em đi đánh bữa cơm tàu. Ở *Paris* có hai nhà cao-lâu khách ; vào ăn ở « Trung-hoa phạn-điếm » đường *Des Carmes*. Bánh mì, rượu vang, thịt bò, thịt cừu mãi đã xót ruột, nay được bát cơm rang, bát canh thịt, vài món sào tàu, ăn thật

thấy ngon ! Vào ăn đây phần nhiều là học-sinh Tàu và mấy người Tây người đầm hiếu-kỳ muốn nếm đồ ăn Tàu, nhiều người thì ăn bằng thìa dĩa, nhưng có người muốn tập cầm đũa, trông buồn cười quá. Họ thấy mình cầm đũa dẻo-quẹo, và nhanh thoăn-thoắt, họ lấy làm kinh-dị lắm, nức-nỏm khen thầm với nhau, như trông một lũ leo giây múa dối làm những trò kỳ-lạ vậy. Ừ, mà mình quen tay quen mắt đi không biết, chứ người ngoại-quốc họ trông thấy mình chỉ có hai chiếc đũa mà gắp gì cũng được, dung-dị như không, nghĩ cũng lạ thật !

Chủ-nhật, 21

Ông C. trước ở bên An-Nam cũng là một người Tây tốt, thường ân-cần giao-tiếp với người mình. Nên khi sang đến *Marseille*, mình có viết thư bên *Paris* hỏi thăm, lại khi lên *Paris* có điện cho biết trước. Tới nơi lấy làm lạ, không thấy ra ga đón. Ông ở bên ta vốn là người cẩn-thận lắm, không hề sai hẹn bao giờ : có lẽ không tiếp được điện chăng ? Mấy bữa sau đến chỗ ông làm hai ba lần, lần thì người ta bảo ông đi vắng, lần thì người ta trả lời có ý nhạt-nhẽo, tựa-hồ như cái lệ trong sở làm không muốn cho người làm ra tiếp khách mất thì-giờ. Mãi đến lần sau mới gặp, thì xét ra khác khi xưa, không có ý vồn-vã như trước, lại có nét mặt như bẽn-lẽn, bấy giờ mới hiểu rằng từ ngày ông về đây cũng là làm việc nhỏ-mọn ở sở này, không được phong-lưu sang-trọng như bên mình, nên trông thấy anh em cũ có ý thẹn. Ông nói thoái - thác rằng ông nhận được điện chậm quá, không thể đi đón kịp, nhưng mình đã hiểu ý rồi. Nghĩ cũng ái - ngại thay, vì ông vốn bụng tốt, không phải kiêu - căng làm bộ như ai : ở bên An - Nam thì nghiễm-nhiên làm một ông chủ, lên xe xuống ngựa, sung-sướng biết bao, về đây làm một chân thư-ký hay kế-toán ở công-ti này, lương nhiều lắm là bảy tám trăm quan một tháng, lấy đâu nhà cao cửa rộng, kẻ hầu người hạ như khi xưa ? Thôi thời cũng an-phận, vì cách sinh-hoạt ở « mẫu-quốc » đây có phần eo - hẹp hơn ở « thuộc-địa », nhưng ngờ đâu lại có anh An-Nam sang tận đây mà cố đến tìm mình ở tận chỗ này ! Nghĩ cũng hơi ngượng thật. Nhưng ông cũng cả thẹn quá, chứ mình có ý tò-mò thóc-mách gì đâu, chỉ là vì tình thật muốn cố đến thăm ông mà thôi. Vả mình cũng là người hiểu biết, có lạ gì những sự « đổi cảnh » khi ở quí-quốc sang bên ta hay khi ở bên ta về quí-quốc như thế, có ai lại cười ai về sự đó....

Hỏi phu-nhân và cậu con thì nói về quê ở, vì ở *Paris* này tốn-kém lắm. Ông ở đây chỉ thuê một cái buồng khách - sạn, ở chung với một người « bạn » gái, chắc là cô đi khâu đi khiếc gì đó. Ông định hôm nay là ngày chủ-nhật cùng anh em họp mặt một bữa cho vui-vầy. Mời ăn cơm trưa cùng với cô « bạn » ông, rồi thuê *taxi* (là xe ô-tô hàng) đi chơi mấy vòng trong rừng *Boulogne*, lại mời vào hoa-viên uống vài cốc nước mát. Một buổi này cũng phí mất hơn trăm quan, ở bên An-Nam thì chẳng coi vào đâu (vì có 10,15 đồng bạc), nhưng ở đây kể cũng là một món to vậy.

Buổi chiều bọn mình mời lại ông và « cô » ăn cơm tàu ở cao-lầu khách.

(*Còn nữa*)

PH. Q.

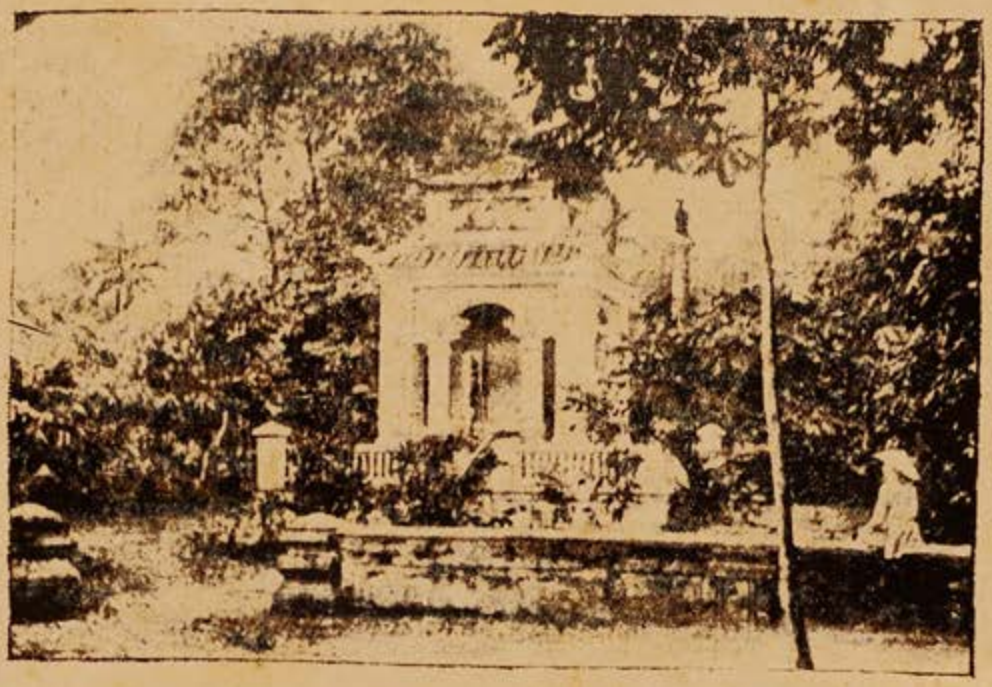

Kinh ảnh Hương-ký

Đền Vua Lê ở bờ hồ Hoàn-Kiếm

Đền thờ vua Lê Thái-Tổ, Bi-đình và tượng vua là do Quan Nguyên-Kinh-lược Bắc-kỳ Hoàng Thái-Xuyên Tướng-công dựng. Đền ở bên trong. Thành-phố Hà-nội đã giao cho Hội Khai-Trí trông-nom và sửa-sang, Hội sẽ làm một nơi kỷ-niệm và một chốn hoa-viên.

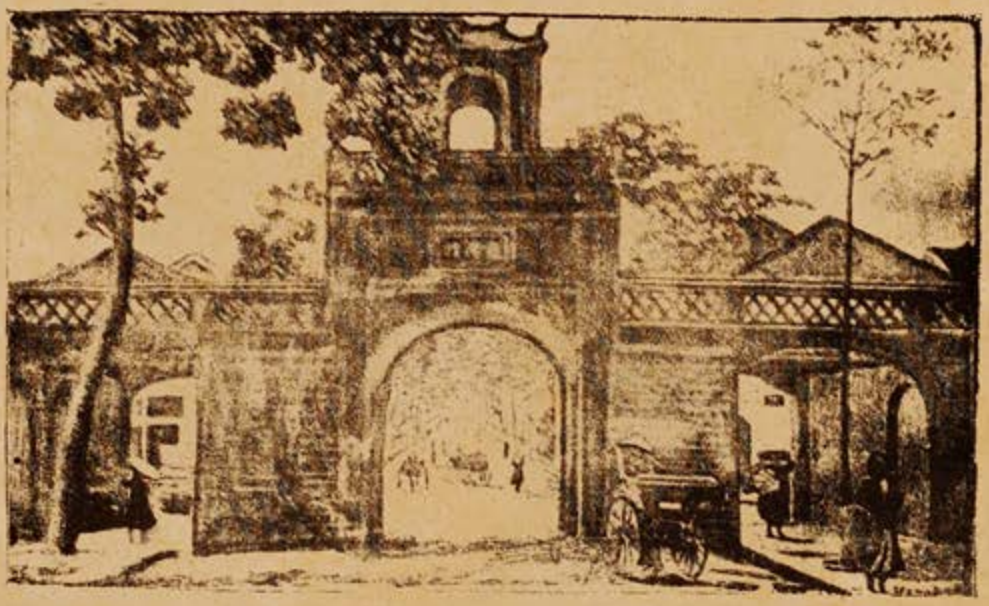

Kinh ảnh Hương-ký

Cửa-ô « Phố-mới » (nhất-danh là Cửa-ô Quan-Trưởng)

Ngoại-thành Hà-nội ngày xưa bây giờ chỉ còn có cửa-ô này là di-tích, Trường Bác-cổ đã ghi vào sổ các cổ-tích Hà-thành.

VẤN-ĐỀ THỂ-DỤC (1)

Thưa các Ngài,

Tôi vốn ưa thực-hành hơn là ngôn-luận, chỉ sợ « ngôn bất cấp hành », nên có tư-tưởng gì hay, có ích và thích-thời, tất đem ra thi-thố thực-hành, vì tôi thiết-nghĩ rằng ở trên đời nếu mình có tư-tưởng hay mà không làm ra thành công việc thì cái tư-tưởng ấy cũng vô-ích.

Không ngờ nay được nhân dịp nói chuyện hầu các ngài. Tôi đang băn-khoăn không biết nói về vấn-đề gì, thì một người bạn thân bảo tôi rằng : « Có một vấn-đề tuy trong mấy năm gần đây đã thực - hành một đôi ti, nhưng cái kết-quả chưa được hiển-nhiên, vậy nhiều người hãy còn mập-mờ chưa hiểu rõ cái vấn-đề ấy là thế nào, có ích-lợi, có quan-hệ gì đến việc sinh-hoạt, đến nòi-giống nước Việt-Nam ta, thì bác nên đem vấn-đề ấy ra mà diễn . . . » Vấn - đề gì mà lại quan-hệ đến nòi-giống ?

Chính là vấn-đề thể-dục. Cái vấn-đề này, đã ngoại mười năm nay, tôi vẫn lưu-tâm thí-nghiệm cùng thực-hành, nhưng chưa dám chắc là sành-sỏi cho lắm mà dám diễn để các ngài nghe. Nên tôi vẫn ước có một ông y-sĩ nào chịu lưu-tâm nghiên-cứu vấn-đề ấy mà nói để các ngài nghe thì hay hơn ; lời lẽ nhà y-sĩ ấy chắc có giá-trị hơn, có thể khuyến-dụ được nhiều người biết trọng khoa thể-dục. Nay tôi hãy xin đánh liều « múa rìu qua mặt thợ » mà nói chuyện qua-loa để các ngài nghe về vấn-đề ấy. Nếu lời tôi không được gẫy-gọn, văn tôi không được chải-chuốt, cũng xin các ngài lượng thứ. Xin các ngài nên biết cho rằng lời tôi nói đây là lời thành-thực.

Mục-đích thể-dục. — Trước khi xét thể-dục có cần không và mục-đích thể-dục thế nào, ta hãy nên thuật lại mấy lời phản-đối với vấn-đề thể-dục — Có người nói rằng : « Dân nước Nam ta có phải đi lính đâu mà cần phải tập thể-thao. Người nước ta đã phải lao-động vất-vả, cần gì lại còn bắt trẻ con tập-tành cho mệt xác » — Lại có người nói rằng : « Dân ta cơm đã không có mà ăn, thì cần gì thể-dục. »

Những lời nói quàng-siên như thế, làm cho ta đủ biết rằng họ không hiểu mục - đích thể-dục là thế nào. Bảo rằng thể-dục cần cho dân nước này mà không cần cho dân nước khác thì thậm là vô lý. Ta thường nghiệm rằng nước càng văn-minh cường-thịnh bao nhiêu thì vấn-đề thể-dục lại càng thịnh-hành, càng sùng-bái bấy nhiêu, kìa như các nước ở Âu-châu, nước Hoa-kỳ ở Mĩ-châu, cả đến Nhật-bản, Xiêm-la ở gần ta, quốc-dân chuộng thể-dục là nhường nào !

Đã đành rằng nếu cơm không có mà ăn thì còn cần gì phải thể-dục. Nhưng trong nước ta tuy khốn - nghèo thật, nhưng chưa đến nỗi không có cơm mà ăn. Còn chán-vạn nhà sung-túc, tiền dư thóc mục, mà nhất là con cháu những nhà ấy lại phải cần có thể-dục lắm !

Trong nước ta, việc trị-an đã ở trong tay nước Đại-Pháp, thì toàn quốc-dân ta không được có cái danh - dự theo đòi việc binh - nhung. Nhưng nước Nam ta cần phải có thể-dục vì nhiều lẽ, tôi xin nói sau này.

Số là chủng-loại ta di-truyền hơn bốn nghìn năm nay, đã có phần suy-nhược, gia - dĩ nhiều tật bệnh ; phong, lao cổ, lại, nha-phiến, tửu-sắc cùng tảo-hôn

(1) Diễn thuyết ở Hội Khai-trí ngày 30 tháng 6 năm 1923.

đều là những cái hại to cho sự sinh-sản anh-nhi. Ở các nước văn-minh nhất là nước Hoa-kỳ, những người có bệnh-tật không có phép kết-hôn. Ở thành *Chicago*, nam-nữ muốn kết duyên cùng nhau phải dính thêm vào giấy khai-sinh một cái giấy chứng-nhận rằng mình vẫn được khỏe-mạnh. Cái thể-lệ ấy, sau nhiều thành-thị cùng theo. Cả đến bên Đại-Pháp ở về quận *Doubs* ông y-sĩ COLLARD có lời thỉnh-cầu với hội-đồng quản-hạt rằng : Muốn bảo-tồn lấy nòi-giống và phòng-trị bệnh lao, bệnh dương-mai, thì hội-đồng quản-hạt nên xin Thượng Hạ Nghị-viện ra luật bắt nam-nữ trước khi kết-hôn phải khai giấy nhận-thực rằng người tráng-kiện.

Luật này, nếu có thi-hành thì cũng nhiều bề trở-ngại. Nhất là phải mong rằng các ông lang-y phải trung-hậu, phải tinh-giỏi mới được. Nghe câu chuyện sau này thì đủ hiểu : Ở bên Hoa-kỳ, có một người đàn-bà tên là JEANNE-MORRE lấy chồng được 3 năm mà không sinh-đẻ gì, mới đi kiện ông bác-sĩ rằng nhận-thực sai, bảo rằng chồng bà ấy khỏe mạnh, kỳ-thực thì chồng có bệnh, nên bà ấy không sinh đẻ được. Bà ấy lại xin tòa án cho phép dẫy chồng và phạt ông bác-sĩ một vạn đồng bạc, quan tòa án ở thành *Washington* bàn nghị mãi, sau cũng xử cho bà ấy được kiện.

Theo trình-độ nước ta ngày nay chưa có thể bắt-chước Mĩ-châu mà làm những việc cải-lương như thế. Nhưng nên mong rằng những người đàn-ông đàn-bà nên tự xét mình, nếu có bệnh-não thì không nên kết-hôn. Như thế bớt được cái vạ sinh trẻ-con ốm-yếu và cái vạ yểu-tử.

Cái vạ yểu-tử ấy do ở bệnh di-truyền và cũng tại không biết vệ-sinh. Một trăm đứa trẻ con lấy số trung-bình mà nói thì chết mất một nửa, còn năm-mươi đứa vị-tất đã được khỏe-mạnh tinh-nhanh cả. Rõ thật đãi cát lấy vàng ; nhưng còn may cho ta, vì giống ta có tiếng sinh-sản nhiều, giá thử ta hiếm-hoi như các nước khác thì nguy lắm thay! Ta nên mong rằng sinh ra được nhiều trẻ con khỏe-mạnh, còn hơn là sinh ra những trẻ con yếu-đuối, lử-khử, cả đời mang bệnh trong mình.

Cái hình-thù người ta tùy theo cái khí-huyết gia-truyền, vậy ta nên tập thể-thao để giữ lấy sức khỏe ; nếu yếu-đuối mà luyện-tập thì làm cho người ta khỏe-mạnh thêm. Cái hình-thù ấy cũng tùy ở cách vận-động một phần lớn, vậy ta nên cần vận-động.

Cái hình-dáng người nước ta thấp bé ; chiều cao bình-thường chỉ độ 1 thước 59, 1 thước 60, ít người cao ngoại 1 thước 70. Nếu có người cao bằng người các nước Âu-châu, Mĩ-châu, thật là phần ít.

Cái hình-dáng thấp bé gầy-còm trông đã không đẹp con mắt, mà lại có thể hại đến sức khỏe, có lắm người, ngực lép bụng ỏng, lưng gù, tay chân lẻo-khẻo, trông dáng-điệu đã không đẹp mà cũng hại đến các cơ-quan hành-động nữa.

Các ngài đã biết rằng : ngực lép và bé, nó nén rẹp hai lá phổi, tất khó hô ra hấp vào. Nếu thở không được thỏa-mãn, thì không hấp được nhiều dưỡng-khí. Như thế, thật dễ mắc bệnh lao. Muốn tránh cái bệnh gớm-ghê ấy thì ta phải luyện-tập cho nở ngực để hô-hấp cho dễ, để hít vào được nhiều dưỡng-khí.

Sự tiêu-hóa khó là vì những bắp-thịt nhẽo, không được rắn-chắc thì dạ-rầy và đại-tràng tiểu-tràng co lại ruỗi ra không được mạnh, nên không đủ sức mà giúp-đỡ cho việc tiêu-hóa. Nhiều người tuổi tuy còn ít mà ăn

nhiều cao-lương mĩ-vị, và ít vận-động, nên thành bụng sệ, ta gọi là phát-phì hay là phát-phúc. Ta cho phát-phúc là một điềm hay, nhưng biết có phải vì bụng to mà được hưởng phúc-đức, hay là phát - phúc chỉ là hưởng cái bụng to mà thôi ! Xin các ngài thử dạo qua vài phố ở Hà-thành thì đủ thí-nghiệm biết bao nhiêu người ngồi phơi bụng, trông chẳng khác gì ông Phệnh. Ông Phệnh này không giống ông Phệnh đá như Phạm - quân nói ở đây mấy tháng trước.

Việc khí-huyết tuần-hoàn không được hoạt-bát là vì rằng quả-tim đập không mạnh, tất chóng mệt. Quả-tim mà chóng mệt cũng tại không có bắp-thịt giúp-đỡ cho huyết-dịch dễ lưu-thông khắp trong thân-thể người. Khí-huyết lưu-thông không được hoàn-toàn, tất thường sinh ra bệnh đau-gân, bệnh phong-thấp. Các ngài đã từng thấy nhiều người độ hai ba-mươi tuổi, là tuổi đương tráng-kiện, cứ khi mưa gió bất-thường, hoặc ngày con nước thì phải ngồi xó một nơi tay bóp thuốc, miệng kêu nhức gân nhức cốt. Trong khi nhức gân nhức cốt như thế, tính ra mỗi năm họ mất bao nhiêu là thì - giờ vô-ích, giá biết trước, để cái thì-giờ ấy mà tập thể-thao thì không phải đau và lại đỡ tốn tiền mua thuốc.

Cái hại về sức khỏe cũng vì ở cái tệ trong lúc học-hành. Trước kia tiền-nhân ta cũng học thiên - kinh vạn-quyển, phương có rộng thì-giờ mà học-hành, cho nên có người đến 60, 70 tuổi hãy còn vác lều và ống-quyển vào thi. Chứ không như bây giờ, có hạn thời-khắc học trong một ngày, một năm.

Chương-trình học lại rộng, phải học đủ niên-hạn mới được đi thi. Vậy những trẻ con và những người trai-trẻ 17, 18 tuổi phải bó-buộc ngồi ở trong lớp mỗi ngày ít là 6, 7 giờ để học-tập.

Cái tính tự-nhiên người ta cần phải đi lại, chạy - nhảy thì mới thỏa - chí, thế mà nếu học - sinh có muốn vận-động cũng không được phép, phải ngồi một nơi.

Trong các trường, học-trò nào được ông thầy khen là « *ngoan* », là phải ngồi im, không động-đậy, không hay giơ chân giơ tay mà cũng không hay hỏi hay nói. Còn những học-trò nào ở trong lớp hay thưa hay hỏi, hay đứng lên ngồi xuống, và lúc ra chơi, hay chạy-nhảy, đùa - bỡn thì thầy chê là « *nghịch* ». Cái cách phê - bình « *ngoan* » với « *nghịch* » như thế, thật không được công-bình. Ông thầy nên biết rằng trẻ con có hay nghịch — nghịch mà vẫn giữ phép-tắc — thì mới khỏe-mạnh, về sau mới có tư-cách hoạt-động ở trên đời.

Chắc các ngài cũng biết rằng một đứa trẻ vừa học-hành vừa được chơi-đùa vui-vẻ, nghĩa là vận - động theo phép thể-dục thì không những học chóng giỏi mà lại khỏe - mạnh. Nếu không để nó vận - động mà bắt nó ngồi im-lặng lâu quá, thì khí - huyết khó lưu-thông và não-chất chóng mệt. Khi não-chất đã mệt thì dù có tư-bẩm tốt, học cũng không thành-tài, hay là lâu mới thành-tài.

Bây giờ Chính-phủ Bảo-hộ đã làm nhiều học-đường rộng-rãi cao-ráo mát-mẻ, nhưng ngay ở Hà-thành là chốn đô-hội, hãy còn nhiều trường chật-hẹp ẩm-thấp, không thoáng hơi. Trong lớp học không thoáng-khí thì việc hô-hấp không được khoan-khoái, không hấp được nhiều dưỡng-khí vào phổi, như vậy thì về mùa nồng - nực, tài nào chả sinh bệnh đau ngực, đau phổi..

Cái cách ngồi ở nhà-trường lại còn hại cho bộ-xương nữa, vì xương trẻ-con chưa được rắn. Nếu ghế ngồi khi

cao khi thấp thì chúng ngồi lệch người, khỉu tay mặt ở trên bàn, khỉu tay trái ở dưới bàn, thành thử xương sống vẹo ngang ra, một vai thì lên, còn một vai thì sụt xuống, rõ là vai lệch cổ nghiêng, còn ngực thì lép rẹt, hai vai khum - khum về đằng trước, hai xương bả-vai thì dô lên.

Còn những bắp thịt nếu không vận-động đến, thì càng ngày càng bé đi, không nở ra được, vì thế chân tay những người ốm-yếu thì gầy-còm.

Ở các nước văn-minh, nhất là ở bên Anh-cát-lợi và Hoa-kỳ, từ trường cao-đẳng cho đến trường tiểu-học, sáng ngày trước khi vào lớp-học thì học-sinh đi chơi các cuộc thể-thao, như đánh quần, đá bóng, v.v. ; trong những khi nghỉ hoặc về nhà, hoặc ở học-đường, họ cũng chơi đùa như thế.

Bên nước ta thì khác hẳn, những học-sinh ở nhà trường không được chơi đùa, ngộ có thích chơi đùa thì người trên cũng cấm. Khi về nhà, phải làm bài và phải học, không có thì-giờ mà luyện-tập, chơi bời. Khi có chơi đùa chạy nhảy, hoặc tập đánh quần, hoặc đá cầu, đá bóng, đánh khăng, đánh đáo, thì bố mẹ cấm mắng không được nghịch. Có lắm nhà yêu con quá, không dám để cho con chơi đùa, vì sợ con ngã đau. Nhưng phải biết rằng lúc chúng còn bé, có biết chịu đau-đớn thì sau lớn lên mới biết hưởng sự sung-sướng. Vả lại trẻ con có chạy nhảy thì mới tiêu-khiển. Ở nhà trường bắt ngồi im, về nhà cấm không cho « nghịch », làm như thế trái với luật tạo - hóa, vì rằng: « Vận-động là sự cần tự-nhiên của người ta ». — Còn những học sinh ta lắm người chăm học quá-độ, cả ngày ngồi ôm quyển sách. Thật đáng khen cái công chăm học của các thầy, nhưng tiếc cho các thầy không biết rằng theo phép sinh-lý-học hễ trí-não mỏi-mệt, thì học cũng không nhớ được, không hiểu được, thành uổng-công vô-ích vậy — Cứ đến kỳ thi trông thấy các thầy xanh-xao, thật đáng thương thay, mà lại sợ thay cho các thầy khó tránh được bệnh lao.

Thưa các ngài, những lời tôi nói đây do ở tấm lòng thành-thực mà thổ-lộ ra, chứ không có ý bôi nhọ nói xấu chi người mình. Vả lại đương buổi Âu-Á giao-thông, ta nên biết cái hay, cái tốt của ta mà duy-trì, mà bảo-tồn lấy ; ta cũng nên biết cái hủ, cái hư, cái xấu của ta mà ta cải đổi đi.

Bây giờ, có nhiều nhà hảo-tâm, trên thể lòng Chính-phủ, dưới vị nước hết lòng khai-hóa cho quốc-dân, theo mục-đích hội ta, xướng-lập lên Ấu - trĩ-viên, là một mối thuộc về thể-dục. Những nhà nhiệt-tâm đã hiểu rằng trong thời-đại bế-quan tỏa-cảng, dân-tộc nào không tiến tất phải thoái, không thắng tất phải bại. Thắng-bại ở trong một ván cờ người, thì chẳng kể làm chi, nhưng thắng-bại ở trong cuộc đời, thì buồn-rầu lắm thay !

Trong 7, 8 năm nay, những thiếu-niên trong nước đã biết chuộng thể-dục ; mong rằng các nhà giáo-sư có cái trách-nhiệm giáo-dục quốc-dân, cũng lưu - tâm chú - ý đến thể - dục. Những nhà có trách-nhiệm làm cha làm mẹ nên công-nhận rằng thể-dục có ích cho con trẻ.

Vả ta nên biết rằng ta yếu-đuối, gầy-còm, sức vóc kém người các nước, vị-tất đã phải toàn là tại khí-huyết lưu-truyền, cứ xem những khí dụng của tổ-tiên ta để lại, ta hết sức mang không nổi, thì đủ biết rằng tổ-tiên ta mạnh-khỏe, to lớn hơn ta nhiều. Sự sinh-hoạt của tổ-tiên ta không khó-nhọc bằng bây giờ, nên các thứ bệnh : bệnh lao, bệnh rượu. . . cũng ít. Ta sống vào thời-đại phải lao-tâm lao-lực, ẩm-thực quá-độ, du-hí

quá chừng, không-khí không tố, nhất là ở những thành-phố đô-hội. Vậy ta phải cần có thể-dục. Xét về phương-diện tinh-thần và vệ-sinh, thì thể-dục có ích cho ta nhiều lắm. Có tập thể-thao thì đỡ ốm đau, đỡ tốn tiền thuốc-thang.

Vả lại ta theo phong-tục nước nhà không hay đi ra chơi ngoài, lại không có phép đi chơi mát, chơi những cuộc tao-nhã ; cả ngày ở nhà mà nhà thường chật-hẹp và không thoảng hơn. Ngộ có việc gì đi ra ngoài thì lại đi xe, nhất ở thành-thị, không mấy khi đi chân. Người đàn-bà nước ta ít vận-động nên hay yếu-ốm, gia-dĩ sinh-nở nhiều. Trong xã-hội ta bây giờ, người đàn ông tuy đã ra vai gánh-vác những việc công-thương, nhưng cái nhiệm-vụ của đàn-bà vẫn quan-trọng lắm vậy. Những đàn-bà thượng-lưu trung-lưu cũng nên cần thể-dục, nhất là đi bách-bộ ở trong nhà hay là trong vườn thì mới khỏe, có thể sinh con khỏe-mạnh hơn bây giờ, cùng lo-toan việc đời một cách rất tinh-nhanh hơn nữa. Tôi không nói đến những đàn-bà thuộc về hạ-lưu thường phải làm ăn vất-vả không cần gì phải tập thể-thao, nhưng những người ấy cần phải biết vệ-sinh.

Những nhà làm ruộng quanh năm lam-lụng vất-vả, tay lấm chân bùn, lại ăn uống kham-khổ và không có điều-độ, nên người bạc-nhược, chủng-loại suy-đồi. Nhưng may ở nhà quê chỗ ở rộng-rãi, không-khí thì lành, cho nên những người làm ruộng còn có thể tránh được cái vạ chủng-loại nuy-nhược hơn là những người thợ-thuyền ở thành-thị.

Ta ở vào thời-đại cạnh-tranh về đường kinh-tế, ta đã bắt đầu dùng máy-móc để làm công việc, nhưng ta phải có thợ giỏi-giang, khỏe mạnh thì mới chiếm được một địa-vị bằng người về đường canh-nông, kỹ-nghệ. Nhưng khốn thay ! con-cái ta, lúc tấm-bé yếu đuối, khi lớn lên khỏe-mạnh sao được ! Kia như những đứa trẻ con ở nhà quê — nhà quê là kho nhân-công của nước — đứa thì gầy-còm, xanh-xao, đứa thì bụng ỏng, mắt toét ; ấy chỉ vì kém vệ-sinh và thể-dục, nên đến nỗi đau yếu như thế. Các ngài khi về thăm quê-hương, hay là đi thăm Ấu-trĩ-viện của quan lớn Thiếu Hoàng lập lên ở hạt Hà-đông thì đã được mục-kích cái quang-cảnh bi-sầu ấy. Tôi mới được hầu chuyện một nhà đại-danh-vọng trong nước, ngài phàn-nàn rằng : « Có đi xem mỏ ở Ha-chũ ở Cẩm-phả thì mới biết đích xác rằng nhân-công nước ta yếu-đuối, không đủ sức lực mà làm ăn ; ta cần phải đào-luyện lấy nhân-công khỏe và giỏi-giang thời mới mong thu được cái lợi-quyền cho nước về đường doanh-nghiệp. » Muốn cho có nhân-công khỏe-mạnh thì không gì bằng lập cho nhiều Ấu-trĩ-viện cho những trẻ-thơ, và lập nhiều hội thể-thao để luyện-tập những thiếu-niên.

Nói đến thợ, tôi lại nhớ rằng khi tôi du-học bên Đại-Pháp thấy các ông chủ-nhiệm các nhà máy cứ ngày ngày bắt thợ-thuyền tập thể-thao một giờ (nửa giờ đầu thì nhà kỹ-nghệ cũng trả tiền cho thợ, còn nửa giờ sau là giờ nghỉ của thợ). Tuy có tốn, nhưng có kết-quả to, vì luyện-tập thể-thao thì những thợ khoẻ thêm, làm công việc khéo và nhanh-nhẹn, lại không tổn-hại sức-mạnh ; ấy các ông chủ-nhiệm ở nước Pháp lo liệu cho thợ như thế, các chủ-nhiệm các xiềng-thợ ở nước ta nghĩ sao ?

Phương-ngôn có câu rằng : « Khuyên ai chớ lấy học-trò, dài lưng tốn vải ăn no lại nằm ». Bây giờ học-trò Pháp-Việt ta ít người được nằm dài, vì sự học-hành có kỳ-hạn. Những người

dã đỗ một đôi chút hoặc không thi đỗ, thì phần nhiều xoay về thực-nghiệp. Nhưng về đời này, lại có nhiều hạng người nằm dài ngồi dưng như những nhà chỉ chuyên-dụng về đường tinh-thần trí-não, thường cả ngày ngồi ở trong buồng trong sở không thoảng khí. Nào có mấy ngài chịu khó trong giờ nghỉ-ngơi mà luyện-tập một ít thể-thao thì bổ-ích cho trí-khôn (mỏi-mệt vì suy-nghĩ nhiều) và cho thân-thể (vì ít vận-động) là chừng nào! Vả các ông ấy muốn luyện-tập thì cũng dễ, mỗi ngày bỏ đi 15 phút, một nửa giờ, hoặc đi bách-bộ, hoặc tập ở nhà, hay là nếu có thì giờ thì nên đi đến trường dạy thể-thao mà tập. Nếu các ông ấy bằng lòng chịu phiền như thế, chắc có lợi nhiều chứ không có hại. Tập thể-thao có điều-độ, theo qui-củ, thì cái già nó cũng nể, lâu nó mới đến thăm nhà, thường trẻ lâu và mạnh-khỏe, không mấy khi phải nhức-đầu phải cảm gió.

Muốn cho cây kia hoa quả tươi tốt, cành lá rờm-rà thì phải chăm bón tưới từ khi mới giồng; người ta cũng phải theo cái lẽ tự-nhiên ấy. Vậy ta phải trọng thể-dục, luyện-tập thể-thao cho được khỏe-mạnh, ta cũng phải lo-liệu cho con cháu ta được tráng-kiện, cho nòi-giống ta mai sau có cái khí-lực hùng-dũng để có thể đua tranh với đời.

Mục-đích thể-dục là thế nào? Cốt nhất phải thiết-thực, chứ không phải chủ-ý chỉ đào-luyện những người giỏi thể-thao để làm trò cho thiên-hạ xem. Chúng ta phải lưu-tâm đến trẻ con, người lớn, kẻ khỏe cùng người yếu, làm thế nào cho ai nấy tăng được cái sức khỏe để giúp đỡ trí-khôn và thêm cái nghị-lực về đường luân-lý. Muốn đạt mục-đích ấy, thì không phải chỉ tập cho nở bắp thịt như nhiều người vẫn hiểu lầm, mà cũng phải vận-động đến cả các cơ-quan, nhất là thần-kinh-hệ.

Ta cũng phải luyện thế nào cho có sức-lực để mà thi-thố ở đời, hoặc làm công-nghiệp gì, hoặc là gặp những lúc cơ-biến, nguy-hiểm, để bảo-trợ lấy thân, để cứu-giúp những người yếu-đuối, tai-nạn.

Vậy nói tóm lại thì thể-dục có ích-lợi cho ta kể như sau này:

1° Khi ta luyện thân-thể một cách điều-độ thì ta được khỏe-mạnh, thì nhục-thể ta không át được trí-khôn và cũng không hay ốm-đau, đỡ lo sợ. Ông J. J. Rousseau nói rằng: « Nếu thân-thể mạnh thì nó vâng lời; nếu nó yếu thì nó sai khiến ».

2° Ta luyện-tập thần-kinh-hệ, thì cái cách vận-động ở trong mình ta được điều-hòa, ta thành người nhanh-nhẹn, linh-lợi, khéo-léo; nhờ có những nết tốt ấy, làm việc gì cũng nhanh-chóng mà không tổn sức-khỏe. Ngộ gặp khi nguy-hiểm đến đâu, ta cũng thoát được cơ nguy-biến.

3° Ta mà luyện-tập những bắp thịt nở-nang, thì thân-thể ta được đẹp-đẽ. Không phải chỉ có cái mặt đẹp mà thôi, nhưng toàn-thể ta đều được nở-nang, đẹp-đẽ, mềm-mại, chứ không gầy-còm, cứng-cỏi.

4° Thể-dục có ảnh-hưởng đến trí-khôn, đến linh-tính của ta, nên ta tu-luyện được nhiều tính-cách hay, như là những tính nhẫn-nại, can-đảm, quả-quyết, tinh-nhanh, hùng-dũng. Một người có tính quả-quyết biết trọng nghĩa-vụ và tin ở tài-lực mình, có thể làm được nhiều việc vĩ-đại ở đời.

Người ngoại-quốc khen ta có lễ-phép, có trật-tự, lại chê ta không có đoàn-thể. Vậy ta cũng nên tu-luyện lấy cái tư-cách ấy thì mới mong cùng nhau lo-toan việc trong nước được. Các ngài đã biết rằng không có đoàn-

thể thì việc gì tuy nhỏ đến đâu, cũng không thành được. Nhờ cách dạy thể-thao chung nhiều người và nhờ các cuộc chơi thể-thao chia ra từng bọn từng toán thì những thiếu-niên phải ganh đua nhau. Trong lúc ganh đua thắng bại như thế, thì hình cũng như ở trong cuộc đời phải cạnh-tranh lẫn nhau ; tuy không những cạnh - tranh cho một mình mà thôi, nhưng mà góp sức với nhiều người cạnh-tranh cho cả một bọn, một toán. Như thế thì dễ phát-khởi ra nghĩa đoàn - thể và tính mến kỷ-luật.

Lịch-sử Thể-dục — Thể-dục là một khoa rất cần như tôi vừa nói ở trên, cho nên các nước Âu-châu từ xưa đến nay, vẫn cho là quan - trọng. Tôi xin lược kể cái lịch-sử ấy để các ngài nghe.

Về thượng - cổ-thời-đại, các nước trọng thể-dục lắm. Xem hình-ảnh, sách-vở, tượng, bia, hãy còn truyền lại thì biết.

Ở nước Hi-lạp, về thế-kỷ thứ 4, thứ 5 trước Thiên-chúa giáng - sinh, thể-dục đã cực thịnh-hành. Trẻ con từ 7 tuổi trở lên đã phải tập thể-thao.

Nền giáo-dục gồm cả thể-dục, trí-dục và đức-dục, cốt để đào-tạo lấy nhân-tài giúp nước. Chương-trình học thì có dạy : đọc sách, tính, viết, triết-học, nhạc và thể-thao, nhất là dạy thiếu-niên biết sự xử-thế. Trong nước Hi-lạp, thành *Sparte* thì cốt dạy dân giỏi nghề võ để đi đánh trận ; còn thành *Athènes* thì chỉ thích luyện-tập cho nhanh-nhẹn, cho có dáng-điệu, cho xinh-đẹp. Ngoại thể-thao, dân Hi-lạp lại còn tập cả khiêu-vũ nữa.

Tiếc rằng không có sách nào chép cách-thức dạy thể-thao thế nào, nên bây giờ ta không được rõ. Nhưng chắc rằng cũng dạy vận-động như bây giờ và có theo dịp nhạc. Trong sách « Luật - lệ », ông PLATON nói rằng dạy thanh - niên biết nhạc, biết khiêu - vũ có một cái quan-niệm lớn, là nhờ đó giảm bớt được cái tính ham chinh-chiến của người *Sparte*, vì dân *Sparte* không có nhiều cảm-tình đối với mĩ-thuật, đối với luân-lý. Về cách lấy lễ-nhạc dạy dân, thì ông PLATON cũng theo một ý-kiến như đức Khổng-tử.

Về sau, người Hi-lạp sinh ra lòng ganh-đua, lấy thể-thao làm cách dấu sức khỏe ; thành-thử cái tư-cách tập-luyện thiết-thực của thể-dục và của nghề nhạc biến dần đi.

Suy chóng lắm ; đến cuối thế-kỷ thứ 5 trước Thiên - chúa giáng-sinh, những pho tượng thời trước còn lưu lại, tuy bình-dung rất đẹp, nhưng toàn là tạc hình những đồ đánh vật, những người dấu võ. Như vậy, thì dân Hi-lạp đã mất những tính-cách tốt.

Ở nước Hi-lạp, khí-tiết điều-độ, trời mát-mẻ và thanh-thú, nên người trong nước không mặc quần-áo, chỉ khoác một mảnh vải phủ mình mà thôi, thân-thể nở-nang, trông cực-kỳ tráng-kiện ; người nào thân-thể gầy-còm thì tự lấy làm xấu-hổ.

Dân ở *Athènes* và ở *Sparte* suốt đời chịu luyện-tập thể-thao, coi sự luyện-tập ấy là nghĩa-vụ đối với mình, đối với tổ-quốc. Chỉ trừ những nô-lệ, còn không có một người dân nào là không tập thể-thao. Phải đi tập như thế mới là một người có giáo-dục. Ông PLATON, ông CHRYSIPPE và nhà văn-sĩ TIMOCRÉON đều giỏi thể-dục. Ông PYTHAGORE, nhà toán - học trứ - danh, thì được giải thưởng về quần-thủ, v. v. . .

Một nước trọng thể-dục như nước Hi-lạp, tất phải có những nơi để luyện-tập thể - thao, tức là những trường thể-dục. Trường lập ở gần sông, có nhà xây, có chỗ đất không, cây cối mọc rườm-rà. Trong trường thì chia ra nơi để tập thể-thao, phòng tắm, phòng

diễn-thuyết, phòng để riêng cho những nhà triết-học và những nhà ngôn-luận. Mỗi thành-phố có một trường.

Trường Thể-dục do một ông tổng-giám-đốc quản-trị; ở dưới quyền ông, có các giáo-sư hoặc trợ-giáo và những người thợ bóp. Mỗi trường lại có một ông thầy-thuốc.

Thể-thao dạy ở trong trường chia ra làm hai thứ: hạng thứ nhất có cuộc chơi như là: đánh quần, đánh quay, kéo dây, v.v.; hạng thứ nhì là: chạy, nhảy, đánh vật, khiêu-vũ, quần-thủ, ném « đĩa gỗ tròn », cùng phóng lao.

Mỗi một thứ lại chia ra làm nhiều cách; như là chạy chia ra làm ba cách: chạy nhanh, chạy hơi nhanh, chạy thong-thả.

Đánh vật cũng giống như đánh vật ở nước ta cùng các nước bây giờ, chỉ khác là khi vật đứng, người đó vật hụt chân ba lần thì chịu là thua; khi vật nằm, người nào đau không thể vật được nữa tự xin chịu thua thì mới gọi là thua.

Quần-thủ có dùng cả tay và chân cũng như quần-thảo của người Pháp ngày nay. Cách quần-thủ như thế thật dữ tợn, đánh nhiều miếng hiểm. Thế mà có nhiều ông thầy-thuốc có danh tiếng như GALLIEN, HIPPOCRATE khuyên nên tập đánh quần-thủ. Ông PLATON tính cũng thích đánh quần-thủ, khuyên cả đàn-bà nên tập.

Xem như thế thì biết người Hi-lạp chuộng thể-dục lắm, hễ có tế-lễ thần-thánh thì mở cuộc thi thể-thao, cũng như ở nước ta có việc đình-đám thì đánh vật. Ở ATHÈNES, những trai nào đẹp nhất, thì mới được phép dâng lễ.

Giống người Hi-lạp vốn đã đẹp, mà trong quốc-luật lại bắt làm cho đẹp thêm, như là bắt đàn-ông đàn-bà phải tập thể-thao, ngụ-ý để sinh-dục ra nhiều con tuấn-tú. Luật cũng định tuổi về việc giá-thú. Làm như thế thời sinh ra những trẻ con vừa đẹp vừa khỏe.

Người Hi-lạp cũng thường mở hội thể-thao rất long-trọng để kỷ-niệm những anh-hùng trong nước. Hội thể-thao thứ nhất mở từ năm 776 trước Thiên-chúa giáng-sinh. Những người sang-trọng giàu-có cũng đến thi giật giải. Hễ người nào thắng một cuộc thi gì, thì được thưởng một vòng lá đội lên đầu. Thành nào mà có người được thưởng giải vô-địch thì lấy làm danh-dự lắm. Nhiều thành không có người giỏi thể-thao thì mua của thành khác và cho nhập-tịch thành mình, để đi lấy giải vô-địch. Nhưng sau lưu-tệ thành cái phong-trào chuộng võ quá, cũng là một điều không hay.

Hội thể-thao sau cùng là thứ 290, mở năm 885, sau Thiên-chúa giáng-sinh, thì có Hoàng-tử nước *Arménie* được giải vô-địch về quần-thủ.

Thành La-mã cũng trọng thể-dục như nước Hi-lạp, nhưng cốt chuyên về việc chinh-chiến. Người La-mã tay bồng súng tập đi, tập cưỡi ngựa, tập đào đất. Tập xong rồi, lại tập bơi ở sông *Tibre*. Đến giờ thứ tám, các trai tráng họp lại để tập trận. Cách thao-luyện như thế làm cho dân mạnh-khỏe hùng-dũng lạ thường; các nước đều kinh sợ.

Về sau người La-mã chiếm-đoạt được nước Hi-lạp, bắt-chước người Hi-lạp tập thể-thao, nhất là những cách luyện-tập để cho công-chúng xem. Về đời vua CÉSAR, những cách thể-thao lại thành dữ tợn, và những cuộc chơi thể-thao đổi ra cuộc đấu gươm. Hai người đấu gươm đánh nhau, người nào thắng thì có phép giết người bại, nếu những người đi xem cấm không cho giết thì người ấy thoát nạn. Người múa gươm giỏi có tiếng ở thành La-mã là SPARTACUS.

Đến khi đạo Gia-tô thịnh lên, thấ

dân sùng-bái thể-dục, bèn bác những cuộc thể-thao hung-tợn, khuyên người ta bỏ những cái thuộc về vật-chất mà chuộng về đường tinh-thần, nghĩa là khinh phần xác mà trọng phần-hồn, lấy trí-dục mà phản-đối với thể-dục. Năm 392, có chỉ-dụ vua THÉODOSE bắt bãi cuộc thể-thao. Đến năm 426 vua THÉODOSE thứ hai ra lệnh bắt phá tất cả những lâu-đài và nhà cửa dùng về ngày hội thể-thao.

Đến năm 521, vua JULIEN hết sức muốn khôi-phục lại việc luyện-tập thể-thao, nhưng cũng không thành-hiệu. Nền đế-quốc La-mã đã nguy-biến, vua JULIEN hết sức duy-trì lại phong-hóa cũ, ban chỉ-dụ rằng: « Một quốc-dân muốn sinh-hoạt thì bổn-phận phải nuôi-nấng và luyện-tập thiếu-niên một cách hùng-dũng. »

Đến thế-kỷ thứ 6 trong nước nổi-loạn. Những địa-chủ họp nhau lại, tìm cách giữ mình. Các thành-thị đều bị cướp phá, bỏ hoang.

Kẻ yếu người hèn phải núp bóng những nhà địa-chủ có thế-lực; những nhà ấy sau thành đại-phú-trưởng-giả.

Trong năm thế-kỷ, cái thế-lực của những địa-chủ lan khắp mọi nơi. Đầu thế-kỷ thứ 10, khắp trong nước Pháp, những nông-nô sinh sự đánh nhau với địa-chủ: nền phong-kiến lập lên từ đấy.

Từ thời phong-kiến, thể-dục lại thịnh. Người trong nước chỉ chuyên về cưỡi ngựa, đánh trận cùng săn-bắn. Vậy sự sinh-hoạt, về đường vật-chất lại thịnh-hành; còn sự sinh-hoạt về đường tinh-thần và tôn-giáo thì chỉ ở trong phạm-vi các nhà tu mà thôi.

Từ thế-kỷ thứ 10 đến thế-kỷ thứ 12, có lẽ bầy trận đánh nhau để luyện-tập thể-thao, trước còn đánh nhau ở ngoài đồng, sau đánh nhau ở trong nơi kín. Trong cuộc đấu-chiến, lắm khi giết lẫn nhau. Những nhà kiếm-sĩ tập trận đánh nhau, còn thường-dân thì chơi đánh quần, đá bóng (cách chơi cũng gần giống như bây giờ).

Khi đã chế được thuốc-súng, việc chinh-chiến cải đổi đi thì các nhà quyền-quí lại bỏ nghề võ.

Đến thời-đại Phục-hưng lại khôi-phục lại thể-dục, làm nền giáo-dục, để cho quốc-dân theo như thể-cách thượng-cổ thời-đại.

NERCURIALIS người nước *Italie* làm ngự-y vua nước *Autriche*, đã có công thuyết-minh cái mục-đích thể-dục về đường vệ-sinh và cách trị-bệnh. Ở nước Đại-Pháp thì ông SADOLET, ở nước Đức có ông ROLLENHAGEN cũng cổ-động thể-thao có ích-lợi cho trẻ con.

Ở bên nước Pháp có ông RABELAIS bênh-vực và cổ-động nền thể-dục. Ở chương thứ 23 thiên thứ nhất, trong sách *Gargantua* và *Pantagruel*, ông RABELAIS bàn một cách rất minh-bạch về thể-dục và trí-dục nước Pháp về thế-kỷ thứ 16.

Ông MICHEL DE MONTAIGNE trong sách « *Essais* » nói rõ rằng: « Thể-dục và trí-dục không nên phân ra làm hai, nhưng phải giàng-buộc với nhau, như là một đôi ngựa đóng kèm trước xe ».

Đời vua LOUIS thứ 14, về đường văn-chương, mĩ-thuật, rất là thịnh-vượng, nhưng về đường thể-dục thì chểnh-mảng. Những nhà quyền-quí, những quan cận-thần chỉ biết bái-quị và khiêu-vũ mà thôi. Ai cũng thích chơi *billard*, chứ không thích đánh quần, vì đánh quần sinh ra mệt, cưỡi ngựa vất-vả, nên ai cũng thích ngồi xe. Một điều đáng lạ là chính thời ấy không ai coi cái chết là gì. Vì một việc danh-dự nhỏ-mọn, cũng đem nhau đánh đấu gươm giáo (tức là đánh *duel*). Trong năm 1670, ở thành phố *Paris* (bé hơn bây giờ) có đến 61 phòng dạy đấu gươm.

Về thế-kỷ sau, có ông Rousseau, nhà triết-học trứ-danh quyết rằng muốn mở-mang tri-khôn thì trước hết phải luyện-tập sức khỏe, phải rèn thân-thể. Cái lý-thuyết của ông, nhiều người nghe.

Ở bên Thụy-sĩ có một nhà sư-phạm Pestalozzi ngoại khi dạy học, lại dạy thêm học-trò thể-thao ; ông dung-hòa cả trí-dục với thể-dục ; bấy giờ người ta coi ông là một tông-đồ khoa giáo-dục tự-nhiên.

Ông Voltaire bàn rằng : « Người ta muốn sung-sướng thời phải có tri-tuệ một nhà hiền-triết ở trong thân-thể một nhà giỏi thể-dục. » Lời nói tuy giản-dị, nhưng ý-tưởng rất cao-thượng.

Ông Ling (1776-1839), người nước Thụy-điển, đi đánh trận bị trọng-thương, mới nghiệm ra rằng sự luyện-tập thể-thao có ảnh-hưởng đến tinh-thần, đến thân-thể. Ông thấy dân trong nước ham mê rượu chè, ông mới đặt ra một phương-pháp để trị bệnh rượu và bệnh lao. Ông lập một học-đường tại *Stockolm* để đào-tạo lấy giáo-sư dạy thể-thao.

Kế đến ông Jahn người nước Phổ đi đánh trận bị vua Napoléon đánh thua tại *Iéna* năm 1806. Jahn tức lắm mới tìm phương báo thù cho nước, hô-hào thiếu-niên luyện-tập thể-thao. Mục-đích của ông là luyện lấy quân giỏi đi đánh giặc.

Sau kế đến ông Amoros, người Y-Pha-nho, nhập-tịch Pháp, mở tại *Paris* một thể-dục-học-hiệu, được trợ-cấp mỗi năm là 6 vạn quan. Ông rèn-tập giáo-sư, nhiều ông có tiếng như là ông Laisné.

Ông theo ý-kiến của ông Pestalozzi coi thể-dục như là một nền giáo-dục phổ-thông. Ông có làm nhiều sách, ký-chú, diễn-thuyết về thể-dục. Ông hưởng-thọ 78 tuổi. Sự-nghiệp ông Amoros thì không to, nhưng ảnh-hưởng của ông thì sâu xa lắm.

Đến đầu thế-kỷ thứ 19, không ai ngờ rằng nước Anh-cát-lợi giỏi thể-dục như bây giờ. Trước kia, dân chỉ biết chơi *quille*, còn đánh quần đá bóng không ai biết.

Trong bọn học-trò thì chỉ rượu-chè, cờ-bạc, có nhiều người như là Kinsgley có lòng vì nước muốn sửa đổi lại phong-tục, nhưng cũng không có kết-quả. May bây giờ có ông Arnold làm giám-đốc trường *Rugby* thấy phong-hóa suy-đồi, mới định sửa đổi tính-cách các giáo-sư và học-sinh, nên ông dùng cuộc thể-thao làm cơ-quan để truyền-bá nghĩa tự-do. Học-trò ở trong lớp thì ông bắt phải theo một kỷ-luật rất nghiêm-nhặt ; lúc ra chơi-đùa, ông cho phóng-đãng, tự-do chơi-bời. Ông để cho học-trò chơi như vậy, cốt để cho học-trò tự khiến lấy mình, tự biết lo liệu, được cũng hay, thua cũng vui lòng chịu, không oán-hận gì, mục-đích ông muốn để cho học-trò tập về đường xử-thế.

Sau đến Edouard Thring cũng theo ý-kiến ông Arnold, ông nói rằng : « Giáo-dục là một sự-nghiệp thuộc về hành-động, kinh-nghiệm và hữu-ái ».

Cái phương-châm ấy thật mới, chưa từng ai nghĩ đến. Ông tổ-chức cuộc thể-dục cho học-sinh, rồi giao cho học-sinh coi giữ lấy, để làm trường thực-hành về nền tự-do, từ đời thượng-cổ thời-đại, và trung-cổ thời-đại cũng không ai nghĩ đến, thế mà người nước Anh-cát-lợi đã có cái tư-tưởng và đã thi-hành cái tư-tưởng ấy. Cái tư-tưởng ấy thật là cái phương-châm cho nước Anh-cát-lợi về đường thể-dục vậy. Ngày nay ta thấy người nước ấy giỏi-giang, tinh-nhanh, lanh-lợi, có thế-lực trong hoàn-cầu, ta cũng chẳng lấy gì làm lạ.

Nước Hoa-kỳ trong năm 1825 chưa theo hẳn phong-trào thể-dục. Từ năm 1830 đến năm 1860, người trong nước còn tranh-biện về đường ngôn-luận. Ông DANIEL WEBSTER nói rằng : « Ngôn-luận là bệnh dịch-hạch ở trong nước Hoa-kỳ. » Chỗ này lập diễn-đàn, chỗ kia ngâm thơ, vịnh thơ; chỗ khác uống rượu đập bàn ghế cũng lập hội bí-mật.

Từ cuộc Nam Bắc phân-tranh thì các việc trong nước đổi khác cả đi. Tính-cách kiên-nhẫn, can-đảm, hành-động phát-hiện ra, và cuộc thể-thao mỗi ngày một thịnh. Trong năm 1861, trường cao-đẳng *Amherst* lập một thể-thao-học-hiệu. Rồi sau, các đại-học-đường theo gương lập trường lập hội rất nhiều. Các nhà đại-phú-gia quyên tiền giúp kể hàng vạn, hàng triệu. Ông CARNEGIE xuất tiền ra đào ở *Princeton* một cái hồ to để cho học-sinh tập bơi.

Dân Hoa-kỳ trọng thể-dục lắm, vì họ coi « sức khỏe cũng cần bằng trí-tuệ và học-thức ». Trong nước có mở một đại-học-đường để đào-luyện lấy những « giám-đốc thể-thao » để bổ đi khắp hoàn-cầu, quản-trị những hội của người Hoa-kỳ lập lên.

Nước Hoa-kỳ được thịnh-vượng hùng-dũng cũng nhờ thể-dục một phần lớn.

Cận-lai ở nước Đại-Pháp, có hai ông theo cái ý-tưởng của AMOROS mà phát-khởi ra nhiều ý hay, là ông DEMENY và HÉBERT.

Ông DEMENY sinh năm 1850, người tạng yếu, nên chỉ sở-ước làm thế nào cho khỏe mình để mình được sung-sướng và để giúp người. Ông bèn luyện-tập và theo học sinh-lý-học ở *Sorbonne*.

Ông đã chế ra nhiều thứ máy dùng về việc thí-nghiệm thể-dục. Năm 1891, thành-phố *Paris* ủy ông dạy một lớp cao-đẳng về khoa thể-dục. Năm 1892, ông làm giáo-sư dạy sinh-lý-học ở tại trường sư-phạm thể-thao của nhà binh ở tại *Joinville le Pont*.

Ông có làm ra nhiều sách lắm, nghiên-cứu về việc tập thể-thao. Ông đặt ra một phương-pháp thí-nghiệm. Theo cái lý-thuyết của ông thì mục-đích thể-dục không những luyện cho người ta khỏe-mạnh, nhưng lại dạy cho người ta khi đã có sức khỏe rồi, phải biết dùng sức-khỏe một cách có ích và không phí-uổng.

Ông HÉBERT, kế-tiếp ông DEMENY, đã có công nghiên-cứu đặt thành một phương-pháp riêng gọi là phương-pháp-tự-nhiên, dạy người ta tập những cách vận-động mà người phải cần đến luôn, như là : đi, chạy, nhảy, leo chèo, ném vác, bơi.

Năm 1913 ông HÉBERT, giám-đốc trường thể-dục-tư-thục ở *Reims* của quan Hầu-tước DE POLIGNAC sáng-lập lên. Hầu-tước tiêu về việc sáng-lập trường ấy đến 20 triệu quan tiền. Khi tôi du-học ở bên Pháp, kỳ nghỉ-hè trong năm 1911-1912 và 1912-1913, tôi cùng với vài ông đồng-bang đến tập ở trường ấy, đã được cái danh-dự gặp ông HÉBERT. Trong cuộc chiến-tranh, ông đã có công luyện-tập được nhiều hùng-binh thắng được nhiều trận. Ông đã làm ra nhiều sách để cổ-động phương-pháp của ông.

Mấy năm trước khi chiến-tranh, trong nước Pháp hình như lãnh-đạm về vấn-đề thể-dục, thế mà ông đã có công cổ-động gây lên một phong-trào, một cơ-hội tốt cho nền thể-dục ở trong nước. Hiện bây giờ, ông đang cổ-động về vấn-đề thể-dục đàn-bà.

Từ trên là tôi đã kể các ngài nghe các thời-kỳ lúc thịnh lúc suy của khoa thể-dục từ thượng-cổ-thời-đại đến

kim-thời ở các nước châu Âu, châu Mĩ. Nay ta thử xét về phương Á-Đông, nhất là về nước ta, xem thể-dục thế nào.

Trước hết, xin các ngài biết cho rằng phép giáo-dục ở phương Á-Đông ta, dầu là học văn-chương nghĩa-lý, song có phải là không có thể-dục đâu. Trong các cổ-thư đều có nói đến, nhưng ta không biết đem cái ý-tưởng ấy mà thực-hành, mà làm thành sách, mà đặt thành cách-thức mà dạy lẫn nhau. Vậy ở nước Tàu và nước ta không có sách hoặc phương-pháp chuyên về thể-dục. Song những nhà khảo-cứu về thể-dục nói rằng về đời Hoàng-đế, 2700 hay là 2800 năm trước Thiên-chúa giáng-sinh, ở bên Tàu có một phép thể-dục tinh-vi lắm, gọi là *Koung-fou* (không tra biết chữ nho là gì). Lại nói rằng người Thụy-điển bắt-chước phương-pháp ấy mà làm thành phương-g-pháp Thụy-điển bây giờ. Thực hư thế nào, tôi không rõ.

Tìm ở trong sách nho, có những ý-tưởng như sau này, xin dẫn để các ngài nghe.

Trong kinh *Thư*, thiên *Vô-dật* có nói rằng: « *Sở kỳ vô dật* 所其無逸 », nghĩa là không nên rồi-dài dật-lạc quá độ, phải vận-động luôn thời mới không sinh yếu người, hư người.

Kinh *Lễ*, thiên *Học-ký* nói rằng: « Có lúc tàng-tu cũng có lúc du-tức », tàng-tu là lúc học, du-tức là lúc nghỉ-ngơi, chơi đùa thể-thao cho khỏe-mạnh.

Trong sách *Luận-ngữ* về thiên *Thuật-nhi*, đức Khổng-tử dạy rằng: « *Du ư nghệ* 遊於藝 », nghệ là sáu nghề: lễ, nhạc, xạ, ngự, thư, số. Trong sáu nghề, có nghề tập bắn là xạ, cưỡi ngựa là ngự, đó chính là những cách thể-thao phải luyện-tập cho khỏe-mạnh. Thời cổ-giả, trẻ con lên 8 tuổi đã dạy cho biết sáu nghề, mục-đích là để nuôi lấy cái sức khỏe, chớ có phải quên thể-dục đâu.

Xem như ông Hoa-Đà 華佗 là ông lang tinh phép vệ-sinh; ông thường giảng-giải cho người ta biết cái phép phòng-bị trước, để giữ cho khỏi ốm-yếu. Phép ấy cũng cần, nhất là phải vận-động lâm-lụng luôn cho cứng cho khỏe gân cốt. Ông có nói rằng: « Người ta phải lâm-lụng vận-động luôn, thì ăn uống mới dễ tiêu-hóa, huyết-mạch mới lưu-thông, mới tránh được tật-bệnh. »

Đó là những lời yếu-quyết dạy cho biết phép vệ-sinh, thể-dục.

Ở bên Tàu, về đời nhà Tấn, có một ông đã làm quan mà còn chăm về đường thể-dục, là ông Đào Khản, làm đến chức Đô-đốc, khi rảnh việc quan, sợ ăn không ngồi rồi thì sinh ra yếu người. Vậy cứ ngày ngày sáng sớm dậy khuân một trăm hòn gạch ra mái nhà ngoài, tối đến lại khuân trăm hòn gạch ấy vào mái nhà trong. Ông làm như thế, cốt để vận-động cho quen, đó là ông biết cách thể-dục là cần phải lao-động, chớ không nên ngồi rồi thời sinh ra yếu người, không có thể đảm-đương được công việc.

Nước Ấn-độ từ đời xưa, thể-dục cũng đã phát-đạt. Nhân vì các sư học đạo Bà-la-môn, học-tập siêng năng quá-độ, thân-thể thành ra suy-yếu, mới bày ra những cách luyện-tập, rất là hoạt-bát, như là 11 phép thuộc về cách đấm-đá, 12 phép thuộc về cách đạo-dẫn. — Bây giờ, nước Ấn-độ theo tập cách thể-thao của các nước Âu-châu.

Nước Nhật-bản từ xưa đã có thói thượng-võ, bày ra cách-thức luyện-tập tự-nhiên, như múa-gươm, đánh võ, vật lộn. Đến cuối đời Mạc-phủ là đời Đức-xuyên (*Tokugawa*), các phiên-quốc mới đua nhau học thêm binh-chế các nước Âu-châu — Đầu đời vua Minh-trị, có ban cái chương-trình giáo-dục mới, lấy cách thể-dục Âu-châu dạy khắp các trường. Lại lập một trường để

luyện-tập thành những thầy giáo dạy khoa thể-dục, cho nên quốc-dân ai cũng biết lấy thể-dục làm trọng. Xem đó cũng đủ chứng ra rằng các nước ở Á-Đông đã biết dùng thể-thao làm cách vận-động, để giữ sức-khỏe.

Nay tôi xin nói về nước Nam ta xem có những cách hợp về đường Thể-dục chăng. Xưa kia, nước ta về đường thể-dục tuy chưa đặt ra chuyên-khoa, song đã có khoa thi võ-cử, thời tức là người trong nước đã biết trọng việc thể-dục.

Về đời nhà Trần, đời vua Thái-tôn, có mở khoa thi để kén những người dũng-lực khỏe-mạnh, am-tường võ-nghệ, để sung vào quân túc-vệ. Song thời bây giờ, tập võ-nghệ thì chỉ có cách quần-thủ, đánh vật mà thôi; còn cách-thức thi thế nào thời không rõ.

Đến đời nhà Lê, năm Thiệu-bình (1434) đặt ra khoa thi võ để kén các hàng tướng-hiệu; năm Hồng-đức (1470) lập ra trường để dạy con cháu các quan tự tam-phẩm trở lên học tập võ-nghệ. Nhưng phép dạy phép thi thời bấy giờ hãy còn sơ-lược lắm. Đến năm Bảo-thái (1720) về đời Hậu-Lê, chúa Trịnh mới lập ra nhà võ-học, đặt ra quan giáo-thụ, tuyển những người võ-sinh tuấn-tú cho vào học, cứ cách ba năm một lần thi tốt-nghiệp. Khi bấy giờ, sự tuyển võ-nghệ đã tinh-tường: một là kén lấy người thân-tài lực-lưỡng, hai là kén lấy người đảm-lực hùng-cường, tổng-chi là cốt chọn lấy người khỏe-mạnh. Lại thi đấu-kiếm, đấu-kích, là để xem người can-đảm; thi đấu-roi (côn) là để xem tài nhanh-nhẹn; thi sách tạ là để xem sức-lực.

Ấy cái cách-thức thi võ-nghệ ở nước ta khi trước cũng giống như là phương-pháp thể-dục. Song cái chủ-ý là tuyển võ-cử, chỉ cốt kén lấy người võ-nghệ để sung vào quân túc-vệ hay là sung làm các hàng tướng-hiệu để dùng về việc binh mà thôi. Tiếc thay quốc-dân ta coi võ-nghệ làm thường, nên không có mấy người chịu luyện-tập tinh-tường mà làm thành cách giáo-dục phổ-thông cho nước.

Tuy vậy, mà về thời trước, nước Nam ta cũng có nhiều người võ-lực có tiếng, lập nên được công-danh sự-nghiệp rực-rỡ lớn-lao, như về đời nhà Lý thời có ông Lê Phụng-Hiểu, nổi tiếng hùng-dũng từ khi nhỏ, nên mới đắc-dụng, mà một mình đánh được quân Tam-phủ; ông Lý Thường-Kiệt nổi tiếng là ông tướng khỏe-mạnh, mà đánh được quân nhà Tống; về đời nhà Trần, có ông Phạm Ngũ-Lão hằng ngày ra tập võ, tập nhảy ở gò, nhanh-nhẹn, không ai địch nổi, thực là bậc văn-võ toàn-tài, nên khi gặp đức Trần Hưng-Đạo dùng làm tướng, mới lập được nhiều chiến-công.

Đó là các bậc anh-hùng nước ta có đủ tư-cách thể-dục mà lại biết luyện-tập thành-tài, nên mới ra gánh vác được việc đời; thời bình và thời loạn, lúc nào các ngài cũng làm hết được bổn-phận mình mà giúp dân giúp nước, mới lập thành được công-nghiệp lớn-lao để danh tiếng về đời sau.

Kể ra thời còn nhiều người khỏe-mạnh có tiếng, không thể nói xiết được.

Trí-não với thể-lực hai đàng phản-đối nhau. — Các ngài xem đó thì nhận ra rằng tổ-tiên ta cũng có thể-dục, tuy cách-thức có khác, nhưng cũng là luyện-tập thể-thao, nhất là chuyên về võ-nghệ giống như người các nước ở Âu-châu về mấy thế-kỷ trước. Nhưng tiếc thay, tiền-nhân ta không đem võ-nghệ dạy cho quốc-dân như các nước bên Âu Mĩ. Cũng tiếc thay về mấy thế-kỷ sau này, người nước ta khinh-

bỉ võ-nghệ mà thiên-trọng về đường hư-văn quá, thành ra cái thói văn-nhược ; đã gọi là học-trò thời cả ngày dùi-mài sách-vở, không động việc gì nặng nhọc đến thân-thể, cho nên nhiều người yếu đuối, khí-huyết di-truyền thành ra chủng-loại bạc-nhược.

Đến bây giờ, theo tân-học, nhiễm phong-hóa Âu-châu, ta đã biết trọng thân-thể. Nhưng ngoại mấy phương-pháp vệ-sinh về sự ăn-uống, cửa nhà, quần áo, thì chưa mấy người lưu-tâm đến khoa thể-dục.

Các học-đường cũng không trông-nom về việc thể-dục cho học-sinh. Mới từ năm ngoái, có lệnh bắt dạy thể-thao trong các trường, nhưng một trăm phần chưa làm được một phần. Trong Học-chính-qui-tắc có bắt dạy thể-thao thì đủ biết rằng Chính-phủ đã hiểu rằng : « Sự dùng tinh-thần rất là man-mác và khó-nhọc, cần phải có thể-dục để bổ-dưỡng thân-thể ». Trong các trường, sự học mỗi ngày một rộng, một khó, học-trò phải dùng nhiều trí-não, cho nên phải có thể-dục để làm một vị thuốc bổ cho não-cân, và lại phải có thể-dục thời nền giáo-dục mới được hoàn-toàn.

Nhưng tiếc thay, những nhà học-vấn nước ta không mấy người thích thể-thao, cũng không có mấy người biết trọng thể-thao, thường khinh-bỉ. Nếu có người thích thể-dục chịu luyện-tập mà được mạnh-khỏe thì cũng là số rất ít.

Các nhà học-vấn không trọng thể-dục là do cái tư-tưởng hủ, nghĩ rằng « trí não với thể-dục hai đàng phản-đối nhau, » và cũng nghĩ trí-dục không có thể nào dung-hòa được với thể-dục ». Nói rằng luyện-tập thân-thể thì hại trí-não, thật vô-lý; và nói trái lại rằng rèn-tập trí-não thì hại thân-thể cũng vô-lý. Chỉ không nên tập chuyên-trị một phần thân-thể, vì rằng nếu tập-luyện như thế thì có hại ; vả đã là một nền giáo-dục thời phải cho hoàn-toàn.

Ta nên biết rằng một người không dùi-mài trí-não, cũng không biết đọc, biết viết, biết tính, thế mà được khỏe-mạnh sung-sướng ở đời ; chứ một nhà tư-tưởng, một nhà văn-học chỉ biết dùi-mài trí-não, không luyện-tập thân-thể, thì sinh ra yếu-đuối và hay ốm đau. Dùng trí-não đến mệt quá, không khỏi hại thân-thể. Vậy người chuyên dùng tinh-thần phải có sức mới chịu được sự mệt-nhọc.

Những tài-năng về văn-chương, về mĩ-thuật không bao giờ vì luyện-tập thân-thể một cách có điều-độ mà giảm mất giá-trị. Thân-thể mạnh-khỏe cũng không bao giờ hại sự vận-động của trí-não, và cũng không giảm cái tính sở-thích về mĩ-thuật, về cách-trí và văn-chương.

Nhiều người tưởng rằng trí-khôn chỉ phát-hiện và hoạt-động ở những công-việc thuộc về tinh-thần. Tưởng như thế là lầm to. Nếu những người ấy có tập thể-thao thì biết rằng sự dùng sức mạnh và dùng những tài-giỏi một cách khôn-khéo để làm một công việc gì cho thành-hiệu, thì cũng dụng-tâm suy-nghĩ và xét-đoán chẳng khác gì phải giải-quyết một vấn-đề bằng trí-não.

Có nhiều người giỏi thể-thao, tuy học ít nhưng rất linh-lợi ; còn những người tuy rằng học-thức rộng, nhưng khi động làm việc gì thì lại không được hoạt-bát. Cứ xem những người ấy làm việc bằng tay chân thì đủ rõ rằng là vụng-về.

Vậy thể-thao mà khéo luyện-tập dung-hòa với sự học-hành thì là một điều hay, vì nó làm cho ta thành người có tư-cách hoàn-toàn.

Những nhà đại-tư-tưởng, những nhà thông-thái đã làm được nhiều sự-nghiệp rỡ-rệt, toàn là những người khỏe-mạnh. Như ông PLATON đại-triết-học nước Hi-lạp đời trước, là một nhà giỏi thể-dục đã nhiều lần được thưởng về cuộc thi thể thao.

Một bậc thiên-tài về thế-kỷ trước là ông NAPOLÉON cũng khỏe-mạnh lắm. Ông đã lập được sự-nghiệp vĩ-đại, kinh-thiên động-địa, cũng là nhờ cái sức khỏe của ông. Nhà làm sử có nói rằng : « Sự-nghiệp của ông tùy theo cái sức khỏe của ông ; mà cái sức khỏe của ông cũng tùy theo sự hoạt-động thân-thể của ông. Sự hoạt-động ấy kém đi vì có nhiều công việc quá, thì cái sức khỏe của ông cũng giảm bớt ».

Ông ERNEST LEGOUVÉ là một nhà văn-sĩ chín-mươi tuổi mà hãy còn đánh gươm bắn súng. Ông TOLSTOI, văn-sĩ trứ-danh nước Nga-la-tư ngoài lúc làm văn thì tập thể-thao cũng làm việc đồng-áng : ai thấy thế cũng lấy làm lạ. Ông hưởng thọ 82 tuổi. Ông GLADSTONE, một nhà đại-chánh-trị nước Anh-cát-lợi, thích luyện-tập thể-thao mãi đến lúc tuổi đã già.

Thời này ông CLEMENCEAU, một nhà đại-chánh-trị nước Pháp, tuổi đã ngoại 80 mà sáng ngày vẫn tập nửa giờ thể-thao, nên vẫn đảm-nhiệm được việc lớn trong nước.

Ở nước ta, về đời nhà Lê có ông Lê Nại, ăn nhiều, sức khỏe, thi đỗ trạng-nguyên ; ông Đinh Văn-Tả tráng-dũng tuyệt-trần làm đến đại-tướng ; ông Lương Hữu-Khánh sức-lực hơn người, lúc còn làm học-trò, bụng thì đói mà phát trong một buổi được hai ba mẫu cỏ, sau làm đến Thượng-thư ; còn nhiều ông nữa, có thể kể làm chứng được rằng sức khỏe có ảnh-hưởng đến sự hoạt-động trí-não.

Ngày nay ở trong nước ta, tuy có nhiều cụ già sống lâu, nhưng thể-lực không được khỏe-mạnh, nên trí-não không được tinh-tường.

Thường thường một người khỏe-mạnh có tư-tưởng hay hơn người hay ốm-yếu. Vậy muốn có tư-tưởng tinh-nhanh cần nhất phải khỏe-mạnh. Cứ suy lúc ta ốm thì ta không muốn nghĩ đến việc gì, và ta cũng không tưởng đến việc gì thì đủ biết. Nếu người không khỏe-mạnh thì những tư-tưởng cũng nhu-nhược. Những tư-tưởng buồn rầu, chán đời, mà thời này ta đã nghe chán cả tai, là thường bởi những người trong mình ốm-yếu mới có những tư-tưởng ấy. Vậy khi ta nghe một người nào nói chuyện, mà ta muốn phán-đoán lý-tưởng của người ấy, thì ta nên cần xét xem người ấy ốm-yếu hay là mạnh-khỏe. Nếu người ấy thật hay ốm-yếu thì ta phải giữ-gìn chớ nên nghe lời.

Ông SOCRATE nói rằng : « Nhiều người yếu-ốm là tại không luyện-tập thân-thể. Những tư-tưởng nhu-nhược, tính-khí buồn-bã âu-sầu, dút-dát cũng vì thân-thể yếu mà sinh ra. »

Ta cũng nghiệm ra rằng nếu trong mình ta có khỏe-mạnh thì ta muốn làm việc nọ việc kia, muốn cạnh-tranh với đời. Nếu trong người yếu thì chỉ muốn an-thường thủ-phận, không muốn khó đến mình. Còn những người khỏe-mạnh thì khác, biết lợi-dụng sức khỏe và tài học-hành, đem những tính-cách tốt như là trác-kiến, nhẫn-nại, can-đảm mà lo liệu việc thương-mại, kỹ-nghệ cùng các việc khác cho được phát-đạt. Nếu có gặp sự cạnh-tranh, thì cũng không nản chí, như thế tất phải thắng chứ không bao giờ hại.

Vậy, nói rằng sự luyện-tập thân-thể có hại cho trí-não thì thậm vô-lý.

Cũng có nhiều người sức thì yếu-

đuổi mà làm được sự-nghiệp vĩ-đại, nổi tiếng anh-hùng hào-kiệt trong một thời. Nhưng những người ấy kể vào bậc thiên-tài anh-tuấn, thật hiếm có lắm vậy.

Ta sinh-trưởng vào thời-đại cạnh-tranh, tranh mà thắng-lợi, thời nòi giống được sinh-tồn, tranh mà thất-bại thời nòi giống bị suy-đồi. Vả lại cạnh-tranh bằng sức khỏe, bằng trí-khôn. Vậy quốc-dân ta nên học-hành cho thực giỏi bằng người, mà cũng nên luyện-tập cho khỏe, để khỏi mang tiếng kém người. Quốc-dân ta nên lấy câu : « Thân-thể có khỏe-mạnh thì trí-não mới được kiện-toàn » làm lời yếu-quyết, chắc mai sau ta được nổi tiếng là một dân-tộc hùng - cường.

Phương-pháp thể-thao tự-nhiên — Chương-trình thể-dục. — Trong nước ta, hiện ngày nay chưa có mấy người am-tường và thích thể-dục. Ở Hà-thành và các tỉnh-lỵ có ít hội thể-thao mà số hội-viên hãy còn ít, trong số ấy ít người chịu luyện-tập thể-thao một cách điều-độ và thiết - thực ; phần nhiều người không hiểu chỉ cho thể-thao là các cuộc chơi mà thôi.

Trong các trường học, hai năm nay đã có dạy thể-thao, nhưng cũng qua-loa, qua lần đi mà thôi, chứ chưa được phổ-cập hết cả học-trò. Vậy cái kết-quả hãy còn ít lắm.

Ở các trường cao-đẳng, trừ ra ít người đánh quần hay là luyện-tập, còn toàn-thể không có tập-luyện gì cả. Các học-sinh đã đến tuổi đến thì lại cần phải luyện-tập thể-thao để tránh khỏi cái tính ham-mê tình-dục kia, nó làm hại trai trẻ biết là chừng nào ; phong-tục suy-đồi, cũng bởi cái tính ham-mê quá chừng ấy. Mong rằng các học-sinh ta nên tỉnh-ngộ lại, nên biết quí thời trai-trẻ, nên để những lúc nghỉ-ngơi mà luyện-tập thân-thể cho tráng-kiện.

Trong chương-trình tiểu-học và trung-học có dạy thể-dục, nhưng cách thi-hành không cẩn-trọng, thì còn lâu năm cái ích-lợi của thể-dục mới lan khắp các trường được. Vậy ta mong rằng Qui-Chính-phủ bảo-hộ, nhất là Học-chánh tổng-cục có trách-nhiệm giáo-dục ở nước ta, mau thi - hành nghiêm-luật để cho nền giáo-dục trong nước được hoàn-toàn, nghĩa là có đủ cả đức-dục, trí-dục và thể-dục.

Đã đành rằng ta nên tập thể-thao, nhưng nên theo phương-pháp nào mà tập ? Ở trong đời, làm công việc gì phải có thứ-tự, có qui-củ, có phương-pháp, thì không tốn thì giờ, không phải khó-nhọc.... Ta nên có một phương-pháp thể-thao hợp với tính-cách, với thủy-thổ của ta. Ở các nước Âu-châu, nền thể-dục đã thịnh-đạt, nên có nhiều phương-pháp. Phương - pháp nào cũng cố luyện cho khỏe thân-thể; nhưng theo phương-pháp này thì thân-thể được nở-nang đẹp-đẽ và theo phương-pháp kia thì thân-thể không được nở-nang đều-đặn và mất nhiều thời giờ. Theo phương-pháp mà luyện-tập cũng quan-hệ đến trí-não, đến tâm-tính, đến thần-kinh-hệ cùng đến các cơ-quan hành-động trong thân-thể, nên quốc-dân ta phải khéo chọn trong các phương-pháp của người mà theo, thì tránh được sự sai lầm của người.

Tôi không có ý kể hết cả những phương-pháp hiện thi-hành ở các nước văn-minh, nhất là nước Đại-Pháp, nhưng tôi chỉ muốn kể qua đến một vài phương-pháp mà thôi.

1° *Phương-pháp dùng khí-cụ.* — Cứ như tên gọi, thì phương-pháp này phải dùng nhiều đồ-đạc, khí-cụ để luyện-tập. Mục-đích phương - pháp này là tập cho « khéo và khỏe ». Vả lại có khéo tay, có mền-mại thì mới tập được phương-pháp này. Nhưng hiểm rằng tập theo phương-pháp này thì chỉ nở-

nang hai cánh tay và ngực, còn hai chân thì vẫn gầy-còm, thành thử toàn thân-thể không được đẹp-đẽ.

2° *Phương-pháp của người Thụy-điển.*— Ở đoạn lịch-sử Thể-dục, tôi đã nói qua rằng ông LING, người Thụy-điển, thấy người trong nước ham-mê rượu chè thành yếu-đuối, ông mới đặt ra một phương-pháp thể-thao để dạy quốc-dân, phương-pháp ấy gọi là phương-pháp Thụy-điển.

Phương-pháp đã được nhiều nước trọng-dụng. Tập-luyện theo phương-pháp này thì không phải dùng đến nhiều khí-cụ, cách tập tần-mần và không vui. Phải chịu khó và phải chuyên-cần mà luyện-tập hàng tháng, hàng năm, mà mỗi ngày ít ra cũng phải tập một nửa giờ mới được bổ-ích. Như vậy, tốn công-phu mà lâu mới có kết-quả. Phương-pháp ấy cũng không có tính-cách thực-dụng.

3° *Phương-pháp Muller.*— Phương-pháp này giản-dị dễ theo, cho nên được đắc-dụng, làm thành một cuốn sách con, có dịch ra nhiều tiếng ngoại-quốc. Trong năm 1905, sách của ông MULLER bán được ngoại 20 vạn cuốn, đủ tỏ ra rằng sách của ông có nhiều người dùng.

Theo phương-pháp MULLER thì mỗi ngày tập một khắc đồng-hồ; tập xong cũng tắm và lau mình cho sạch da thịt. Tuy ông có khuyên luyện-tập ở ngoài chỗ rộng có không-khí, phơi nắng mặt trời, nhưng phương-pháp của ông thường chỉ dùng ở trong nhà mà thôi.

Kể ra thì còn nhiều phương-pháp lắm, cứ xét số sách thể-thao mới xuất-bản thì đủ hiểu: sách này thì dạy cách thể-thao con trai, sách kia dạy thể-thao con gái, nhiều sách phản-đối lẫn nhau, một người không sành nếu có đọc những sách ấy, cũng chịu không thể phán-đoán được. Nhưng kỳ-thực, các nhà tác-giả không có phát-khởi ra cái lý-thuyết gì mới cả, chỉ là bắt-chước phương-pháp Thụy-điển hay là bắt-chước lẫn nhau mà thôi.

Kể những phương-pháp mới ra đời được 20 năm nay, mà nhiều người dùng thì có phương-pháp của ông HÉBERT. Theo như ý ông thì thể-thao chỉ để luyện một cách hoàn-toàn cho người ta đi, chạy, nhảy, chèo, ném, bơi, vác và các cách để thủ-thân. Nghĩa là các cách vận-động tự-nhiên của người. Vì lẽ ấy, phương-pháp của ông HÉBERT gọi là phương pháp tự-nhiên.

Ông đặt ra phương-pháp ấy do một mục-đích thiết-thực; nghe lời ông nói thì đủ biết: « Ở thời-đại văn-minh, người ta kém phần vận-động, nên phải đặt ra thể-thao để phụ vào cái khuyết-điểm ấy ».

Trong việc dạy thể-thao, mục-đích của ông cũng luyện những tính nết tốt về tinh-thần và về tâm-lý; ông cũng có ý dào-luyện những tính-cách hùng-dũng của người ta. Cách dạy phương-pháp của ông lại giản-dị không tốn tiền và vui thích lắm, cho nên nhiều người ham tập. Chỉ luyện-tập độ 6 tháng thì có kết-quả trông thấy ngay.

Phương-pháp của ông HÉBERT có một điều này tiện nhất là bất-kỳ đàn-ông đàn-bà, lớn bé già trẻ, con trai con gái, nòi giống nào, ai tập cũng được.

Tôi đã thí-nghiệm phương-pháp này khi ở bên Đại-Pháp, và đã đem thực-hành ở trường Thể-dục được 5 năm nay, thì đã thấy có kết-quả. Tôi vẫn tin rằng phương-pháp này hợp với thể-cách và tính-cách người nước ta. Nhưng ở nước ta khi trời nóng-nực, ta cũng không nên theo toàn-thể phương-pháp ấy. Ta nên chọn lấy những cách vận-động êm-đềm mà luyện-tập có điều-độ. Trong quyển « *Thể-thao chỉ-*

nam » tôi soạn ra để bán lấy tiền cho trường Thể-dục, tôi đã kể minh-bạch những cách vận-động mà người nước ta nên dùng. Ngoại cách tập thể-thao, ta cũng nên tập võ của ta để làm cách thủ-thân. Vả lại nghề võ ta cũng là một thiện-nghệ, ta nên duy-trì lấy, đừng nên để nó mai-một đi. Ước rằng những nhà giỏi nghệ võ của ta, nên làm thành sách để duy-trì về sau.

Thưa các Ngài,

Hầu hết các nước, nhất là những nước văn-minh, đều có thể-dục, các ngài đi xem chiếu-ảnh, thấy chiếu luôn cuộc thể-thao thì đủ hiểu, vậy nếu dân nước Nam ta muốn khỏe-mạnh, muốn văn-minh bằng người, thì thế nào cũng phải trọng thể-dục.

Nước ta quá chuộng về đường hư-văn, để hết trí khôn về đường học-hành, không để nghĩ đến thân-thể.

Ngày nay, ai cũng đã hiểu rằng sự luyện-tập, chơi-bời, thể-thao không những có bổ-ích cho sức-vóc người, mà bổ-ích cả về đường tinh-thần và luân-lý, cũng có ảnh-hưởng đến cả việc tu-thân xử-thế nữa.

Mục-đích là gây cho con cháu ta một nền giáo-dục hoàn-toàn. Ta mong rằng người nước Nam ta sau này có sức-vóc, mập-mạp, to-lớn khỏe-mạnh, mềm-mại, khéo-léo, nhanh-nhẹn, can-đảm, đẹp-đẽ, lịch-sự. Cho đạt tới mục-đích, thì không gì bằng khuếch-trương khoa thể-dục.

Cơ thịnh-suy của nòi giống ta, sự tiến-bộ của nước ta, không phải chỉ ở trí-dục và ở đức-dục mà cũng ở thể-dục nữa. Vậy ta nên mở nhiều trường tập thể-thao, nhiều khu đất để chơi. Cốt nhất phải có một nơi rộng-rãi, mát-mẻ, thoảng hơi. Nên lấy trường Thể-dục làm mẫu. Nhưng phải nhờ lòng từ-thiện của các nhà giàu sang trong nước có lòng giúp đỡ thì mới thành. Vậy chúng tôi mong rằng :

1° mỗi một trường có riêng một khu đất để tập thể-thao, có đủ khí-cụ dùng về việc luyện-tập ;

2° mỗi làng có một khu đất để chơi các cuộc thể-thao, như là đá cầu, đá bóng, kéo dây, đánh vật v.v. ;

3° mỗi huyện-lỵ, mỗi phủ-lỵ có một khu đất để tập thể-thao ;

4° mỗi tỉnh-lỵ, và mỗi thành-phố nên lập trường Thể-dục.

Tiền cần dùng để tổ-chức những việc ấy cũng không tốn bao nhiêu, thì chắc sẽ có. Các nhà có quyền-thế, cùng những nhà muốn bảo-tồn nòi giống ta, nếu lưu-tâm hô-hào cổ-động cho quốc-dân ta biết rằng con cháu ta cần phải có chỗ luyện-tập và chơi bời, thì ai là chả quyên tiền giúp đỡ. Những cha mẹ khi thấy con mình khỏe-mạnh, đẹp-đẽ hơn, thành người nết-na hơn, thì cũng để tâm quyên tiền giúp cho công-cuộc được thành-đạt.

Thưa các Ngài,

Một ông triết-học tây nói rằng : « Muốn được thành-đạt ở đời, thì cái tư-cách thứ nhất là trước hết phải là một con vật khỏe » Lại có một nhà Tây-nho nói rằng : « Một quốc-dân muốn được thịnh-vượng thì cái tư-cách thứ nhất là trước hết phải có nhiều người dân khỏe-mạnh ». Vậy thì, nếu dân ta muốn khỏe-mạnh, nước ta muốn thịnh-vượng, muốn phú-cường, thì nên trọng Thể-dục.

NGUYỄN QUÝ-TOÀN

KHẢO VỀ CÁC LỐI VĂN TÂU[1]

II

3 – Thể văn tấu-nghị

Thể văn *Tấu-nghị* là cái lời bày tôi tâu vua, thể văn ấy trong kinh *Thư* rất nhiều. *Tả-truyện* và *Quốc-ngữ*, *Quốc-sách* cũng có thể văn ấy. Song lời nói cổ-nhân chất-phác, trong bài tấu-sớ không có đặt riêng ra những lời danh-xưng, về đời sau mới đặt thêm mãi thể-chế ra, phiền-phức không thể kể xiết được. Thuộc về thể văn *Tấu-nghị* này cả thảy có 27 mục: *Tấu* 奏, *Nghị* 議, *Bác-nghị* 駁議, *Thụy-nghị* 謚議, *Sách-văn* 冊文, *Sớ* 疏, *Thượng-thư* 上書, *Thượng-ngôn* 上言, *Chương* 章, *Thư* 書, *Biểu* 表, *Hạ-biểu* 賀表, *Tạ-biểu* 謝表, *Hàng-biểu* 降表, *Di-biểu* 遺表, *Sách* 策, *Tập* 揖, *Tráp-tử* 劄子, *Khải* 啓, *Tiên* 牋, *Đối* 對, *Phong-sự* 封事, *Đàn-văn* 彈文, *Giảng-nghĩa* 講義, *Trạng* 狀, *Mô* 謨, *Lô-bố* 露布.

1) *Tấu*. — *Tấu* là tâu lên, ý là dâng lên chỗ vua ngự, theo nghĩa như câu: *Phu-tấu-dĩ-ngôn* 敷奏以言 trong kinh *Thư*, nghĩa là lấy lời nói mà tâu bày lên, là trỏ tâu lên vua thiên-tử. Song đời sau gọi là *Tấu-sự*, *Tấu-ký*, *Tấu-thư*, cũng không phải toàn là dâng lên thiên-tử cả, phải tùy xem dụng về việc gì mới đoán-định được. Thể văn *Tấu* từ đời Tần đã có, song không truyền lại bài văn nào. Đời Hán mới hay dùng thể văn ấy.

2) *Nghị*. — Từ đời Tần trở về sau, hoặc gọi là *Tấu-nghị*, hoặc gọi là *sớ-nghị*, tuy gọi tên khác mà kỳ-thực vẫn giống nhau cả.

3) *Bác-nghị*. — Phàm cái lẽ phải trái không thể lấy lời nói một người mà định hẳn được, vì thế mới phải có lời bác. *Bác* nghĩa là bác bỏ những điều không chính-đáng mà cầu cho đích-đáng, cốt sao nói phản-phúc cật-nạn cho hết lý-sự là hơn. Đời Hán mới lập ra phép bác-nghị; đời Đường mới đặt ra chức quan Trung-thư kiêm cả việc bài-bác những lời tấu-nghị.

4) *Thụy-nghị*. — Cổ-nhân về cái điển-lễ đổi tên, coi trọng-thể lắm. Mỗi khi có ông quan đại-thần nào mất, thời sai các quan triều-thần họp bàn đặt tên thụy; việc ấy vốn thuộc về quan Trung-thư, cho nên ở đấy truyền ra nhiều bài văn *nghị-thụy*. Còn các nhà sĩ-phu cũng có khi đặt tên thụy riêng, thì thỉnh-thoảng cũng có văn *nghị-thụy*.

5) *Sách-văn*. — Khi nào nhà nước gặp kỳ điển-lễ lớn dâng huy-hiệu, thời có dùng đến bài *Sách-văn*.

6) *Sớ*. — *Sớ* nghĩa là nói cho sơ-thông, chú-thích nghĩa kinh gọi là *sớ*; nghị-luận việc gì cũng gọi là bài *sớ*, cũng cùng là một nghĩa cả. Từ đời Hán trở lại mới có thể văn *sớ*. Còn như bài thư của Đào Nguyên-Lượng đưa cho con, cũng gọi là *sớ*, thì không giống thể văn *Sớ* này.

7) *Thượng-thư*. — Dâng thư lên bậc tôn-trưởng hay là dâng lên vua, đều gọi là *thượng-thư*; thể văn này trước từ đời Chiến-quốc, thịnh ở đời Hán, từ đời Nguyên Minh trở về sau không thấy có nữa.

8) *Thượng-ngôn*. — Từ đời Hán trở lại, phàm thể biểu-văn, trên đầu tất có chữ *Thần-mỗ-ngôn* 臣某言, đó tức là nghĩa *thượng-ngôn*. Cũng có khi lấy hai chữ *Thượng-ngôn* đặt thành ra một thể văn, cũng như là thể *thượng-thư*. Hoặc gọi là *thượng-từ* 上辭, như là Ngô Vi-Diệu ở trong ngục thượng-từ. Đời Tống trở về sau không thấy có thể văn ấy nữa.

9) *Chương*. — Thời nhà Hán những văn tâu lên có bốn loại: 1° *Chương*, 2° *Tấu*, 3° *Biểu*, 4° *Nghị*. Những bài chương bài

(1) Xem từ kỳ trước, số 72.

biểu cốt làm sao cho phát-minh được sự-lý. Đời Hậu-Hán có bắt thi chương-tấu, cũng lấy làm trọng việc ấy lắm. Người đời Hán Ngụy hay làm thể văn ấy, đời Đường về sau này thời không.

10) *Thư*. — Tức là thể văn *Thường-thư*, hoặc chỉ gọi là *Thư*.

11) *Biểu*. — *Biểu* nghĩa là sáng, chữ Biểu 表 cũng giống như nghĩa chữ Chương 章, đầu đời Hán mới đủ thể văn ấy. Hoặc người bảo rằng đời Tần Thủy-hoàng đã có thể văn ấy, song không thấy truyền lại bài nào. Từ đời Đông-Hán trở về sau mới thấy có truyền lại các bài *biểu-văn*, song lúc mới cũng cùng với thể *Tấu* đều là thể-văn ngôn-sự. Tự đời Đường Tống trở về sau, trừ ngoài thể *hạ-biểu tạ-biểu* ra, phần nhiều dùng làm thể biểu tiến-thư.

12) *Hạ-biểu*. — Khi nào nhà nước gặp có đại-khánh-điển, kẻ thần-tử phải dâng văn lên mừng thời mới dùng đến thể văn *hạ-biểu*; thể văn ấy làm theo lối biền-ngẫu, phỏng như văn Lục-triều, tự Đường Tống về sau dùng nhiều.

13) *Tạ-biểu*. — Đều là lời nói tạ-ơn, làm theo lối văn biền-lệ, cũng giống như thể văn hạ-biểu. Đời Tấn về sau thỉnh-thoảng cũng có thể văn ấy. Người đời Tống ra làm quan, trong văn tập phần nhiều có thể văn ấy, so với thể văn cổ cũng hơi biến khác.

14) *Hàng-biểu*. — Đó là lúc thế-khuất lực-cùng, phải làm ra lời khất-ai xin đầu-hàng, về đời Ngũ-đại còn truyền lại hai ba bài.

15) *Di-biểu*. — Tự đời Hán Đường trở lại, phàm các quan đại-thần lúc gần mất thường hay có tờ di-biểu để lại, hoặc là nói đến việc chính-trị lớn của nhà nước mà khi bình-nhật mình còn chưa nói hết, thế là thể biểu hơn cả; còn thường-thường ra thì chỉ nói những lời được nhờ hậu-ân mong về kiếp sau báo đáp; kém nhất là những thể biểu chỉ vì con em cầu xin ơn-huệ.

16) *Sách* — *Sách* nghĩa là bản giấy, viết các lời nói lên bản giấy, cho nên gọi tên là *sách*. Những bài sách phần nhiều là bài ứng-thi, cho nên gọi là *Thi-sách* 試策; bài *Thiên-nhân tam sách* 天人三策 của Đổng Trọng-Thư thực là bài rất cổ. Đời Đường, Tống về sau này cũng còn nhiều bài truyền lại. Cũng có bài thực là thể văn *đối-sách*, mà lại không gọi là *sách*, vì là làm ở lúc bình-nhật để dự-bị khi ra ứng-thi, xem như tập văn *Bạch-hương-sơn* có nhiều thể văn ấy.

17) *Tập*. — *Tập* nghĩa là từng sấp, viết ghi những lời nói lên tờ giấy, rồi đóng lại thành tập, để dâng lên cho tiện, cho nên gọi là *Tập*. Trước kia không có tên ấy, từ đời Thanh mới cho *Tập* cũng là một thể văn trong tấu-độc.

18) *Trát-từ*. — Hoặc gọi là *Tấu-trát*, hoặc gọi là *Trát-văn*, hoặc chỉ gọi là *Trát*, đều là một nghĩa, là trỏ cái tờ tấu điều-trần cả. Nay phép đọc sách lại có làm ra lối văn *Trát-ký*, nghĩa cũng hơi giống nhau, từ đời Tống trở lại mới có thể văn ấy.

19) *Khải*. — Đời Hán còn kiêng tên húy vua Cảnh-đế, nên không thấy thể văn *khải*. Tự đời Tấn Ngụy trở về sau thì thể văn ấy thịnh-hành lắm, trên đầu có ba chữ: « *Thần mỗ khải* 臣某啓 », dưới cuối bài có bốn chữ: « *Thần mỗ cẩn khải* 臣某謹啓 ». Thể văn *Khải* này lúc trước nguyên dùng để tâu vua. Tự đời Đường về sau, chỉ dùng để dâng lên người tôn-quí mà thôi.

20) *Tiến*. — Về thời Tấn Ngụy hay làm ra thể *Tiến* 箋, song chỉ dùng để

dâng lên Thái-tử hay chư-vương mà thôi, chớ không dùng để tâu vua. Trong tập văn đời Nguyên lại dùng theo như là thể văn *hạ-biểu*, thế thì không phải nghĩa cổ vậy.

21) *Đối*. — Kinh *Lễ* : Quan Sử dâng hốt ngà, viết ghi những điều nghĩ sẵn vào hốt để đối mệnh vua. Thế thì nghĩa chữ *Đối* cũng đã cổ lắm. Tống Ngọc có bài *Đối Sở-vương-vấn*, đó là đặt ra làm lời vấn-đáp, cũng là những bài *Bốc-cư*, bài *Ngư-phủ*, đều không phải là loại văn *Đối*. Tự đời Hán trở về sau mới lập ra thể văn ấy. Trong tập *Văn-tâm-điêu-long* có một bài *Nghị-đối*, song cũng tức như thể văn sách-vấn ; thể văn sách thì làm về khi ra ứng-thi, khác với thể văn tấu-đối lúc thường ; ngoài thể văn *sách* ra, *đối* cũng là một thể văn.

22) *Phong-sự*. — Cổ-giả dâng thư lên vua đều lấy túi phong lại, cho nên gọi là *phong-sự*. Thơ Đường có câu : *Minh chiêu hữu phong-sự*, nghĩa là buổi sớm có tờ phong-sự, tức là những tờ sớ-thư. Đời Hán thấy nhiều tờ phong-sự, đời Nguyên đời Minh trở xuống thời ít thấy.

23) *Đàn-văn*. — Phàm những lời xét hạch kẻ có tội thì gọi là *Đàn-văn*. *Đàn* nghĩa là hòn đạn bắn vào con chim vậy. Tập *Văn-tuyển* có chép ra ba thiên *Đàn-văn*, đều có thể-chế nhất-định cả, về sau này cũng có hơi khác, tương-tự với thể văn tấu-sự, hoặc lại gọi là thể văn *Đàn-sự*.

24) *Giảng-nghĩa*. — Khi nào vua rỗi việc chính-sự, cho đòi các từ-thần vào hầu kinh-diên để giảng sách, bài nào giảng nghĩa sợ chưa được tường-tận, thời lại nghĩ soạn ra một bài giảng-giải nữa, gọi là bài *giảng-nghĩa*. Tự đời Tống về sau mới có thể văn ấy. Thường-hường các nhà tư-gia đọc sách cũng làm bài giảng-nghĩa, chớ không phải để tâu vua.

25) *Trạng* — *Trạng* là một thể văn luận-sự, cũng giống như văn tấu-sớ, gọi là *trạng*, nghĩa là hình-trạng tả rõ sự thực ra mà dâng lên. Trước đời Hán có truyền lại một bài *trạng* của Triệu Sung-Quốc. Đời Đường trở về sau thì thể văn ấy rất nhiều, song cũng có khi dùng làm loài văn thư-độc, như những bài *hỉ-trạng*, *tiến-trạng* của Hàn Thoái-Chi cùng với thể văn *Thượng-thư* 上書 cũng có khi dùng làm văn *Tấu-nghị*, cũng là lệ ấy cả. Đời sau lại cho văn *Trạng* là một thứ văn về việc kiện-tụng, thời không phải là lối cũ nữa.

26) *Mô*. — *Mô* nghĩa là mưu, kẻ bày-tôi có mưu-mô gì thì đem vào để bảo nhà vua, gọi là *Mô*, ngoài kinh *Thượng-thư* ra thì không thấy có thể văn ấy cả. Đời Đường, Nguyên Thứ-Sơn có bắt-chước làm theo thể văn ấy, cũng như người đời Bắc-Chu bắt-chước làm thể văn *Đại-cáo* ; người đời Đường bỗ làm thiên *Chu-thư*, lời văn cố làm ra giọng cổ-kính, để cầu cho giống như văn đời Tam-đại trở về trước.

27) *Lộ-bố*. — Tên hai chữ *Lộ-bố* mới từ đời Hán, nghĩa là dâng thư mà để ngỏ, nên gọi là *Lộ-bố*. Đời Hán có Lý Vân đã từng lộ-bố dâng thư, thế thì *Lộ-bố* nguyên không phải là một thể văn hiến-tiệp, chỉ để cho các nhà tướng-súy dùng. Đến đời Bắc-Ngụy hễ các tướng đi trận có công, muốn cho thiên-hạ biết tin, thì viết ngay tin thắng-trận lên dải lụa treo lên một cái cần tre cho đưa về báo-tiệp, gọi là *Lộ-bố*, việc có chép ở *Thông-điển*. Phó Vĩnh đã bắt đầu có tiếng về thể văn ấy, chỉ chuyên để trong quân dùng. Trong các văn-tập đời Đường đời Tống đều có thể văn ấy, đến đời Minh hãy còn dùng.

4. — Thể văn thư-độc

Lưu Ngạn-hòa rằng : « Trước khi đời Chiến-quốc, vua tôi cùng thư. » Nghĩa là thời ấy người trên đưa cho người dưới gọi là *thư*, người dưới đưa cho người trên cũng gọi là *thư*, nên gọi là cùng thư. Đến đời sau danh-phận trên dưới càng nghiêm-ngặt mãi ra, nên thể thư-từ lại càng phải phân-biệt, những hạng kể về loài thư-độc ấy thời chỉ dùng để đưa lên bậc tôn-quí hay là đưa cho người cùng ngang hàng với nhau. Song thư-độc cốt dùng để đạt-ý, phàm những thư-từ phiếm mà không thiết, thời tuy rằng có lời văn-vẻ hay, cũng không phải là thư hay. *Độc* 牘 là một biệt-danh về loài thư : sách *Sử* có chép vua Văn-đế nhà Hán có đưa cho rợ Hung-nô một tờ *Xích-nhất-độc* 尺一牘. Phàm thuộc về loại *thư-độc* có 13 mục : *Thư* 書, *Thượng-thư* 上書, *Giản* 簡, *Trát* 札, *Thiếp* 帖, *Trập-tử* 剡子, *Tấu-ký* 奏記, *Trạng* 狀, *Tiên* 牋, *Khải* 啓, *Thân-thư* 親書, *Di* 移, *Yết* 揭.

1) *Thư* — Từ đời Tam-đại trở lên, thể *thư* ít thấy có ; đến đời Xuân-thu, các quan đại-phu các nước thường có văn-thư đi lại với nhau, thể *thư* truyền lại cũng nhiều, không kể xiết được ; nhất là bài *thư* của quan đại-phu nước Việt tên là Chủng đưa cho vua Ngô, thể văn ấy đã gần về đời Chiến-quốc rồi. Trong các văn-thể chỉ thể *thư* là dùng rộng hơn cả.

2) *Thượng-thư*. — Cũng giống như loại *thư*, nhưng phần nhiều dùng để dâng lên người tôn-quí.

3) *Giản*. — Cổ-giả chữ *Thư* 書 chữ *Giản* 簡 thường dùng như nhau ; về loài sách-vở thường gọi là *Giản*, mà về loại thư-tín cũng gọi là *Giản*. Song *Giản* có hơi khác với *Thư*. *Thư* thời làm ngắn làm dài đều được cả, *Giản* thời phần nhiều là một tờ thư ngắn-ngắn. Từ đời Tấn Ngụy trở về sau mới có thể *Giản* 簡, hoặc viết là 柬 *Giản*, cũng cùng một nghĩa.

4) *Trát*. — *Trát* với *Giản* cũng là làm bằng gỗ, mà viết chữ lên trên, đời sau phàm những tờ bồi đều gọi tên là *thư-trát*, tức như người Hán gọi là *bút-trát*. Đến nay cho *trát* là một thể văn thuộc về công-độc, những thư-từ bè-bạn đưa cho nhau thời không gọi là *trát* nữa.

5) *Thiếp*. — *Thuyết-văn* : Nghĩa chữ *Thiếp* là viết chữ vào lụa. Viết vào gỗ thì gọi là *trát*, viết vào lụa thì gọi là *Thiếp* ; đời sau bèn cho *Thiếp* là một tên riêng thuộc về loài *Thư*, văn *Thiếp* cốt lấy ngắn làm hay, khoảng đời Tấn Ngụy còn nhiều người dùng văn *Thiếp*. Đời nay những người tập viết, đem những lối chữ người trước ra mà mô-phỏng, gọi những bản chữ cũ ấy tên là *Thiếp*, lại là một nghĩa khác.

6) *Trập-tử*. — Đời cổ có thể văn *bút-trập*, tức là thuộc về loài *thư-trập*, chớ không phải là loài văn *tấu-trập*. Nhưng xem các tập văn của cổ-nhân phần nhiều là văn *tấu-trập*, chớ ít thấy có văn *thư-trập*.

7) *Tấu-ký*. — *Tấu* là tâu lên, hoặc gọi là *Tấu-ký*, hoặc gọi là *Tấu-thư*, hoặc gọi *Tấu-độc*, kỳ-thực cũng đều là tờ tấu, giống như thể *Thượng-thư*, cũng là thể văn thông-dụng cho các bày-tôi tâu lên vua. Song thể văn dùng để tâu lên vua thường chỉ gọi là *Tấu*, chớ ít có khi gọi là *tấu-ký*.

8) *Trạng*. — Cái tờ để bày tỏ tình-trạng một sự gì, cho nên gọi là *Trạng*, cùng với loài tờ trạng dùng để tấu-nghị cũng cùng một nghĩa, nhưng mỗi đàng dùng một khác. Còn như những tờ thông-đạt thường-thường, thì không gọi là trạng được.

9) *Tiên*. — Chữ *tiên* 箋 thông-dụng với chữ *tiên* 箋, vốn là loài văn Tấu-ký, để dâng lên đấng Thái-tử và chư-vương. Đời Ngụy có bài *tiên* của Phồn Khâm, Ngô Chất đưa cho vua Ngụy Văn-đế; đời Lương có bài *tiên* của Nhâm Phỏng làm ra lời trăm quan khuyên vua. Xét thời-đại ra thì đều là dâng về khi chưa lên ngôi vua cả, mới là hợp với thể văn. Còn như bài *tiên* của Giản Văn-đế nước Tấn đưa cho vua Cối-kê, thời là tự người trên đưa cho người dưới, cũng là ngẫu-nhiên đó mà thôi, chớ không cho làm điển-cố được.

10) *Khải*. — Về khoảng đời Tấn Ngụy-cứ ở trên đầu hay cuối bài *khải*, thường để mấy chữ: *Mỗ-khải* 某 啓, *Mỗ cẩn khải* 某 謹 啓, hay là: *Mỗ khải-văn* 某 啓 聞, đó là thể nhất-định; hoặc lại gọi là bài *Khải-sự*, tức như trong *Sử* có chép bài *Sơn-công-khải-sự*, phần nhiều là làm lối văn biền-lệ.

11) *Thân-thư*. — Tờ ước của hai họ kết-hôn với nhau gọi là *thân-thư*, hay gọi là *hôn-thư*, đời nay gọi là *lễ-thư*, thể thư này mới có từ đời Tống.

12) Di. — Tờ *di* cũng là về loài tờ *hịch*. Lưu Ngạn-Hòa cho cái bài văn của Tư-Mã Tương-Như hỏi nạn phụ-lão nước Thục, cũng là tờ *di*, là lấy cái từ-ý nó cũng tương-tự với nhau mà thôi. Lưu Tử-Tuấn có bài văn *Di* đưa cho quan Thái-thường-bác-sĩ, đó là một bài tối-cổ. Đời sau cho *Di* là một thể văn thuộc về công-độc (tức là công-văn), tuy thể văn có hơi khác, nhưng cũng là theo cái danh-nghĩa cũ.

13) *Yết*. — *Yết* nghĩa là giơ lên, là đem việc ra yết-thị cho người ta biết, có khi gọi là *yết thiếp*, phần nhiều là yết-tỏ cái lầm-lỗi của người. Nhiều người cùng nhau làm tờ yết thời gọi là *công-yết* 公 揭, hai người cùng yết cho nhau biết, thời gọi là *hỗ yết* 互 揭, cũng có tờ yết chỉ chủ là bàn việc công.

(*Còn nữa*)

ĐÔNG-CHÂU

CÂU CHUYỆN VÃ NĂM NGƯỜI

Thầy Phú, thầy Quí, thầy Thọ, thầy Khang, thầy Ninh, năm thầy họp mặt ngồi rồi nói chuyện vã với nhau về sự học.

Thầy Phú nói: « Bây giờ sự học chữ Tây là cần lắm, sinh ra ở nhị-thập-thế-kỷ này, đi dân mà bỏ được chữ Tây, vì không có chữ Tây không đủ cách giao-thiệp là một; không có ngôi sung-sướng, không có đường kiếm ăn là hai. Đến như chữ Nho thì cũng quí thật, nhưng cứ chữ Nho mãi, thì cũng nguy-hiểm cho đường sinh-hoạt lắm, chẳng thấy tình-cảnh những các ông đồ chữ Nho đấy ư? Thôi thì chẳng quốc-túy thì đừng quốc-túy, tôi cũng dành xin kính chữ Nho.»

Thầy Quí nói: « Tôi xin cứ học chữ Nho, chữ Nho tuy rằng không đủ cách giao-thiệp, không có ngôi phú-quí lợi-danh đấy thật, nhưng cũng có một cái thú riêng: Một là giao-du trong xã-hội, sẵn có mầu cổ-phong; hai là cư-xử trong gia-đình, sẵn có khuôn luân-lý. Còn như đường kiếm ăn, thì tôi thiết-tưởng cứ cầm được cái cày cho vững, cầm được cái cân cho thăng-bằng, cầm được cái dấu cho đầy-đặn, tuy vị-tất đã bốc được của thiên-hạ mà cự-phú ngay, nhưng chắc là cũng

không đến nỗi chết đói. Chữ Tây ngày nay, tôi cũng biết là văn-minh đấy, nhưng ai ai cũng xô nhau đi học chữ Tây, chỉ sợ rằng cái số người « văn-minh » nhiều quá, nhà nước không dùng vào đâu cho xiết được, thì cái tình-cảnh ông đồ chữ Tây ngày nay tưởng lại quá cái tình-cảnh ông đồ chữ Nho ngày xưa. Thôi thì ai bảo là chửa « văn-minh » cũng đành là chửa « văn-minh », tôi xin cứ học chữ Nho là đủ. »

Thầy Thọ nói : « Các ngài nói thế, là chấp-nệ cả, là hẹp-hòi cả, là nặng-nề cả, mà là vụng cả. Tôi có một cách thật là thông-hoạt, thật là rộng-rãi, thật là nhẹ-nhàng, mà thật là khéo-khôn, tôi thiết-nghĩ : Chữ Tây quí, mà chữ Nho cũng quí, chẳng có chữ Tây, sao ra người thạo, ra người tân, ra người thức - thời ; chẳng có chữ Nho, sao ra người nền, ra người cựu, ra người phong-nhã thanh - tao ; chữ Tây nên học, mà chữ Nho cũng nên học. Nhưng mà học thì chỉ nên học lấy thiệp-liệp mà thôi, chẳng tội gì mà học lấy tinh-vi cho lắm. Học chữ Tây thì học lấy mấy câu thiên-văn, địa-chất, pháp-luật, chính - trị, vân-vân, bằng tiếng Tây ; học chữ Nho thì học lấy mấy câu thi - ca, đối-liên, tiểu-thuyết, vân-vân, bằng chữ Nho, thế là đủ. Khi ta ở đất phồn-hoa, thì ta đem chữ Nho ra ta lòe đám tân-học ; khi ta về nơi danh-giáo, thì ta đem chữ Tây ra ta lòe đám cựu-nho ; ta đi đâu mà chẳng chiếm được cái địa-vị bảnh-bao. Tôi nói thế cũng khi suồng-sã, xin các ngài bỏ lỗi cho. Tôi xét ra, Tây như Lư-thoa, Khang-đức, Tư-tân-tắc, Đạt-nhĩ-văn mới là Tây ; Nho như Tô Đông-Pha, Vương An-Thạch, Khang Hữu-Vị, Lương Khải-Siêu mới là Nho ; chứ người nước Nam ta ngày nay, ông thì Nho, ông thì Tây, chẳng qua lòe nhau cả, đã ai thảm-thúy gì ! »

Thầy Khang nói : « Tôi khen cho người đời hay nói về sự học, mà tôi cũng nực cười cho người đời hay nói về sự học. Tấm lụa kia, tuy không có văn-chương thái-sắc gì, nhưng nguyên cũng là vô-tội ; nay thấy đời chuốc mầu vàng, cố công gắng sức nhuộm ra mầu vàng ; mai thấy đời chuốc mầu lục, lại cố công gắng sức nhuộm ra mầu lục ; đến ngày kia thấy đời chuốc mầu tím mầu lam, thì không những cố công gắng sức mà thôi, lại phải lao-tâm khổ-tứ nữa, để nhuộm sao cho ra mầu tím mầu lam. Khi đã gần được ra mầu tím hoặc mầu lam rồi, lại sực nhớ đến mầu vàng mầu lục là đẹp, khi đó mà muốn vãn-hồi lấy mầu vàng mầu lục một chút, thì thực cũng khó thay. Giản - hoặc cũng có người tiếc mầu vàng mầu lục, mà để dành lại lấy một nửa, không chịu toàn ngả ra mầu tím mầu lam ; nhưng cái mầu vàng mầu lục ấy, chỉ thích-dụng làm lần trong mà thôi, không thích-dụng làm lần ngoài được, thì cũng da-sự mà lôi-thôi lắm. Cũng có người lại nói rằng muốn xét cái đồ ấy có được hoàn-toàn hay không, thì cần xét lần trong, chứ không cần xét lần ngoài, nói thế thì cũng lại là cối lắm. Chi bằng cứ để trắng thế là hơn.

« Tôi lại xin thí-dụ để các ngài nghe : Con voi kia to-lớn và mạnh-khỏe nhất rừng, mà không mang tiếng là loài ác-thú, là vì nó chửa học đến cái sách cường-quyền. Con sếu kia khi bay ở trên trời, bao giờ cũng chỉ thấy bay hàng chữ nhất hoặc hàng chữ bát mà thôi, hình như vẫn có trật-tự, không hề đổi khác đi cho mới-mẻ lạ-lùng, là vì nó chửa học đến cái sách tự-do. Con tằm kia ăn dâu, chưa chết chưa quên cái nghĩa-vụ nhả tơ ; con ong kia ăn nhị hoa, chưa già chưa quên cái nghĩa-vụ làm

mật, là vì nó chưa học đến cái sách bàng-quan, cái sách yếm-thế.

« Cái cơ hành-động và cái mối tư-tưởng của loài người, chẳng qua lành với dữ, phải với trái đó mà thôi. Con người ta lúc sơ-đầu chưa tiếp-thụ mọi đường học-thuyết, dù lành, dù dữ, dù phải, dù trái, đều thuộc về lẽ tự-nhiên. Đến khi học-vấn đã sắc-xảo, tri - thức đã tinh-ma, thì điều dữ đó, lại có thể gá-mượn vào điều lành mà làm, điều trái đó, lại có thể nặn-nọt ra điều phải mà nói, ấy mới nguy thay !

« Cho nên các nhà tôn -giáo xưa kia, chỉ bảo người ta cái nghĩa thanh-tâm quả-dục ; bậc cao thì nói cho những lẽ huyền-diệu cao-siêu, bậc thấp thì nói cho những sự họa-phúc về lai - sinh mà thôi, không dám vẽ-trò ra những điều dại-dại khôn-khôn gì cả.

« Tôi khi trước đã từng có một hồi hiếu-học lắm, học cả sách Tàu, học cả sách Tây, học cả sách cũ, học cả sách mới, sách nào cũng học. Nhưng càng học lại càng thấy dốt, càng học lại càng thấy hoài-nghi ; có lúc việc gì cũng muốn làm, lại có lúc việc gì cũng không muốn làm ; có lúc việc gì cũng muốn nói, lại có lúc việc gì cũng không muốn nói ; rồi thành ra cũng không làm được việc gì, mà không nói được việc gì cả. Sau tôi biết rằng tôi dại, tôi phải tìm lấy phương thuốc để tôi rửa ruột tôi đi, tôi không để một nét chữ gì ở trong bụng tôi nữa. Từ đó, tôi lập-định cái chủ-nghĩa gì, lại thấy kiên-xác ; tôi hành-vi cái sự-thực gì, lại thấy hoạt-bát lưu-thông, mà khi tôi viết ra câu văn - chương gì, lại thấy phong-lưu hùng-khoái. Tôi xin nói mạn-phép với các ngài rằng dốt đặc là tôi, mà dễ thường hay chữ nhất cũng là tôi, xin các ngài đừng hay nói về sự học nữa .»

Thầy Ninh nói : « Thưa các ngài, cứ như lời ngài Khang vừa nói đó, thì thực là thú-vị lắm thay ! Cao-xa lắm thay ! Thâm-trầm lắm thay ! Mà cũng thiết-đáng lắm thay ! Nhưng tôi quyết không dám nghe lời ngài Khang.

« Là bởi vì cái kiếp con người ta bâng-khuâng trong vòng bể khổ, lăn-lộn trong trận gió cuồng, ngày nay nắng, ngày mai mưa, xứ này ngày, xứ kia đêm, thánh nào dám khoe khôn, mà kiệt nào dám cậy giỏi. Duy con người ta chỉ biết rằng đói thì nghĩ ăn, khát thì nghĩ uống, vì cái ăn cái uống đó, là cái sinh-mệnh của người ta ; rồi khi ăn khi uống, sẽ có qui-tắc hẳn-hoi ; sự học cũng vậy. Cho nên ông Khổng-tử nghe khúc hát *Thương-lương*, mà băn-khoăn mãi về đường thanh-trọc ; ông Mạnh Kha bàn cái đức con khâu-dẫn (con giun) mà giải - thích mãi về nghĩa tham-liêm ; ông Trang-Chu nói cái cánh tay con đường-lang (con bọ ngựa) mà chứng-giải mãi về sức yếu mạnh, cũng vì lẽ đó.

« Vậy thời học chửa tất đã giữ được phần giỏi, giữ được phần khôn, nhưng mà muốn bớt phần hèn, muốn bớt phần dại đi, thì cũng phải học. Nay đem lời ngài Khang ra mà nói với những người đã từng có học-vấn rồi, thì thật là một bài thuốc hay, cổ-kim tuyệt-đối. Vì đem ra mà nói với những người chưa từng có công-phu học-vấn bao giờ, thì lại thật là một vị thuốc mê. Tôi dây xin nói về nghĩa thông-thường, không dám nói về nghĩa đặc-biệt ; cho nên lời ngài Khang nói, tôi không dám chê, mà tôi cũng không dám khen.

« Còn ngài Phú ngài nói rằng ngày nay học chữ Tây là cần, là chính phải. Nhưng tôi thiết - tưởng ngài cũng chưa hiểu được cái đường cần. Nước ta hiện nay các văn-minh khoa-học còn thiếu-thốn lắm, chẳng học chữ Tây, sao tu-luyện được nhân-tài ;

không có nhân-tài sao chấn-hưng được công-cuộc mà bổ-ích cho xã-hội, cần chữ Tây là cần vì thế. Chứ ngài bảo rằng cần vì giao-thiệp, cần vì sung-sướng, cần vì kiếm-ăn, thì thiết-tưởng cái cần của ngài, cũng là cái cần vị-kỷ, cái cần vô-tình, vô-vị, và vô-ích cho xã-hội vậy.

« Còn cái vấn-đề chữ Nho ở ngày nay, hiện còn phân-vân chưa giải-quyết được. Nhưng tôi hãy xin tạm-quyết mấy lời, để tôi xin nói cho ngài nghe :

« Ngài mà không học chữ Nho thì cái đạo-đức nguyên-tố của nhân-quần, ngài trải được chăng ? Và cái danh-dự ưu-mĩ trong xã-hội, ngài nhường cho ai ?

« Vì chữ Nho là một thứ cổ-văn chung cho dân-tộc cả một xứ Á-Đông, không phải là chữ riêng của người Tàu, người Tàu mỗi tỉnh một thứ tiếng, khi học chữ Nho, cũng phải hiệp vào thổ-âm mà cắt ra từng nghĩa ; người Tàu học chữ Nho, chẳng khác gì người An-Nam, người Cao-ly, người Nhật-bản học chữ Nho vậy. Chữ Nho đó là một thứ chữ khai-thiên lập-địa cho dân-tộc phương Đông, từ phong-tục, từ luân-lý, cho đến tính-tình trong dân-gian bấy lâu đều là nền-nếp chữ Nho, đều là khí-vị chữ Nho cả. Người phương Đông mà không hiểu chữ Nho, thì khi đối với tình-cảnh trong xã-hội, chắc là ngẩn-ngơ, mà khi hành-vi ra sự gì có quan-thiết với nhân-quần chắc cũng lúng-túng. Sự khác không kể chi, tôi hẳng xin đem một sự văn-chương quốc-ngữ của nước ta ngày nay, tôi chứng cho ngài nghe, thì ngài khắc rõ.

« Trong làng văn quốc-ngữ bấy lâu, những tay viết văn quốc-ngữ đã hơi có danh tiếng một chút, thì trừ những người Hán-học giỏi rồi, lại kiêm-thông Tây-học, hay hoặc Tây-học giỏi rồi, lại kiêm-thông Hán-học, và những người trầm-tiềm trong Hán-học bấy lâu, ra tay quốc-ngữ, để trả nợ cho quốc dân. Lại những người Tây-học mà có tình với xã-hội, có trí với quốc-văn, làm bạn với nhà Nho, để đề-huề nhau lên chốn vũ-đài ; chỉ có mấy hạng người ấy mà thôi. Đến như những người nhất-vị tân-học, không biết một tí chữ Nho nào, thì cái chiếu nhất chiếu nhì trong làng văn quốc-ngữ, chưa thấy người nào đã ghé lên ngồi. Bởi vì những người ấy đối với tinh-túy phương Đông, thì hình như không xem xét được đích-xác, mà đối với tình-trạng và tâm-lý trong xã-hội thì hình như không cảm-xúc được đậm-đà, cho nên ít có người làm được văn quốc-ngữ ; tôi nói như vậy, thì cái tiền-đồ văn quốc-ngữ thế nào, kẻ hữu-tình cũng nên xét đến.

« Mà cái công-phu học chữ Nho ngày nay, cũng không phải phiền-phức và hấp-tấp gì như ngày xưa lắm. Ngài đã là người Tây-học, ngài cũng đừng cho sách Nho là sách vô-dụng ; ngài cứ tích lại sách Nho cho nhiều, để làm tài-liệu cho trong khi nghiên-cứu. Ngài lại nên hiểu rằng chữ Nho ở đâu, chữ Nho nhan-nhản xuất-hiện ra cả ở trong văn quốc-ngữ ; trong mười năm nay, trong văn quốc-ngữ đã thấy chữ Nho chiếm được một phần thế-lực to-tát, và một phần sinh-hoạt tự-nhiên. Nếu ngài cứ đem tờ tân-văn hằng ngày, quyển tạp-chí hằng tháng ra mà trích lấy những danh-từ chữ Nho, nhờ một người nhà Nho thông-thạo, biên chép lấy mặt chữ cho minh-bạch, chú-thích lấy mọi nghĩa cho tinh-tường ; văn-chương đấy, mặt chữ đấy, nghĩa-lý đấy, thì việc học chữ Nho, tưởng đã được quá nửa. Còn về phần luân-lý, thì sách *Luận-ngữ*, sách *Mạnh-tử*, sách *Gia-ngữ*, *Gia-lễ*, v. v. ; về phần quốc-hồn thì sách *Nam-sử*, và

bi-ký của các lịch - đại, truyện-ký của các danh-thần và gia-phả của các họ to, v.v., thế là đủ. Khiến cho người đồng-bang công-nhận ngài là người nước Nam, mà ngài có đi du-lịch châu Âu châu Mĩ chăng nữa, cũng khiến cho người châu Âu châu Mĩ phải công-nhận ngài là người phương Đông, thế là xứng-đáng. Nếu ngài lại muốn học chữ Nho cho quảng - bác tinh-vi hơn nữa, thì sự đó lại thuộc về chuyên-môn, mà lại nên biệt-luận.

« Tôi xem ra, phàm trên mặt địa-cầu, dân-tộc nào đã có lịch-sử, thì dân - tộc ấy phải có quốc-túy ; trừ những giống da đỏ ở châu Mĩ, giống da đen ở châu Phi, giống da xám ở Nam-dương-quần - đảo, là không có quốc-túy mà thôi, dân-tộc mà có quốc-túy, mới là dân-tộc có giá-trị, mới là dân-tộc có thể hấp - thụ được văn-minh. Coi vậy thì quốc-túy cũng có quan-hệ với quốc-dân lắm. Nay ngài bảo rằng chẳng quốc-túy thì đừng quốc-túy, mà ngài kính chữ Nho. Tôi tuy ngu dốt, tôi cũng không dám nịnh ngài.

« Lại ngài Qui, ngài bảo rằng học chữ Nho có cái thú riêng về đường luân-lý, về mầu cổ-phong, điều đó thì tôi chịu ngài. Nhưng ngài lại bảo rằng ngài chỉ học chữ Nho, ngài không học chữ Tây, điều đó thì tôi không chịu. Chữ Pháp là một thứ chữ văn-minh trung-điểm ở Âu-châu, lại là một thứ văn - minh tiên-trào ở thế - giới ; ở phương Đông như người Nhật người Tàu, người ta còn kén người sang tận nước Pháp mà người ta học. Huống chi người Nam với người Pháp ngày nay, đã thành ra một cái lịch-sử Âu Á nhất-gia ; nay ngài bảo rằng ngài không học chữ Tây, ngài chẳng câu-nệ lắm ru ? Ngài sợ rằng các ông đồ chữ Tây ngày nay nhiều quá, Nhà-nước dùng không xiết, lại có cơ chết đói quá ông đồ chữ Nho ngày xưa, mà ngài nghĩ thế là sai ; học chữ Tây mà học để len-lỏi nọ kia, chực-chỗm này khác, học để kiếm ăn, thì mới lo chết đói, chứ mà học để thâu-thái lấy văn-minh, để lợi-ích cho xã-hội, thì lo gì.

« Lại ngài Thọ, ngài bảo rằng chữ Nho nên học, chữ Tây cũng nên học, mà cái mục-đích chỉ để lòe người mà thôi, điều đó thì thiết-tưởng lại nguy-hiểm cho nòi giống đi học lắm ! Truyện có câu :

Trăm năm tính cuộc vuông tròn,
Phải đò cho đến ngọn nguồn ngách sông.

« Phương-ngôn lại có câu :
Đi xem hội, phải đi xem cho đến chùa.

« Sự học cũng vậy, đã chẳng học thì chớ, học thì phải học cho đến nơi đến chốn, họa may có sở - đắc gì chăng, để hi-vọng lấy những điều bổ-ích cho tâm-thân, quang - vinh cho gia-quốc, rồi sẽ hết được cái nghĩa-vụ của con nhà đi học. Nay ngài chỉ cạo lấy cái phấn chữ Tây, hớt lấy cái màng chữ Nho để trang-sức lấy bề ngoài cho đẹp-đẽ mà thôi, rút cục lại Nho không phải Nho, Tây không phải Tây, há chẳng phải là một cái quái-vật trên đời đó ru ! Nếu con nhà đi học mà ai ai cũng vậy, thì còn gì là nòi giống đi học nữa. Thà rằng chuyên học chữ Tây cho tinh, hay hoặc chuyên học chữ Nho cho giỏi, cái khuyết-điểm chỉ ở lệch về một bên mà thôi, chứ nòi giống đi học vẫn còn. Nếu học được chữ Tây cho thật giỏi, thì cũng có thể hiểu được cái tinh-thần chữ Nho, mà học được chữ Nho cho thật giỏi, thì cũng có thể hiểu được cái tinh - thần chữ Tây. Bởi vì đời là đời thâu-thái, cuộc là cuộc giao-thông, các sách Nho, người Tây dịch ra không thiếu sách gì ; các sách Tây, người Tàu dịch ra cũng không thiếu sách gì. Nếu được những người

Tây-học chân-chính, Nho-học văn-minh, thì khó gì mà chẳng có thể điều-hòa với nhau được, chỉ nguy-hiểm nhất là những ông nho-học giả - cầy, tây-học ba-dọi đấy thôi !

« Nhưng mà, các ngài ạ ! ở đời bây giờ mà cứ nói chuyện chữ Tây mãi, thì những người không biết ấy người ta bảo mình là a-dua ; cứ nói chuyện chữ Nho mãi, thì những người không biết ấy, người ta cũng bảo mình là trần-hủ ; tôi có một câu chuyện thuộc về tình-cảnh chữ quốc-ngữ, tôi xin thuật lại để các ngài nghe.

« Một hôm kia tôi vào chơi một nhà trường học ông giáo chữ tây. Tôi hỏi : Ngài có chăm dạy học-trò chữ quốc-ngữ đấy không ? Ông giáo nói : Học chữ Tây rồi sẽ kiếm ăn được, chứ chữ quốc-ngữ có làm gì. — Tôi xem ra thì học-trò còn đương đánh vần uốn lưỡi mãi cũng chưa xong, biết đến bao giờ tới được cái mục-đích kiếm ăn.

« Lại một hôm tôi vào chơi một nhà trường học ông đồ chữ Nho. Tôi hỏi : Học-trò ngài đã học chữ quốc-ngữ chưa ? Ông đồ nói : Học chữ Nho thì mới thâm-thúy, chứ chữ quốc-ngữ có làm gì. — Tôi xem ra thì các cậu học-trò còn *chi hồ dã giả*, nhai nuốt chưa xong, đợi đến bao giờ cho các cậu thâm-thúy.

« Than ôi ! chữ quốc-ngữ đối với ông giáo chữ Tây, ông đồ chữ Nho, hình như không có giá-trị gì cả, không biết rằng các ông không biết chữ quốc-ngữ là tiện-lợi, mà không đem dạy trẻ, hay là các ông biết chữ quốc-ngữ là tiện-lợi, nhưng mà sống chết mặc bay, tiền thầy bỏ túi đấy hay sao ? Tôi lấy làm băn-khoăn lắm.

« Sau tôi lại nghe có một ông giáo thông chữ Nho, thông cả chữ Tây, tôi cũng lại thử đến chơi trường học. Thì tôi thấy ông giáo đương giảng cho học - trò về thiên - văn - học, mấy vị hành-tinh, mấy vị định-tinh, và địa-chất-học thế nào là thủy-thành-thạch, thế nào là hỏa-thành-thạch ; và bác-vật-học, con cá kình ở Bắc-băng-hải mấy cái vú, con lạc-đà ở Phi-châu mấy cái chân, mà giảng bằng tiếng Tây. Lại thấy giảng cho học-trò mấy câu Đường-thi, mà đọc bằng chữ Nho. Rồi bắt học-trò biên vắn-tắt ra chữ quốc-ngữ mà nhầm lấy nghĩa.

« Tôi chắc rằng ông giáo ấy hẳn giỏi chữ Tây giỏi chữ Nho rồi, không phải hỏi nữa. Tôi chỉ hỏi rằng : Ngài có giỏi chữ quốc-ngữ không ? Ông giáo liền đáp rằng : Tôi chữ quốc-ngữ giỏi đã lâu. Tôi lại hỏi học-trò ngài quốc-ngữ thế nào ? Ông giáo cũng liền đáp rằng : Học-trò tôi chữ quốc-ngữ nó thoảng cả. — Tôi lấy làm mừng-rỡ lắm, và cảm-phục lắm !

« Sau tôi hỏi các cậu học-trò mấy câu rằng : Nước Nam ta ai là ông Thủy-tổ ? Bà Trưng Trắc, Trưng Nhị, ông Đinh Tiên-hoàng, ông Lê Thái-tổ, đức Nguyễn Gia-long là người đời nay, hay là người đời xưa, mà là người thế nào ? Triều vua ta bây giờ là triều gì ? Kinh-đô nước ta ở đâu ? Các quan Đại-Pháp sang bảo-hộ nước ta, tự trước đến giờ, ông nào quan to nhất, và tử-tế nhất ? Đình làng anh thờ vị thần gì ? Chùa làng anh ông bụt bé con con mà ở gian giữa ấy tên là gì ? Làng anh mấy họ, họ nào to nhất, bao nhiêu người đi học nhất ? Trong họ anh ai nhiều tuổi nhất, ai bậc trên nhất ? ông cụ bà cụ thân-sinh ra anh năm nay bao nhiêu tuổi ? Trong năm đạo thường, cha con là một, còn gì nữa ? Làng anh có mấy cái giếng, giếng nào đục, giếng nào trong, trong đục vì cớ sao ? Làng anh mấy xóm, xóm nào ở bẩn, xóm nào ở sạch, ở bẩn ở sạch lợi-hại thế nào ? *Trải qua một cuộc bể dâu*, bể dâu là nghĩa làm sao ? — Không cậu học-trò nào trả lời được cả.

« Nhân tôi lại hỏi ông giáo mấy câu rằng: Ngài bảo rằng quốc-ngữ ngài giỏi đã lâu, thế thì trong như tân-văn quốc-ngữ hằng ngày, tạp-chí quốc-ngữ hằng tháng, bấy lâu ngài có lại được cái cảo nào có văn-chương, có tâm-tình, hoặc có ý-kiến để giúp cho quốc-dân đấy không? Ngài có xuất-bản được bộ sách quốc-ngữ nào có lợi-ích đấy không? Ngài có dịch được văn Tây văn Tàu hoặc sách Tây sách Tàu bài nào hoặc quyển nào có thú-vị đấy không? — Ông giáo cũng trả lời rằng không.

« Tôi nhân thưa lại với ông giáo rằng: — Ngài phải hiểu cho rằng chữ quốc-ngữ đối với chữ Tây, đối với chữ Nho, thực là đã đủ tính - chất, đã đủ thú-vị, mà đứng riêng ra một bộ-phận, thành riêng ra một giá-trị hẳn-hoi, không phải là một thứ chữ chỉ để làm môi-giới cho chữ Tây chữ Nho đấy mà thôi đâu. Ngài thông-minh thật! ngài giỏi thật! Nhưng có chăng ngài mới giỏi chữ Tây giỏi chữ Nho đấy mà thôi, chưa phải là đã giỏi chữ quốc-ngữ. Mà học-trò ngài còn ngơ - ngẩn ngẩn-ngơ, chưa biết luân-lý, chưa biết lịch-sử, chưa thoảng chữ quốc-ngữ, đã vội gì thoảng chữ Tây và thoảng chữ Nho ....»

NGUYỄN ĐÔN-PHỤC

TUỒNG HÒA - LẠC

Tuồng Pháp dịch ra quốc-ngữ

(*Horace* de PIERRE CORNEILLE traduit en annamite)

Mấy năm trước bản-chí đã dịch bài tuồng « Lôi-Xích » (Le Cid) *của ông* CORNEILLE [1]. *Nay lại dịch bài tuồng « Hòa-lạc »* (Horace) *in sau đây. Mục-đích sự phiên-dịch này là để giới-thiệu lối cổ-kịch nước Pháp cho quốc-dân ta biết. Trong cổ-kịch nước Pháp, lối bi-kịch* (tragédie) *về thế-kỷ thứ 17 này, đã thành một lối văn-chương cổ-điển, phàm người đi học đời nay, không thể không biết được. Bởi thế dịch ra đây để giúp cho biết truyện và biết cách kết-cấu lối tuồng cổ bên Tây thế nào, chứ chủ-ý không phải là dịch để đem ra diễn. Hoặc-giả có người nào sánh tuồng ta, châm-chước theo truyện này mà đặt ra một bài có đủ lối hát của ta, đem ra diễn được, thời cũng hay; nhưng tưởng khó lắm.*

Song dịch bài này dẫu không có ích-lợi trực-tiếp cho việc cải-lương diễn-kịch, cũng có ích-lợi gián-tiếp về đường xã-hội phong-hóa. Bài này là kích-động lòng ái-quốc và lòng danh-dự vậy.

Truyện trích trong cổ-sử La-mã, ông CORNEILLE *sắp-đặt lại làm thành bài tuồng. Thành La-mã và thành An-ba giao-chiến với nhau. Họ Hòa-lạc ở La-mã, họ Cù-liệt ở An-ba là thông-gia. Nàng Sa-biên, vợ chàng Hòa-lạc, là con gái An-ba, mà em trai nàng là chàng Cù-liệt lại rập-ranh kết-duyên với em gái chàng Hòa-lạc là nàng Gia-mĩ. Mấy người đối với cuộc chiến-tranh, thật lắm nỗi khổ-tâm. Sau được tin hai thành đình-chiến, chỉ định cử mỗi bên ba tay võ-sĩ ra quyết-đấu, đã mừng thầm. Ai ngờ ba người võ-sĩ của mỗi bên cử ra lại chính là ba anh em Hòa-lạc và ba anh em Cù-liệt. Sa-biên và Gia-mĩ*

---

(1) Xem *Nam-Phong* số 37-38 (tháng 7, tháng 8 năm 1920).

cố ngăn không được. Khi ra quyết-đấu, trước tưởng Hòa-lạc thua phải chạy, sau kết-cục Hòa-lạc đánh được và giết chết cả ba anh em Cù-liệt. Khi toàn-thắng về, nàng Gia-mĩ giận vì đã giết mất tình-nhân mình, than-khóc oán-trách, nói phạm đến cả thành La-mã. Hòa-lạc tức-giận rút gươm chém em. Việc tố-cáo lên đến vua Tu-lê, nhưng nhờ có ông bố Hòa-lạc che-chở cho con trai, vua tha tội cho chàng, vì có công cứu nước.

Truyện anh-hùng hào-hiệp, trọng nghĩa nước hơn tình riêng, thật là một bài luân-lý tuyệt-cao, không giống với những lối kịch ngôn-tình ngày nay.

Còn văn-chương bài này hay thế nào thì phải xem nguyên-văn bằng chữ Pháp, lời dịch không thể nào cho hết tinh-thần được. Chỉ cầu cho không sai nghĩa, thế cũng đã là khó lắm rồi. Xin độc-giả lượng-xét cho.

Dịch-giả chí

. . .

Tuồng Hòa-lạc

(*Horace*, tragédie de CORNEILLE).

Bi-kịch có năm hồi của danh-sĩ nước Pháp CORNEILLE *soạn từ năm 1640.*

Dịch ra quốc-ngữ.

CÁC VAI

TU-LÊ (*Tulle*), vua La-mã (*Rome*).
LÃO HÒA-LẠC (*Le vieil Horace*), võ-sĩ La-mã.
CHÀNG HÒA-LẠC, con trai lão.
CÙ-LIỆT (*Curiace*), người quí-phái ở thành An-ba (*Albe*), tình-nhân của nàng Gia-mĩ.
HOA-LÊ (*Valère*), võ-sĩ La-mã, có tình với nàng Gia-mĩ.
SA-BIÊN (*Sabine*), vợ chàng Hòa-lạc, chị chàng Cù-liệt.
GIA-MĨ (*Camille*), tình-nhân của chàng Cù-liệt, em gái chàng Hòa-lạc.
DỤ-LI (*Julie*), vị phu-nhân ở thành La-mã, bạn tự-tình của Sa-biên và Gia-mĩ.
PHÁP-VIÊN (*Flavian*), lính thành An-ba.
BỘ-QUYÊN (*Procule*), lính thành La-mã.

Cảnh ở trong nhà Hòa-lạc ở thành La-mã.

HỒI THỨ NHẤT

Kịch thứ I

SA-BIÊN *và* DỤ-LI *ra*

SA-BIÊN

Bà thấy tôi hồn xiêu phách lạc, xin bà cũng chớ trách làm chi. Gặp phải bước khốn-nạn như vầy, còn cầm lòng làm sao cho được? Trông thấy sấm-sét sắp tới nơi, dẫu người can-đảm cũng sờn lòng. Dù kẻ trượng-phu rất kiên-nhẫn, cũng phải bối-rối khó vững-vàng. Tuy lòng tôi kinh-hoàng-khủng-cụ, mà mắt tôi vẫn ráo như không; tôi có thở-than kêu trời, tôi vẫn cố gan không khóc. Gặp nỗi lo buồn, cầm lòng được vậy, dẫu không bằng kẻ trượng-phu, cũng là hơn người dung-phụ. Khi cùng-cực cầm được nước mắt, kể đàn-bà thế cũng là gan.

DỤ-LI

Phải, giá vào người tầm-thường, chưa gặp sự nguy-hiểm, đã lấy làm khốn-nạn, thời cũng là gan thật. Nhưng làm người dạ cả mà non gan như thế là hèn. Việc chưa phân thắng-phụ, còn mong-mỏi được nhiều. Hai quân đương bày trận dưới chân thành, nhưng La-mã ta xưa nay chưa hề biết thua trận là thế nào. Tưởng không nên lo cho nước, mà nên mừng mới phải. Nước ta đã quyết-chiến, là nước ta tất thắng-trận. Thôi, thôi, tôi khuyên đừng nên lo hão sợ huyền, phải cầu-nguyện cho nước, cho rõ mặt con gái thành La-mã.

SA-BIÊN

Than ôi! tôi là con gái La-mã, vì chồng tôi là trai La-mã: lấy chồng tôi phải theo quê-quán nhà chồng. Nhưng theo quê chồng mà đến phải quên quê nhà, thì thân tôi có khác gì đứa tôi-đòi phải trói-buộc? An-ba! ơi hỡi An-ba! người là nơi chôn rau cắt rốn của ta, nghĩa cố-hương, tình luyến-ái, từ nay người cùng ta đã công-nhiên giao-chiến, dù thua, dù được, ta cũng cực lòng. — Ôi! La-mã! nếu người trách ta thế là phản người, thì người ra địch với kẻ khác cho ta được ghét cùng. Khi ta đứng ở trên tường thành, trông quân bên kia với quân bên ta, một bên ba em, một bên thì chồng, ta lòng nào mà cầu-nguyện, mà kêu-van ông trời cho người được toàn-thắng? Ta vẫn biết rằng La-mã-quốc-gia mới thành-lập, không chiến-tranh, không vững được thế nước ta; vẫn biết rằng nước nhà phải mở-mang, vận nước không thể khu-khu trong vòng các dân-tộc Lạp-đinh, và trời đã dành cho người làm chúa-tể thiên-hạ, phải chinh-chiến mới được hưởng ngôi-vị ấy. Không những ta không dám ngăn-cản cái khí hăng-hái của người, thuận mệnh trời, mưu nghiệp lớn, mà ta lại ước-ao cho quân người tới đâu thắng đấy, tràn qua cả rặng núi Biệt-nê: dề-binh sang tận Đông-phương, cắm cờ trên sông Giarh nọ, lay động cả cột Hách-quyên (1). Nhưng mà thành An-ba là nơi ông thủy-tổ người sinh-sản ở đấy, người phải kiêng-nể. Người chớ nên bội-bạc, người phải nhớ rằng các tiên-vương thành ấy, đã gây-dựng cho người, đặt thành-trì, lập pháp-luật cho người. An-ba là chốn tổ của người đấy; phải dừng tay lại và phải biết rằng người đương tuốt gươm đâm bụng mẹ đấy. Cái tay thiện-thắng của người, nên quay ra mà đánh kẻ khác. Người không đối-địch với An-ba nữa, thì An-ba chắc vui-vẻ cầu-nguyện cho người, như người mẹ hiền thấy con khá mà vui mừng vậy.

DỤ-LI

Tôi nghe cô nói, lấy làm lạ thay. Từ khi hai bên giao-chiến, tôi xem cô vẫn điềm-nhiên, như cùng máu-mủ với người La-mã vậy. Tôi lại khen cô là người có gan, át được bụng tây riêng, để trọn cái nghĩa theo chồng. Tôi thấy cô thở-than, tôi tìm lời an-ủi, tưởng rằng cô chỉ vì La-mã ta mà lo-lắng.

SA-BIÊN

Trong khi còn đánh nhau những trận nhỏ, chưa đủ làm cho một bên đến cùng-quẹ, tôi dù đau lòng, còn mong-mỏi có ngày hòa nhau, thời thật có thể, tôi vẫn tự-cao rằng chỉ giốc một lòng với La-mã. Hoặc có khi thấy La-mã được mà có chút ân-hận, thì tôi tức-thì át ngay cái tình riêng ấy đi. Lại hoặc có khi thấy La-mã thua mà có chút mừng thầm cho

(1) *Colonnes d'Hercule*, là cột chân trời, theo truyện thần-tiên Hi-lạp.

đàn em nhà, thôi lại nghĩ lại mà hối ngay, và trong lúc các em vui-vẻ, mình ngồi xùi-xụt một mình. Nhưng đến ngày nay, tất phải một bên thắng, một bên phụ, hoặc An-ba đến mất nước, hoặc La-mã phải đồ-địa, chiến-tranh-chi-hậu, bên thắng vô-sở-úy-kỵ, bên bại vô-sở hi-vọng, sự đã như thế mà tôi còn chỉ giốc lòng thờ La-mã, nguyện thần-minh cho La-mã thắng bao nhiêu để khốc-hại cho kẻ máu-mủ tôi bấy nhiêu, thì tôi là con người bạc-ác quá. Tôi không nghĩ đến sự lợi - hại riêng một người nữa. Tôi không phải vị riêng gì An-ba, cũng không phải thờ riêng một La - mã : đã đến lúc cùng-cực này, tôi sợ cả cho hai bên, bên nào chẳng may thua, tôi xót-xa bên ấy. Cho đến lúc quyết-chiến, bụng tôi vẫn không thiên ; kịp khi phân thắng-phụ, tôi nguyện xin chịu khổ, không dám hưởng quang-vinh. Gặp phải cảnh khốn-khó như thế này, tôi xin dành nước mắt cho người thua, để bụng căm với kẻ được.

DỤ-LI

Cũng cùng một cảnh-ngộ mà bụng mỗi người một khác, nhân-tình thật không có giống nhau. Xem như cách cô Gia-mĩ thời lại khác cô quá ! Anh cô ấy là chồng cô, em cô là tình-nhân của cô ấy, máu-mủ ở bên quân này, ái-tình ở bên quân kia, mà con mắt cô ấy xem hai bên lại khác cô lắm. Trong khi cô giốc một lòng với La-mã thì cô ấy phân-vân, cô ấy lưỡng-lự, hơi thấy hai bên giao-chiến là đã lo-lắng sợ-hãi, bên nào được cũng ghét, chỉ dành nước mắt cho bên thua, lúc nào cũng chỉ đau-đớn khổ-sở. Nhưng mà đến ngày hôm qua, được tin rằng đã định ngày quyết - chiến thì bỗng-dưng thấy cô ấy hớn-hở . . .

SA-BIÊN

Này, bà Dụ-li, tôi thấy bụng đồi mau như thế mà tôi sợ đấy ! Hôm qua cô tươi-tỉnh chuyện-trò với chàng Hoa-lê ; chắc là cô bỏ em tôi mà theo chàng, trông thấy người trước mắt, chắc cô đã xiêu lòng, còn kẻ vắng mặt đã hai năm, thì tình-duyên còn gì nữa. Nhưng bà cũng miễn-chấp cho tôi, có lẽ tôi quá thương em tôi mà tôi quá trách cô chăng, chuyện chẳng đâu đâu mà đem lòng ngờ-vực. Người ta gần lúc nguy-nan, ít hay đổi ý, đã đau-đớn nỗi gì, ít xót-xa điều khác, và trong cơn bối-rối, hay nghĩ vẩn-vơ ; nhưng cũng không ai lại chuyện - trò vui-thú, hớn-hở tươi-cười như cô ấy.

DỤ-LI

Tôi cũng không giải duyên-cớ ra làm sao. Tôi cố đoán cho ra mà không đoán được trúng. Gặp lúc nguy-hiểm như thế này, cô ấy tiếp chuyện chàng, cô ấy chờ đợi chàng, mà không tỏ ra mặt buồn-rầu, thế cũng đã là gan rồi, nhưng mà đến vui-vẻ hớn-hở thì cũng quá thật.

SA-BIÊN

Kia, may sao thần-minh lại run-rủi cô lại kia. Bà thử hỏi chuyện ấy, xem cô nói thế nào. Cô vẫn có lòng yêu-mến bà, không có lẽ giấu-giếm chi. Thôi, bà ở lại... Ấy cô, cô ngồi tiếp chuyện bà Dụ-li đây. Tôi đeo cái mặt ủ-dột như thế này, tôi lấy làm xấu-hổ lắm. Lòng tôi nghĩn nỗi lo phiền, phải tìm chốn vắng-vẻ để thở-than.

Kịch thứ II

GIA-MĨ, DỤ-LI

GIA-MĨ

Chị ấy muốn tôi ngồi tiếp chuyện với bà, thế là chị ấy lầm ! Dễ chị ấy tưởng lòng tôi không đau đớn như lòng chị ấy hẳn ? Dễ chị ấy tưởng rằng gặp sự tai-nạn tầy-đình như thế này, tôi có thể điềm-nhiên ngồi nói

chuyện mà không than-khóc như chị ấy hẳn ? Chị ấy sợ-hãi thế nào, lòng tôi cũng sợ-hãi thế. Tôi cũng như chị ấy, quay nhìn bên quân nào, cũng thấy thiệt-hại cả. Chàng tình-nhân tôi, tôi quí-báu biết bao nhiêu, nay phải một là chết cho nước chàng, hai là diệt đến nước ta. Người yêu tôi sẽ làm cho tôi hoặc là phải khóc than, hoặc là phải căm giận, đàng nào cũng khổ cả. Than ôi !

DỤ-LI

Nhưng chị cô còn đáng ái-ngại hơn cô. Tình-nhân có thể đổi được, chồng kia há đổi được sao ? Cô có thể quên chàng Cù-liệt mà tiếp chàng Hoa-lê : cô không cần phải lo-lắng gì cho bên kia nữa, sẽ giốc một lòng với nước nhà, tâm-thần bình-tĩnh, không còn sợ phải thiệt-hại gì về bên quân địch.

GIA-MĨ

Xin bà đừng khuyên tôi những điều bất-chính. Bà nên thương thay cho thân-phận tôi, đừng xui giục tôi làm tội ác. Lòng tôi đau khổ, tôi không thể nguôi, nhưng thà chịu oan, còn hơn đáng kiếp.

DỤ-LI

Ồ hay ! đổi thế là phải lắm, cớ sao lại tội ác ?

GIA-MĨ

Ồ hay ! thất-tín với người ta, bà cho là phải chăng ?

DỤ-LI

Đối với kẻ cừu-địch, ai bắt phải thủ-tín ?

GIA-MĨ

Đối với lời thề-nguyền, ai gỡ cho được ra ?

DỤ-LI

Sự đã rành-rành, cô còn giấu-giếm. Hôm qua tôi còn trông thấy cô nói chuyện với chàng Hoa-lê. Cô tiếp chàng mặn-mà như thế, cũng đủ khiến cho chàng xiêu lòng.

GIA-MĨ

Tôi có làm mặt dịu-dàng mà tiếp chuyện chàng hôm qua thật, nhưng bà đừng cho thế là chuyện hay cho chàng. Lòng tôi đã thuộc về người khác rồi. Nhưng muốn bà khỏi hiểu lầm, tôi xin kể rõ đầu đuôi. Tình tôi với chàng Cù-liệt là mối tình rất trong-sạch, tôi không thể để có người ngờ tôi là kẻ hai lòng. Bà còn nhớ hồi chị chàng mới kết-duyên với anh tôi, chàng đã được phép cha tôi cùng với tôi gắn-bó cuộc ái-tình. Ngày ấy là ngày hạnh-phúc, mà cũng là ngày tai-hại cho chúng tôi : hai nhà kết-nghĩa với nhau mà hai nước bất-hòa với nhau cũng từ đấy. Cùng một lúc gắn-bó cuộc trăm năm, lại gây ra việc chiến-họa, làm cho chúng tôi mới hi-vọng đã thất-vọng, tưởng được cả thành mất cả, và khiến cho đôi tình-nhân thành đôi cừu-địch. Bấy giờ chúng tôi phiền-muộn biết bao nhiêu, trách Trời biết bao nhiêu, than khóc biết bao nhiêu, tôi không phải nói, bà đã trông thấy chúng tôi biệt nhau, bà cũng biết. Từ đấy, bà cũng từng thấy lòng tôi bối-rối là dường nào, tôi cầu-nguyện biết bao nhiêu cho hai nước được hòa-bình, lại mỗi khi được tin không hay, khóc-lóc biết bao nhiêu, khi khóc cho nước nhà, khi khóc cho tình-nhân. Sau cực quá, tôi mới đi bói. Bà thử nghe tôi bói hôm qua thế này có đủ yên-ủi trong lòng không. Thầy bói là người Hi-lạp đã có tiếng, bao nhiêu năm nay ngồi bói ở dưới chân núi A-văn-tinh ; ông được thần - minh ứng-khẩu, không có nói sai bao giờ, ông đoán cho tôi mấy câu thơ như sau này : « An-ba La-mã rồi giao-hiếu, hai bên hòa nhau y sở-nguyện, kết-duyên Cù-liệt cuộc vuông tròn, trăm

năm giai-lão không li-biệt. » Nghe lời thần-ứng như vậy, tôi thấy vững dạ vô-cùng; lời thần dạy lại quá lòng sở-vọng, nên lòng tôi càng vui-vẻ xiết bao, tưởng chừng lứa đôi xum-họp, dễ cũng chưa sướng đâu bằng. Vui mừng quá đến mê cả người. Mọi khi gặp Hoa-lê, tôi không thể chịu chuyện, vậy mà hôm qua tôi lại tiếp chàng. Chàng nói chuyện tình mà tôi không chán, tôi không nghĩ là nói chuyện với chàng, không thể làm mặt ruồng-rẫy lạnh-nhạt với chàng được. Tưởng như người đứng nói đấy, chính là chàng Cù-liệt vậy, và người ấy nói là nói lòng chàng tưởng nhớ, mà tôi nói là nói bụng tôi cầu-nguyện. Hôm nay là ngày đại-quân quyết-chiến đây, tôi được tin ngày hôm qua mà tôi tựa - hồ không để ý. Lòng tôi những mơ - màng cuộc hòa - bình, duyên Tần Tấn, không muốn nghĩ đến cái thảm-trạng ngày hôm nay. Nhưng qua một đêm, bao nhiêu những sự mơ-tưởng êm-đềm ấy tiêu-tán đi hết; trăm nghìn cái mộng gớm-ghê sầu-thảm, chồng-chất lên như đống xương, lênh-láng ra như ngòi máu, làm cho tỉnh giấc xuân-tiêu mà kinh - hồn sợ-hãi. Thấy những người chết, thấy những máu-me, không có gì nữa; rồi thấp-thoáng như hình con ma, vụt hiện ra vụt biến đi, ẩn-hiện lẫn nhau, loạn-sạ trước mắt, càng mơ-màng càng kinh-hãi vô-cùng.

DỤ-LI

Đoán mộng phải đoán trái lại.

GIA-MĨ

Tôi cũng tưởng thế, vì tôi vẫn ước thế, nhưng dù ước-ao thế nào, cũng không thể quên được rằng ngày hôm nay là ngày chiến-tranh, không phải buổi hòa-bình.

DỤ-LI

Có chiến rồi mới có hòa được.

GIA-MĨ

Nếu kết-cục đến thế này, thà khổ mãi lại còn hơn. Ôi tình-nhân yêu-quí của tôi ơi! dù La-mã phải thua hay An-ba thất-bại, đôi ta cũng không mong có ngày làm vợ chồng được. Dẫu chiến-thắng được La-mã hay phải làm nô-lệ cho La-mã, đàng nào chàng cũng không thể làm chồng tôi được nữa. Nhưng người lạ nào đến đây thế kia? Có phải anh đấy không, anh Cù-liệt? mắt tôi mờ hay mắt tôi tỉnh?

Kịch thứ III

CÙ-LIỆT, GIA-MĨ, DỤ-LI

CÙ-LIỆT

Chính tôi đây không phải ai đâu, ái-nương có thể trông mặt tôi, tôi không phải là kẻ đánh được, cũng không phải là kẻ nô-lệ La-mã. Ái-nương không phải sợ thấy tay tôi mang cùm mang xích, hay là còn vết máu con em La-mã. Tôi nghĩ rằng lòng ái-nương vừa thương - yêu thành La-mã, vừa ham-mến sự danh-dự, vì tôi phải bắt, không khỏi khinh, vì tôi được trận, không khỏi ghét, và sự đã đảo-đầu như thế thì được cũng khổ mà thua cũng khổ....

GIA-MĨ

Thôi, anh Cù-liệt, anh nói thế, tôi cũng đủ đoán biết rồi. Anh thấy cuộc chiến - tranh hại cho lòng sở-nguyện của anh, anh bỏ trận anh về; lòng anh quá thương tôi, cố muốn giữ lấy tôi, xui anh quên nước anh, không ra tay giúp nước. Hoặc có người xét về đường danh-dự, trách anh quá mê tôi, cái đó tôi không biết, còn Gia-mĩ đây không phải vì đó mà kém trọng anh: anh càng tỏ cái ái-tình của anh, lòng tôi lại càng thêm yêu-mến anh; nghĩa quê-hương tuy nặng mà anh đành bỏ theo tôi, ái-tình

anh lại càng rõ lắm. Nhưng anh đã gặp cha tôi chưa? cha tôi có chịu để cho anh ẩn vào nhà đây không ? Hay là cha tôi còn trọng việc nước hơn việc nhà ? coi La-mã hơn con gái ? Nói tóm lại, cuộc hạnh-phúc của ta có được chắc-chắn không ? Cha tôi tiếp anh như con rể hay đãi anh như kẻ thù ?

CÙ-LIỆT

Ông tiếp tôi như con rể, lại tỏ lòng vui-vẻ âu-yếm nữa. Nhưng tôi bước chân vào nhà này không phải đeo cái mặt xấu-sa con người phản nước. Tôi không phải bỏ thành tôi mà tôi lại đây. Tôi yêu-quí cô Gia-mĩ, mà tôi vẫn biết quí danh-dự tôi. Hai bên còn đánh nhau, tôi vẫn hết lòng với nước và vẫn hết dạ với cô. Bên tình bên nước, tôi khéo hòa hai, vẫn đánh cho nước mà vẫn tưởng nhớ cô ; nếu bây giờ còn phải đánh nhau nữa, tôi cũng nguyện xin nước thời cứ nước mà tình vẫn cứ tình. Thật thế, dù lòng tôi mong-mỏi biết bao, ví còn chiến-tranh nữa, tôi ắt nguyện theo quân. Ngày nay tôi thung-dung tới đây, là vì hai nước đã hòa-bình vô-sự, bởi thế nên đôi ta mới được họp mặt vui-vầy.

GIA-MĨ

Té ra hai bên hòa rồi ! Việc lạ-lùng như thế, biết tin nghi thế nào ?

DỤ-LI

Còn phải nghi-ngờ gì, cứ tin lời thần-ứng, và nên biết cho rõ bởi sự may-mắn thế nào đương giữa giờ chiến-tranh lại thành ra cuộc hòa-bình.

CÙ-LIỆT

Nào ai ngờ được thế ? Hai quân đương hăng-hái, hùng-dũng mà tiến lên, hầm-hè chực vào đánh, chỉ còn đợi tướng-lệnh, là xông vào đâm-giết, chợt thấy quan Nhiếp-chính bên chúng tôi bước ra, nói với vị Quốc-vương bên này xin hãy yên-lặng một lát, rồi nói rằng : « Hỡi quân-dân La-mã ! Chúng ta đánh nhau thế này là nghĩa-lý gì ? Cái ác-ma gì nó xui chúng ta ra chỗ này ? Ta hãng thử lấy lẽ phải mà suy-xét : chúng tôi là láng-giềng với các bác, con gái chúng tôi là con dâu các bác, cái chỉ hôn-nhân đã buộc hai dân ta trăm vòng nghìn mối, làm cho hầu hết con bên nọ là cháu bên kia cả. Ta tuy là hai thành mà thật là một máu một dân. Việc gì mà người một giống đánh lẫn nhau, khiến cho bên thua phải chết, bên được cũng yếu, và cuộc toàn-thắng cũng phải tưới bằng nước mắt ? Những kẻ thù chung của ta nó chỉ ngong-ngóng đợi, hễ một bên thua là nó xông vào đánh bên kia, tuy rằng được đấy, nhưng cũng đã nhọc-nhằn cùng-quệ và tự mình đã đoạn-tuyệt mất vây-cánh của mình rồi. Ta bấy lâu bất-bình nhau, nó đã sướng lắm rồi, nay ta nên hiệp-lực lại, để đối - đãi với họ. ta nên quên bỏ cả những sự hiềm-khích nhỏ-nhen nó làm cho những tay võ-sĩ can-đảm thành những người bà-con vô-tình. Ngày nay quân-đội hai bên xung-đột nhau, ví có phải vì lẽ tranh lấy quyền hơn để một bên được cai-quản bên nọ, thời cũng là một dịp để hiệp nhau, chứ không phải một cớ để phân nhau, miễn là ta phải dùng cách gì cho không đến lưu-huyết lắm. Chúng tôi bàn mỗi bên nên kén lấy mấy tay võ-sĩ để thay vì cả nước mà ra quyết-đấu, sự thua được của mấy người là thua được của cả dân, và bên nào thua phải chịu phục-tòng bên được. Nhưng mà đối với những người võ-sĩ đã có sức can-đảm như thế, dẫu thua cũng không được ngược-đãi, bắt thần-phục, nhưng không được bắt nô-lệ, không được làm nhục, không được bắt cống, chỉ bắt được một điều, là phải theo quốc-kỳ của bên được mà

tòng-quân khắp mọi nơi. Như thế thời hai tiểu-bang ta sẽ họp lại mà thành một đại-quốc.» Nghe bấy nhiêu câu, tựa-hồ như hai bên xuôi cả bụng bất-bình. Mỗi người nhìn sang bên quân địch kia đều nhận thấy kẻ thì người em rể, kẻ thì người anh họ, kẻ thì người bạn thân. Ai nấy lấy làm lạ cớ sao lại không nghĩ kỹ mà hăm-hở đem tay độc-địa giết lẫn kẻ đồng-tông; trên trán mọi người như có ý lo nghĩ, nửa chán về nỗi chiến-tranh, lại nửa ham được ra quyết-đấu. Rồi sau thuận-nhận lời bàn như trên, và hai bên thề hòa với nhau theo như cách-thức đã kể. Sẽ chọn ba người ra đánh thay cho cả dân, nhưng các tướng còn muốn thư-thả một chút để chọn cho kỹ. Tướng bên này hiện ở Nguyên-lão-viện, tướng bên chúng tôi thời ở trong trường-doanh.

GIA-MĨ

Ôi thần-minh! Nghe nói mà lòng tôi khoan-khoái thay!

CÙ-LIỆT

Trầy ra là hai giờ nữa, võ-sĩ hai bên quyết-đấu thế nào là sẽ công-đồng phân thắng-phụ. Nhưng từ nay đến khi cắt người ra đánh, hai bên được tự-do cả; quân La-mã sang bên chúng tôi, quân chúng tôi sang bên La-mã, hai bên đi lại với nhau được cả. Mỗi người sang tìm bạn cũ. Về phần tôi thì lòng tôi chỉ khao-khát về cô, nên tôi theo các anh cô sang đây, và tôi sở-nguyện thật đã được mãn-nguyện, vì ông thân-sinh cô đã hứa cho tôi đến mai được cái hạnh-phúc vô-ngần cùng cô kết-duyên Tần Tấn. Chẳng hay cô có ứng theo lời ông dạy không?

GIA-MĨ

Phận con gái là phải nghe lời cha.

CÙ-LIỆT

Vậy xin cô hãng ra mắt ông để nghe lời ông phán bảo, khiến cho lòng tôi được thỏa-thiếp vui-mừng.

GIA-MĨ

Tôi xin theo chân chàng, nhưng tôi muốn gặp các anh tôi, để hỏi xem đã thật là hết nỗi lo buồn chưa.

DỤ-LI

Cô với cậu đi, để tôi ra đền cảm-tạ thần-minh đã phù-hộ cho cô cậu.

HỒI THỨ HAI

Kịch thứ I

HÒA-LẠC, CÙ-LIỆT

CÙ-LIỆT

Thế ra thành La-mã, không chia lòng tín - dụng, tưởng kén chọn nơi khác, không được xứng-đáng chăng. Một dân hùng - cường như thế, phải chọn ba tay võ-sĩ, không cho ai là người hơn nữa, kén ngay bác và hai em bác, lấy cái uy-quyền lẫm-liệt, làm sự khác hẳn người ta, đem con em của một nhà, địch cả các họ chúng tôi. Thấy cả thành La-mã gồm trong tay các bác, tưởng ngoài họ Hòa-lạc này, không còn người La-mã nữa. Sự kén chọn vẻ-vang này, có thể làm cho ba họ được nức tiếng rỡ-ràng, truyền-danh mãi mãi. Thật thế, cái danh-dự được tuyển-cử, nay dành riêng một nhà bác, có thể chia cho ba nhà, cũng còn được vẻ-vang chán. Nay tôi may-mắn được chị tôi làm dâu nhà này, lại run-rủi được kén vợ cũng lại ở đây, cái tình tôi hiện nay và sau này đối với các bác, khiến cho tôi cũng được chia vui ít nhiều cùng các bác. Nhưng còn một nỗi nữa làm cho tôi chửa được trọn phần vui - vẻ, lại thêm lo-lắng nhiều điều. Sự chiến-tranh đã lộ cái tài lỗi-lạc của các bác, khiến tôi lo sợ cho thành An-ba của tôi, biết trước rằng tất đến nguy mất. Các bác đã ra đánh, bên tôi chắc thua hẳn. Trời run-rủi cho các bác được cử ra,

thế là Trời đã muốn cho bên tôi phải thua rồi. Xem sự kén chọn này, đủ biết lòng Trời hại, và tôi đây đã coi mình như kẻ thần-dân của qui-quốc vậy.

HÒA-LẠC

Tôi tưởng cậu chẳng phải lo sợ cho An-ba mà nên phàn-nàn cho La-mã, thấy kén chọn ba người như chúng tôi mà bỏ ngoài bao nhiêu những kẻ khác. Phải kén - chọn cẩn - thận như thế nào, mà kén-chọn cẩu-thả như thế ấy, tuyển-trạch bất-minh, không khỏi tai-hại. Trăm nghìn kẻ con em thành La-mã, cho ra quyết-đấu còn hơn chúng tôi nhiều. Song tuy tôi ra trận này là cái chết cầm lỏng ở trong tay, nhưng được cái vinh-dự đắc-tuyển, riêng tôi cũng lấy làm tự-hào. Lòng tôi phấn-khởi dũng-dược, tuy bất-tài thật, cũng cậy sức nhiều, dù số-phận rủi may thế nào, tôi không chịu thần-phục qui-quốc. La-mã đã quá tin-dụng tôi thật, nhưng lòng tôi cố-võ quyết rằng một là được phụ lòng trông cậy của quốc-gia, hai là đành chết đi cho xong đời. Một được hai chết, đã quyết như thế, ít khi thua được. Đã khảng-khái liều được như thế, tưởng cũng khó chết được cho đành. Dù thế nào mặc lòng, thành La-mã cũng không đến nỗi phải thần-phục nước nào, trừ tôi thua mà chết đi không kể.

CÙ-LIỆT

Than ôi! tôi đây mới thật đáng phàn-nàn! Cầu cho nước nhà đắc-thắng, ngại tình anh em không nỡ. Cực lòng thay! một là An-ba phải nô-lệ, hai là An-ba được đắc-thắng, mà An-ba đắc-thắng tất là bạn yêu không còn, vì phải cầu cho bác chết mới mong cho nước nên. Vậy biết cầu-nguyện thế nào, biết mong-mỏi sự gì bây giờ? Hai đàng cùng đáng khóc cả, hai đàng cũng thật-vọng cả.

HÒA-LẠC

Ô hay! tôi chết cho nước tôi, cậu lại thương khóc sao? Đối với người khảng-khái, sự chết ấy là sướng; chết là chết vẻ-vang, không việc gì phải khóc. Vì sự chết của tôi không đến nỗi làm cho nhà nước La-mã thiệt-hại gì lắm, thời tôi chết cũng cam-tâm.

CÙ-LIỆT

Song kẻ bằng-hữu không thể không sợ thay: bác vì nước mà chết, bạn vì bác thương tiếc; bác riêng được vẻ-vang, bạn riêng phải thiệt-thòi; bác chết mà danh-lưu thiên-cổ, bạn thương mà luống những ngậm - ngùi. Mất người bạn thành-tín như bác, thật không gì thiệt-hại cho bằng. Nhưng tôi thấy Pháp-viên lại kia, chắc có tin gì cho tôi.

Kịch thứ II

HÒA-LẠC, CÙ-LIỆT, PHÁP-VIÊN

CÙ-LIỆT

An-ba đã chọn xong ba người võ-sĩ chưa?

PHÁP-VIÊN

Tôi đến để báo tin cậu biết.

CÙ-LIỆT

Thế là ba người nào vậy?

PHÁP-VIÊN

Cậu với ba cậu em.

CÙ-LIỆT

Ai?

PHÁP-VIÊN

Thưa, cậu với ba cậu em. Nhưng sao cậu có dáng buồn, có mắt nghiêm như thế? Hay cậu không bằng lòng sự kén chọn ấy chăng?

CÙ-LIỆT

Không phải thế, nhưng ta lấy làm

lạ ; ta tưởng mình bất-tài, được đâu danh-dự thế.

PHÁP-VIÊN

Quan Nhiếp-chính sai tôi đến đây, tôi có nên về bảo ngài biết rằng cậu được tin ít thấy vui-mừng không ? Cậu có ý buồn-rầu lạnh-nhạt, tôi đây cũng lấy làm lạ.

CÙ-LIỆT

Anh về trình Ngài rằng ta đối với họ Hòa-lạc tuy có tình thâm nghĩa nặng thật, nhưng không phải vì đó mà ba anh em họ Cù không vị nước ra quyết-đấu với ba anh em họ Hòa.

PHÁP-VIÊN

Quyết-đấu với họ Hòa ư ? Trời ơi ! việc to như thế mà cậu nói dung-dị thay !

CÙ-LIỆT

Cứ về trả lời quan như thế, để mặc chúng ta đây.

Kịch thứ III

HÒA-LẠC, CÙ-LIỆT

CÙ-LIỆT

Trời, đất, quỉ, thần, người, ma, yêu, quái, từ nay có muốn họp sức lại để làm hại ta, chúng ta đã đến nước nỗi này, tôi dám thách trời, đất, quỉ, thần, người, ma, yêu, quái, còn có cách gì làm hại hơn được nữa. Còn kế gì là rất độc-ác, rất kinh-hãi, rất ghê-gớm, tưởng cũng chửa bằng cái danh-dự của đôi ta được đây.

HÒA-LẠC

Lòng trời đã mở cho con đường danh-dự, lại bày ra lắm nỗi ly-kỳ, để thử cái gan của chúng ta. Hình như hết sức gây ra họa lớn, để so-sánh cho bằng tài ta ; biết ta là đứng phi-thường, cho ta lập-công xuất-chúng. Vì công-dân đánh kẻ cừu-địch, cùng người lạ liều mình quyết-đấu, đó là cái sự-nghiệp của kẻ võ-sĩ thường. Trăm nghìn kẻ đã làm từ trước, trăm nghìn kẻ sẽ làm được ngay. Chết cho nước là chết vẻ-vang, thiếu chi người tranh nhau mà chết. Nhưng vì công-chúng đành bỏ lòng ân-ái, ra quyết-đấu cùng với kẻ thân-tình; công-nhiên ra đánh với em trai của vợ mình, tình-nhân em gái mình, đoạn-tuyệt cả những mối tình ấy, giẫn thân chỉ một vì nước nhà, máu kia tưởng có thể liều mình để bảo-toàn, nay phải ra tay mà sát-lục, công-nghiệp ấy chỉ dành để cho chúng ta : việc phi-thường ít kẻ ghen tranh, người tầm-thường ít ai dám tưởng.

CÙ-LIỆT

Từ nay tên ta bất - hủ, sự đó đã đành ; cơ - hội này là cơ - hội tốt, ta phải nên trân - trọng mới là ; công-nghiệp phi-thường của ta, sẽ làm tiêu-biểu mãi - mãi. Nhưng tôi xem bác kiên gan quá như thế, thật cũng khí vô-tình. Dù người rất khảng-khái, phải lập công-danh như cách thế, cũng ít ai tự-khoái tự-hào. Danh-dự ấy dẫu có cao thật, thà vô-danh tưởng lại còn hơn. Về phần tôi, bác đã xem đấy, nghĩa - vụ phải làm, tôi không ngần-ngại. Tôi với bác thân-thiết đã lâu, lại thêm có chút ái-tình, có nghĩa thông-gia, cũng không làm cho tôi xiêu lòng chút nào. An-ba đã kén đến tôi, tỏ lòng tín-dụng tôi cũng như Lã-ma tín-dụng bác, tôi tưởng bác ở với Lã-ma thế nào tôi cũng phải ở với An-ba như thế. Tôi cũng biết khảng-khái như bác, nhưng tôi không thể tuyệt hẳn nhân-tình. Tôi thấy danh-dự bác bắt bác phải giết tôi, danh-dự tôi bắt tôi phải đâm bác, sắp lấy em phải hại anh, vì việc nước phải trắc-trở, tuy nghĩa-vụ phải làm, tôi cũng không ngại, nhưng lòng tôi lấy làm đau-đớn, dạ tôi lấy làm

bân-khoăn. Tôi thương cho thân-phận tôi, mà tôi thêm những kẻ đã bỏ mình trong đám binh-lửa vừa rồi. Không phải rằng tôi ước-ao được tránh việc, nhưng mà cái danh-dự khốn-nạn, cái danh-dự nghiêm-khắc này, dẫu không khiến được tôi chuyển lòng, cũng làm cho tôi cảm-động. Được vẻ-vang tôi cũng muốn, mà phải thiệt-thòi tôi cũng thương. Vì làm dân La-mã còn phải kiên-gan hơn nữa, thì tôi cũng cảm ơn thần-minh không phải là dân La-mã, để trong lòng còn giữ được chút nhân-tình.

HÒA-LẠC

Cậu không phải là dân La-mã, cậu nên tỏ cho đáng La-mã. Nếu cậu can-đảm bằng tôi, cậu phải ra tay cho biết. Cái chí-khí của tôi, tôi lấy làm tự-cao, tôi đã quả-quyết, tôi không do-dự. Bước vào con đường danh-dự, mới bước được bước đầu, đã ngoảnh lại nhìn sau, thế là không hay. Cái khốn-cảnh của chúng ta, kể cũng đã đến điều thật, tôi biết cả chứ có không dâu, nhưng không lấy thế làm cảm-động. Dù nước tôi sai tôi phải đánh ai, tôi cũng cứ nhắm mắt mà vâng lời. Được quốc-gia sai-khiến như thế, còn có gì vinh-hiển cho bằng, dẫu trong bụng có tình-ý khác, cũng phải cố dẹp tắt cho yên. Kẻ nào trước khi đem thân giúp nước, lại còn suy-nghĩ thiệt-hơn, là kẻ ấy không có can-đảm để làm việc nước. Nghĩa nước là nghĩa thánh-thần, nghĩa tôn-trọng, có thể dứt cả các mối tình khác. La-mã đã chọn đến tay tôi, tôi không còn suy-nghĩ gì nữa. Khi tôi lấy chị cậu tôi mừng-rỡ thế nào, nay tôi ra đánh cậu tôi vui-vẻ như thế. Thôi, nói làm gì nữa, nói lắm rườm lời : thành An-ba đã kén cậu, nay tôi không biết cậu nữa.

CỪ-LIỆT

Tôi hãy còn biết bác, thế mới cực cho tôi. Nhưng khẳng-khái mà đến nhẫn quá như thế, thật tôi chưa từng biết bao giờ. Cái khí-khái ấy cũng như cái khốn-cảnh này, thật đã đến cực-điểm. Tôi cũng xin cảm-phục, nhưng tôi không dám bắt-chước.

HÒA-LẠC

Không, không, lòng khẳng-khái không phải là sự miễn-cưỡng, cậu còn lấy thở-than làm vui-thú, xin cứ việc tự-do mà hưởng cái thú ấy. Kìa em gái tôi lại kia, để nó thở-than với cậu. Tôi đi tìm chị cậu, để lấy lời khuyên-nhủ cho bao giờ cũng nhớ đến cái nghĩa vợ chồng ; dù tôi có chết vì tay cậu, cũng vẫn cứ giữ tình chị em, và gặp lúc khốn-nạn tỏ ra có gan làm con thành La-mã.

Kịch thứ IV

HÒA-LẠC, CỪ-LIỆT, GIA-MĨ

HÒA-LẠC

Cô đã biết cậu Cừ phải làm gì chưa ?

GIA-MĨ

Than ôi ! phận em thôi có ra gì !

HÒA-LẠC

Cô phải có gan mới được, tỏ ra đáng em anh. Hoặc anh có chết vì tay cậu, cậu được toàn-thắng mà trở về, cũng đừng nên tiếp cậu như một kẻ sát-nhân đã ra tay giết anh cô, mà nên tiếp cậu như một người danh-dự đã hết sức làm việc nghĩa, có công-lao với nước nhà, đáng sánh vai cùng em ta : cứ việc kết-duyên với cậu, cũng như tôi còn sống đây. Nhưng vì gươm này mà hại đến cậu, thời cô cũng nên khoan cho anh, đừng có oán trách rằng đã giết mất kẻ tình-nhân của cô. Mắt cô đã rươm-rướm, lòng cô đã thổn-thức, cô nên cùng với cậu thở-than cho hả dạ, muốn than trời, muốn trách phận, cũng mặc ý.

nhưng sau khi quyết-đấu rồi, đừng nghĩ đến người chết nữa.

Nói riêng với Cù-liệt.

Cậu ngồi đây với cô nó một lát, rồi ta cùng ra nơi danh-dự bắt phải ra.

Kịch thứ V

CÙ-LIỆT GIA-MĨ

GIA-MĨ

Anh Cù-liệt ơi, thế anh có đi không? Anh lấy cái danh-dự khốc-hại ấy còn hơn cuộc tình-duyên vui-thú của ta ư?

CÙ-LIỆT

Than ôi! tôi vẫn đã biết rằng dù tôi làm thế nào, cũng đến phải chết thôi, không chết vì khổ-não, chết về tay anh Hòa-lạc. Tôi đi làm cái việc vẻ-vang này, không khác gì đi ra chỗ hành-hình. Tôi oán giận trăm nghìn phần những người đã cử tôi vào việc này. Tôi giận thay cả cái tài-cán của tôi nó làm cho thành An-ba tín-dụng đến tôi. Cái ái-tình của tôi bị khốn-cực, dám trách mắng cả trời không sợ tội. Tôi thương cho cô, tôi thương cho tôi, nhưng tôi phải đi mới được.

GIA-MĨ

Không, tôi biết anh rồi, anh muốn tôi phải van anh, để anh lấy thế-lực người yêu, cho khỏi mang tiếng với nước. Tôi tưởng như mình anh, chiến-công đã hiển-hách, nợ làm dân đối với nước nhà, anh đã trả tưởng cũng hậu-lắm. Như trong một cuộc chiến-tranh này, kể công anh gấp mấy kẻ khác; mấy ai đã bằng anh, giết nhiều quân La-mã. Danh-dự đã tọt vời, không còn thiếu gì nữa, nên để cho kẻ khác, được có dịp lập-công.

CÙ-LIỆT

Công ấy là công tôi, tiếng truyền thiên-vạn-cổ, nỡ để cho kẻ khác riêng được hưởng vinh-dự, lại để cho nước nhà trách được tôi rằng không đánh nên thất-bại, vì say-mê cuộc ái-tình, nên bỏ phí tài cứu-quốc, khiến bao nhiêu công hiển-hách, kết-cục đến tiếng-tăm như thế, thì đau lòng cho tôi biết bao nhiêu! Không, An-ba, hỡi An-ba! ngươi đã cho ta được vẻ-vang như thế, nước nhà chuyến này, dù thắng hay bại, cũng chỉ bởi tay ta. Ngươi đã phó-thác vận-mệnh cho ta, ta phải có cách chống giữ cẩn-thận, dù có sống là sống không ân-hận, mà có chết cũng chết không nhơ-nhuốc.

GIA-MĨ

Ồ hay! anh không biết anh làm thế là anh phụ lòng tôi ư?

CÙ-LIỆT

Trước khi được lòng cô, tôi phải trả nợ nước đã.

GIA-MĨ

Nhưng mà anh vì nước mà anh phải mất một người anh rể, làm cho chị anh phải góa chồng!

CÙ-LIỆT

Ấy cái khốn-cảnh chúng tôi như thế. Thành An-ba và thành La-mã, đã cử chúng tôi ra quyết-đấu, là làm cho cái tên anh chị, mất cả cái thú êm-đềm.

GIA-MĨ

Vậy thời anh nỡ lòng nào độc-ác, đem đầu anh tôi về đây, mà xin lấy tôi làm vợ, hở anh?

CÙ-LIỆT

Không nên nghĩ đến sự đó nữa: cứ tình-cảnh tôi bây giờ, chỉ biết thương yêu cô mà không dám mong-mỏi gì nữa. Cô Gia-mĩ ơi, cô khóc đấy ư?

GIA-MĨ

Tôi không khóc sao được: chàng

tình-nhân vô-tình của tôi, muốn truyền cho tôi phải chết. Giữa lúc lửa tình mới đượm, gần ngày kết tóc se tơ, chàng nỡ ra tay dập tắt, đào đất chôn đi; người sao quá-nhẫn đến thế, cố-chí làm tôi phải khổ, miệng vẫn nói rằng thương yêu tôi, mà thực đang tay đâm giết tôi.

CÙ-LIỆT

Ôi! nước mắt của người yêu, thật có tài « hùng-biện »! Mắt đã hữu-tình, lời lại thống-thiết! Trông thấy nỗi buồn này, lòng tôi thêm rầu-rĩ. Tôi ra gan để chống lại, cũng không sao chống nổi. Xin cô dừng đem nỗi sầu-thảm mà đánh phá bụng công-danh của tôi, để cho tôi giữ lấy chí-khí nam-nhi, cho khỏi nước mắt nhi-nữ. Tôi thấy tôi đã xiêu lòng, đã nhụt chí rồi đây. Tôi càng để lòng thương-yêu cô bao nhiêu, thời càng thấy giảm chí-khí đi bấy nhiêu, tựa-hồ như không phải là Cù-liệt nữa. Đối với tình bè-bạn đã thấy khó chống nổi, đối với nỗi thương yêu, biết có thắng được không? Thôi, tôi xin cô dừng thương tôi nữa, dừng khóc-lóc nữa; bấy nhiêu cách làm xiêu lòng, tôi biết chống làm sao được, ắt phải xử tệ-bạc lại. Cô có giận, tôi cũng chịu, và muốn cho đáng lòng cô giận, tôi sẽ quyết dứt tình cô. Cô nên căm giận kẻ ở bạc, cô nên trừng-trị kẻ bất-trung. Tôi xử tệ như thế, cô cũng chẳng giận sao? Tôi chẳng thương cô nữa, mà cô vẫn thương tôi! Còn phải thế nào nữa? Tôi xin bỏ lòng nguyện-ước của tôi. Ôi cái công-danh ác-nghiệt thay, ngươi làm khổ cho ta, há phải phạm đến tội mới giữ được ngươi sao?

GIA-MĨ

Anh không phải phạm tội khác nữa, tôi xin chứng với thần-minh rằng tôi không giận anh, mà tôi lại thương anh hơn; dù anh tệ-bạc, dù anh bất-trung, tôi cũng vẫn yêu-qui anh, xin anh đừng ham cái tiếng sát-huynh làm gì. Ôi! Trời sinh tôi làm con gái La-mã làm chi, mà sao không sinh anh làm trai La-mã? Tôi sẽ kết hoa để chúc-tụng cho anh, tôi sẽ cổ-võ cho anh, chứ không làm anh xiêu lòng, tôi sẽ đối với anh như tôi đối với anh tôi vậy. Than ôi! tôi mê-mẩn tinh-thần mà cầu-nguyện hôm nay, không biết rằng cầu cho anh tôi là hại cho anh đây. Trời đất ôi! anh tôi lại kia, tình vợ chồng cũng không thể làm được xiêu lòng như tình đôi ta chăng?

Kịch thứ VI

HÒA-LẠC, CÙ-LIỆT, SA-BIÊN, GIA-MĨ

CÙ-LIỆT

Ôi thần-minh! Kia Sa-biên đi theo! Muốn cho chuyển lòng tôi, một Gia-mĩ chưa đủ, lại còn thêm chị tôi nữa sao? Đã lấy hai giòng lệ, xiêu được dạ anh-hùng, lại còn đem đến đây, để tiêu-hồn tôi nữa hay sao?

SA-BIÊN

Không, không, em ơ, không, chị đến đây chỉ để hôn em và từ-biệt em mà thôi. Đã máu nhà khảng-khái, không sợ nỗi đê-hèn, không phải sợ chị đây, làm phiền lòng trượng-phu đâu. Vì sự khổ-não phi-thường này, làm cho lòng ai chuyển-động, thời tôi quyết không nhận làm em hay làm chồng. Song tôi cúi xin một điều, một điều thật xứng-đáng với chồng này em này. Tôi muốn cho việc vẻ-vang này khỏi phải điều di-hám, tôi muốn cho sự danh-dự này được thập-phần trong-sạch, muốn cho công-nghiệp được rỡ-ràng mà không có điều tội-lỗi. Nói tóm lại, tôi muốn cho hai người có đủ cớ chánh-đáng mà oán-thù nhau. Cái tình buộc hai người, duy tôi là giữ mối; nay tôi không còn nữa, hai người là người dưng. Nên diệt nghĩa thông-gia, tuyệt dây quan-hệ, vì việc danh-dự, bắt phải thù-oán, thời giết quách

tôi đi, để lấy cớ mà thù. An-ba bắt phải thế, La-mã bắt phải thế, phải thuận mệnh, phải vâng lời. Một người giết tôi đi, người kia báo-thù lại, thế thời cuộc chiến-đấu, không còn gì lạ nữa. Ít ra trong hai người, cũng còn được một người, ra quyết-đấu là có lẽ, hoặc là để báo-thù cho vợ, hoặc là để trả oan cho chị. Ừ, mà sao? việc công-danh tốt đẹp như thế, vì còn vì nỗi khác hiềm-thù, thời chẳng hóa giảm giá mất sao? Đã có lòng vì nước tuẫn-thân, không được nghĩ đến những kẻ khác. Vì đã kém nghĩa anh em, thời giúp nước tưởng cũng kém. Phải vì nước không cảm giận, mà hi-sinh hẳn một người, hoặc là người anh rể, hoặc là người em vợ. Việc phải làm, đừng trì-hoãn. Trước khi giết em hẳng giết chị, trước khi giết chồng hẳng giết vợ; xin giết ngay Sa-biên này, rồi hẳng đem sinh - mệnh mà cống-hiến cho nước: trong cuộc chiến-đấu hiền-hách này, hai người là cừu-địch với nhau, anh là kẻ thù của An-ba, cậu là kẻ thù của La-mã, mà tôi đây là kẻ thù cả hai bên. Ừ, nỡ lòng nào để mắt tôi trông thấy cuộc khải-hoàn của kẻ chiến-thắng kia, dù là em, dù là chồng, khi trảy về vẻ-vang, còn lênh - láng những máu của một kẻ thân-yêu? Tôi đối với hai người lúc ấy, biết xử lòng ra thế nào: làm thế nào cho trọn nghĩa-vụ, đối với em, đối với chồng? Hôn mừng kẻ thắng-trận, khóc than người bị thua? Không, không, từ nay đến lúc ấy, Sa-biên sẽ qua đời; tôi sẽ chết trước rồi, chửa biết bởi tay ai. Hai người quyết không giết, thời tự tôi giết tôi. Nào mau lên! đợi gì nữa? Lòng đâu lòng sắt đá, ta đây đã có cách, bắt hai người phải ra tay. Trước khi đeo gươm ra chiến-địa, phải múa gươm ở đây đã, phải đâm vào người này trước, rồi hẳng ra đâm nhau; muốn từ chối thế nào, cũng không sao tránh được.

HÒA-LẠC

Ôi, vợ tôi!

CÙ-LIỆT

Ôi, chị tôi!

GIA-MĨ

Cố lên, trượng-phu xem đã xiêu lòng.

SA-BIÊN

Kìa thở dài! kìa xám mặt! Việc gì mà sợ như vậy? có phải đây là hai tay anh-hùng khẳng-khái của An-ba cùng La-mã đã cử ra để quyết-đấu đấy không?

HÒA-LẠC

Sa-biên ơi, ta tội-tình gì mà mình thù ác thế, hở mình? Việc công-danh ta, có hại gì mình, mà dám đem tình nhi-nữ xiêu dạ anh - hùng, thế hử? Thôi, thôi, làm được cho ta kinh-dị thế này, tưởng cũng đã thỏa lòng rồi đấy, xin để cho ta trọn việc hôm nay. Mình vừa đặt ta vào cái cảnh khó nghĩ thay, xin vì tình vợ chồng đừng nên thừa-cơ thắng-thế nữa. Thôi, đi vào, đừng làm cho cuộc toàn-thắng phải hồ-nghi, dùng-dằng cãi-cọ thế này, cũng đủ xấu hổ lắm rồi. Xin để cho tôi chết được danh-dự.

SA-BIÊN

Thôi, anh còn nề gì tôi nữa, đã có người cứu-viện anh kia.

Kịch thứ VII

LÃO HÒA-LẠC, HÒA-LẠC, CÙ-LIỆT, SA-BIÊN, GIA-MĨ.

LÃO HÒA-LẠC

Cái gì đấy, các con? Còn bận nỗi tình duyên, mất thì giờ nghe chuyện đàn-bà mãi thế ư? Sắp phải lưu-huyết, còn nhịn nước mắt hay sao? Chạy cả đi, để cho đàn-bà họ than-thở một mình. Họ tỉ-tê khóc lóc, là khéo

xiêu lòng mình, nhi-nữ làm cho nhụt chí anh-hùng là thế, phải trốn đi cho xa mới được.

SA-BIÊN

Cha không phải sợ cho hai người, thật đã xứng-đáng làm con cha. Chúng tôi đã hết sức cũng không sao can nổi. Con này, rể này, cha có thể kỳ-vọng được như lòng sở-nguyện. Vì chúng tôi là kẻ nhi-nữ, có làm xiêu được dạ anh-hùng, thời xin để cha đây, khuyên nhủ cho vững dạ. — Thôi, thôi, cô ơi, ta đừng khóc làm chi nữa, chi trượng-phu đã quyết, dẫu than-khóc cũng uổng. Ta chỉ còn một kế cùng nữa mà thôi. Xin mời các mãnh-tướng đi chiến-đấu, để chúng tôi đây về chết thảm.

Kịch thứ VIII

LÃO HÒA-LẠC, HÒA-LẠC, CÙ-LIỆT

HÒA LẠC

Xin cha dẹp bọn đàn-bà nó đương nóng-nảy, và xin thứ nhất cấm không cho ra ngoài, sợ đương khi quyết-đấu, nó lại ra khóc-lóc, làm cho rối cuộc trận; người ta biết là kẻ thân-tình, không khỏi trách là mình bày vẽ. Nếu còn kẻ ngờ có bụng xấu-hèn, thời cái danh-dự sự đặc-cử này, giá mua tưởng cũng đắt quá vậy.

LÃO HÒA-LẠC

Được, để cha trông nom; hai con cứ đi, các em nó dợi, trong lòng chỉ nên nghĩ đến nghĩa-vụ đối với nước.

CÙ-LIỆT

Thưa ông, con không biết từ-biệt ông thế nào, chúc-tụng ông thế nào...

LÃO HÒA-LẠC

Thôi, đừng làm cho tôi nao lòng: tôi cũng không biết lấy câu gì khuyên-nhủ anh bây giờ, không biết quả-quyết thế nào cho anh vững dạ; từ-biệt anh đây, mắt tôi cũng đương muốn khóc. Cứ biết việc nghĩa-vụ thì làm, còn ngoại-giả phó mặc thần-minh.

(Còn ba hồi nữa)

T. C. *dịch*

BÀI PHÚ CẢI-LƯƠNG(1)

Anh em ơi! Anh em ơi!

Xoay vần cuộc thế, khép mở cơ trời.

Nghĩ cho hết lẽ, khôn mới ăn người.

Sóng cạnh-tranh lai-láng dưới hoàn-cầu, người muốn nọ, kẻ muốn kia, không ai giống đâu, sống một nết, chết một tật;

Đường giao-thiệp mở-mang trên đại-lục, khôn cũng nhiều, dại cũng lắm, trông đó thì biết, người ba đẳng, của ba loài.

Giống-nòi chia sắc vàng sắc trắng, sắc đỏ sắc đen, con vua vua giấu, con chúa chúa yêu, ai nấy cũng là riêng bụng nghĩ;

Công-việc đủ nghề học nghề cầy, nghề buôn nghề thợ, của anh anh mang, của nàng nàng xách, ngồi không há chịu để tay quai.

Mật ít ruồi nhiều, nghĩ người ta đương gia sức đua-tranh, khéo đâu đất bỏ hoang, của sẵn mang dâng, cây đồ còn toan đào đứt gốc;

(1) Bản-chí nhân sao được bài phú cải-lương, truyền là của ông Nghè Liên-bạt làm từ hồi nước ta mới duy-tân. Trong bài phú nhặt được nhiều phương-ngôn tục-ngữ đối chọi nhau từng câu, vậy nên lục đăng ra đây để ghi lấy câu văn quốc-âm thời cũ.

Quit làm cam chịu, tại kẻ trước hóa bây giờ tất-tả. may thay trời mở lối, cơn mê chợt tỉnh, rượu ngon nay đã nếm qua mùi.

Bụng nghĩ hay việc làm mới hay, nhức tinh-thần đừng giữ mãi thói si, lừ-khừ như ông từ vào đền, trông chiều dễ ngán ;

Khi trước khác bây giờ lại khác, đồi ăn mặc đừng theo chi lối hủ, lượt-thượt như lễ-sinh mất vợ, ngó bộ buồn cười.

Chẳng thầy sao mày làm nên, kia cao-đẳng, kia sơ-giai, sự học-hành một bụng khuyên-răn, sao cho sáng-suốt ;

Có tiền mua tiên cũng được, nào trung-châu, nào biên-tỉnh, việc bán buôn trăm đường mở rộng, chớ ngại xa-xôi.

Thợ may ăn giẻ, thợ vẽ ăn hồ, sao bằng người giữ bụng tin ngay, lợi lớn là hơn, của nhặt thấm chi đồ tẹp-nhẹp ;

Đi giác sắm bầu, đi câu sắm rỏ, huống chi sự học nghề chế-tạo, đồ làm phải đủ, tay không chưa dễ tỏ mười mươi.

Nói chuyện sinh-nhai, bậc làm trên trước phải dè-dùng, chồng ăn chả vợ ăn nem, kẻ dưới tội chi không phí-phá ;

Xem trong đoàn-thể, buổi mới cốt phải cho chung bụng, ông nói gà bà nói vịt, việc chi thời để bỏ lai-nhai.

Có khôn thì vẽ cho nhau, chớ nghĩ rằng ta dối, mà rước ma cũ nạt ma mới ;

Muốn hay phải giữ cho trọn, đừng chơi những kẻ hư, mà giở lợn lành chữa lợn toi.

Ăn quả nhớ kẻ trồng cây, mấy nghìn năm đức Thuấn ơn Nghiêu, mang nặng trên vai, báo-đáp sao cho đền được nguyện ;

Có bột mới gột nên hồ, ba vạn quyển rừng Âu bể Á, in sâu trong não, văn-minh rồi mới dựng ra tài.

Đạo tri-giao cốt phải chọn người, gần mực thì đen, gần đèn thì sáng;

Đường cư-xử sao cho biết lối, ở bầu thì tròn, ở ống thì dài.

Gái có chồng như rồng có vây, trăm năm vẹn đạo sướng-tùy, ân ngọc ngang mày, lẽ phải giữ thường ai chẳng nể ;

Con có cha như nhà có nóc, một mực chăm niềm hiếu-dưỡng, vẻ ban quanh gối, lòng trên trông xuống cũng thêm vui.

Chớ thấy sóng cả mà rã tay chèo, dám khuyên ai biết nghĩ biết lo, đứng lại vững chân thời hẳn được ;

Đương đi đường quang bước quàng đường rậm, kia những kẻ vẽ khôn vẽ khéo, làm ra lỡ bước sợ không rồi.

Đói cho sạch rách cho thơm, há như ai đục nước béo cò, chẳng nghĩ con-cái mình, nặng tay rìu-búa ;

Ăn có nhai nói có nghĩ, chớ toan sự mù trời bắt kết, gặp khi thời-vận thế, lên mặt cân-đai.

Bước công-danh vui lắm cũng lo nhiều, trong lưng đã chắc hơn ai, đơm đó ngọn tre, đừng háo-hức chi nghề kiếm cá ;

Đường danh-lợi vinh kia mà nhục đó, có miếng thì mang lấy tiếng, múa tay trong bị, khéo mê-man chi sự ăn xôi.

Thảm đến ai vạch lá tìm sâu, được lòng đất mất lòng dò, nghĩ sao cho phải ;

Hay chi việc gián sành ra mỡ, buộc cổ mèo treo cổ chó, đến thế thì thôi.

Xanh vỏ đỏ lòng, chẳng nghĩ chi áo chúa cơm vua, ở chùa đốt chùa, kẻ nghĩa-lý chi đồ láo-lức ;

Chôn rau cắt rốn, ai chẳng có quê cha đất tổ, ngồi thúng cất thúng, có thủy-chung mới là kẻ hẳn-hoi.

Một cột làm chẳng nên rừng, phải đùm nhau cho nên việc tốt-tươi, ăn quả nào rào quả ấy ;

Hai thưng cũng bằng một đấu, hễ biết tính sợ chi cơn túng-tiu, ăn bữa hôm lo bữa mai.

Lối dụng-tài đà bỏ hết hư-khoa, thôi những anh hay thi, hay phú, hay kinh-nghĩa, hay sách-văn, đứt đuôi nông-nọc;

Đường tiến-hóa cốt tìm ra thực-hiệu, kìa những kẻ nào mũ, nào dây, nào ba-toong, nào ô-máy, tốt mã giẻ-cùi.

Giậu đổ bìm leo, cũng tại mình còn trách chi ai, mơ-màng thác ngủ sống say, gương hủ-tục kia đà treo áp mặt;

Tre già măng mọc, lẫn hơn trước còn mong ở lại, hăm-hở tìm khôn học khéo, chuông tự-do rầy đã đánh vang tai.

Nghĩ cho xa sự-thế cũng buồn-cười, có khác chi đâu, tò-vò nuôi con nhện;

Đứng chưa vững sức mình còn phải nhón, chớ vội rằng được, châu-chấu đá ông-voi.

Bao giờ to lớn cẳng hay, mèo nhỏ bắt chuột con, sức ấy xem ra đừng có gượng;

Mấy kẻ ngọt ngon chửa vững, tiền thực mua của giả, sự kia xét kỹ kẻo mà sai.

Giàu làm kép, hẹp làm đơn, cơ-cục nhường nào, liệu thế dẫn-do là kẻ phải;

Nhặt che mưa, thưa che gió, phong-trần hội ấy, ra tay xoay-sửa đáng tài trai.

Chớ như ai há miệng chờ ho, có cấy có trông, có trồng có ăn, ra sức sửa-sang, nền hưng-vượng khó chi xây vững móng;

Suy mới biết đứt tay hay thuốc, học ăn học nói, học gói học mở, nhanh chân mau bước, bể trầm-luân cũng vượt qua vời.

Thấy ai mà ngay-thực mới nên tin, đi ra hỏi già, về nhà hỏi trẻ;

Nghĩ mình có u-mê chi chẳng biết, miếng ngon nhớ lâu, điều đau nhớ dòi.

Việc hồi-thiên há một chốc xong ngay, bụng nghĩ cho sâu, đừng láo-nháo như cháo với cơm, sợ khi nát bét;

Lòng ái-quốc dẫu trăm năm ghi đó, tay cầm cho vững, kẻo lanh-tranh như hành không muối, chưa dễ ăn ai.

Xin đừng giương mắt trông nhau, lắm sãi không ai đóng cửa chùa, phong-hội ấy nước-non này, ai cũng lo toan cho hết sức;

Thôi đừng già mồm nói khoác, mười voi không được một bát sào, chí-khí to công việc lớn, sao cho chắc-chắn được như lời.

Cuộc Viêm-bang tuy dâu bể lắm phen, đông có mây tây có sao, muôn sức phù-trì, gặp lúc mở-mang ra cũng dễ;

Giống Hồng-Lạc cùng anh em một họ, sống ở làng sang ở nước, mấy câu gắn-bó, khuyên ai thong-thả nghĩ mà coi.

TÙNG-ĐÀM

Truyện một người võ-sĩ tòng-chinh

(*Truyện thực*)

A-la-van! a-la-de! ấy là các thầy quyền đang thao-diễn ở chốn võ-tràng đó. Ký-giả nhân đi chơi mát, dừng bước lại xem, chợt thấy bên mình có một ông già, trạc ngoài bảy-mươi, cũng đứng xem đó, tuy râu tóc đã bạc phơ, mà dáng-điệu hùng-hảo, trông còn quắc-thước lắm. Ông già hỏi tôi rằng : «Thầy tưởng binh-pháp ngày nay so với ngày trước thế nào ? » Tôi đáp : « Thưa cụ, thời-buổi này là thời-buổi văn-minh, không có một sự gì là không theo cái phong-trào tiến-hóa mà đẩy-rẩy lên đến một nơi cực-điểm, phương - chi binh-pháp là một sự rất cần cho thế-giới ngày nay, mà Nhà-nước Đại-Pháp lại là một nước sở-trường về nghề binh, sự đó chắc cụ đã rõ, không cần phải so-sánh gì cho lắm. »

Cụ già nói : « Thầy nói có lẽ, già cũng nghĩ như thế. Xem ngay một cách Nhà-nước đãi quân-lính ngày nay cũng đủ biết ; chứ như già ngày trước, cũng từng đã tòng-chinh, bao nhiêu nỗi gian-nan khổ-sở, nào là lên thác xuống ghềnh, trèo non lặn suối, những sự kinh-lịch đó, đến nay hãy còn phảng-phất trong trí-khôn ; so với các thầy ấy ngày nay, thực mười phần không được một hai vậy ».

Ký-giả nghe ông già nói, biết là một nhà võ-sĩ, chắc có nhiều sự kinh-lịch hay, liền mời cụ vào một nhà hàng, và xin cụ kể cho nghe cái lịch-sử khi cụ tòng-chinh.

Ông cụ nhận lời ngay, tôi bèn rót đưa cụ một cốc rượu, cụ uống cạn, rồi để cốc xuống bàn nói : « Cám ơn thầy, có lòng hỏi tới, mà tôi lại được một dịp để ôn lại cái lịch-sử của tôi. Nguyên tôi thủa nhỏ nhà nghèo, vẫn có chí giang-hồ, đến năm 20 tuổi, bấy giờ có giặc ở Thái-nguyên, Nhà nước bắt lính. Gớm ! bấy giờ nói đến sự đi lính, thì ai cũng ghê sợ, coi như là phải xuống địa-ngục âm-ti ; bấy giờ những con nhà có phải cắt ra đi lính, bỏ tiền thuê tôi để đi thay cho họ, tôi lấy làm mừng lắm, nhận tiền đi đầu-quân ngay, ấy là ngày tôi bắt đầu đội nón dấu từ đó.

« Khi tôi mới ra đầu-quân, thì được quan Tiểu ngài yêu ngay, cho làm bếp-phải theo đi tiểu ngay, nào có được tập tành kỹ-lưỡng như bây giờ đâu, song tôi đã biết ít nhiều miếng võ, mà sức tôi khỏe lắm, thường nhiều khi cướp cờ giật giáo của quân giặc luôn ; một khi quan tiểu suýt bị cờ giặc úp, sao may tôi nhanh tay lấy giáo gạt được cờ giặc và đâm tên cờ đầu được một nhát, thế là quân cờ đầu ngụp, quân giặc khiếp đảm phải lui, thành ra quan-quân được trận, từ đấy quan Tiểu yêu tôi lắm, cho làm đốc-chiến.

« Bấy giờ tuy là đốc-chiến, mà đi vào đường rừng, sự ăn uống vẫn là khổ-sở lắm, cơm thổi bằng ống luồng, cứ cắt mỗi người một ống luồng xanh, chẻ đôi ra đổ gạo và nước vào trong, rồi nắp lại, trát bùn ở ngoài, nhặt

những lá khô cành nỏ đun lên, lúc chín giở ra ăn ; nước uống thì chứa bằng ống nứa, cứ mỗi người đeo một chiếc, uống dè uống sẻn cho đến khi có suối trong lại kín thêm vào ; ấy sự ăn uống bấy giờ khổ-sở như thế.

«Nhưng dẫu thế mặc lòng, tôi vẫn không lấy gì làm nản chí, sự tân-khổ của con nhà binh như thế là thường, túng-sử cứ được mãi như thế, mà thỏa cái lòng tứ-phương hồ-thỉ của tôi, thì tôi cũng vui lòng cho là một sự thích : nhưng không may cho tôi, bụng nghĩ thế mà nào có được đâu ! Số là trận đánh sau, tôi cùng ba người đốc-chiến nữa, theo quan Tiểu đêm đi mật-tứ doanh giặc, không ngờ đến gần trại giặc, thì bị một toán tuần-binh của giặc bắt gặp đuổi đánh, năm thấy trò luống-cuống cả ra, chúng-quả-bất-địch, đành phải bỏ chạy, mỗi người một ngả, quan Tiểu và ba người đốc-chiến chạy thoát ; còn tôi thì ngựa mất đàng ngựa, gươm mất đàng gươm, một mình lần-quần trong đám rừng xanh, trời đen như mực, chung quanh mây kéo tối mù, gió thổi ào-ào, trong những đám cây rậm, nghe tiếng động sột - sạt mà kinh. Tôi không sao dò được lối, phải tìm một cây to, trèo lên trên ngọn, lấy giây lưng buộc mình vào cành cây, ngồi đợi cho đến sáng. Cái đêm hôm ấy thật là cái đêm khổ-não nhất, bụng đói như bào chân tay rời - rạc, cả đêm ngồi chòng-chọc trên ngọn cây, cầu trời khấn phật cho chóng rạng đông, chốc - chốc lại nghe thấy tiếng chim kêu vượn rú, sợ-hãi không biết chừng nào ! Ngồi mãi cho đến khi mặt trời mọc, bóng chiêu-dương vàng rực trên ngọn cây, mới dám lần xuống, lại cứ theo hướng mặt trời mà đi về phía đông, bụng đói đầu gối cũng chẳng muốn bước, đi được độ và cây, nghe trong mình khó chịu, chắc lại bị đau : số là đêm hôm trước ngồi sương cả đêm, mà khí-hậu ở rừng, cũng chẳng được lành cho lắm; song cũng phải cố bước mà đi, độ hơn một cây nữa, thì đến một chỗ, lơ-thơ mấy khóm lau thưa, có lối rẽ vào, hình như có vết người đi lại. Ở trong đám ngọn cây um-tùm, lồ-lộ ra một tòa cổ-miếu, tôi thấy vậy mừng lắm, liền dời gót giở vào, định tìm chỗ ngả lưng một chút : rẽ lau rạch cỏ tìm vào, đến nơi thì chỉ thấy có một cái đền, ba gian nho-nhỏ, giữa có một cái bệ, trên cái bình-hương cổ, hãy còn nghi-ngút mấy nén hương tàn, coi thật là thê-lương thảm-đạm, không hiểu là phụng-sự vị thần gì, bệ ngoài thấy để một cái lễ mâm xôi và con vịt béo lắm. Bấy giờ bụng đói miệng thèm, đánh bạo bước lên cúi đầu cầu khấn, xin ngài phù - hộ cho kẻ vì việc nước mà phải long-đong, chóng được tiêu-tai thoát-nạn ; đoạn rồi tôi...nói ra xin nhà thầy đừng cười, phương-ngôn nói, đói ăn vụng, túng làm liều... Tôi hạ ngay lễ xuống, đưa vào trong gầm bệ thờ, nằm ăn hết vài nắm xôi và nửa con vịt, thấy trong mình dễ chịu, nhưng còn mệt lắm, đánh liều nằm dấy ngủ. Vừa mới nhắp mắt, chợt nghe tiếng người ì-ộ bên tai, bừng mắt dậy thấy ở ngoài đông người lắm, xi-xô bảo nhau, nhưng tôi không hiểu tiếng gì cả, thì ra họ nói tiếng thổ ; tôi đang lúng-túng, chưa biết nghĩ thế nào, thì có một đứa trông vào gầm ban, rồi thất-kinh chạy ra, bảo những người kia, rồi họ ùa cả vào, tôi đành phải bò ra, quì xuống xin lỗi, và ra hiệu rằng bụng đói mình yếu, xin họ đừng đánh. Trong bọn

có người biết tiếng kinh, họ hỏi tôi, tôi kể đầu đuôi cho họ nghe, thì họ thích lắm, họ thấy tôi trẻ tuổi đẹp trai, có bụng yêu, hỏi tôi có muốn làm con nuôi họ không, và họ bảo cho tôi biết lễ đây là lễ cầu-tự. Tôi mừng lắm, vâng lời ngay, cả đám ai cũng vui mừng, hình như có ý tin rằng thần-minh run-rủi cho tôi đến làm bạn với họ. Ấy chính cái người hỏi tôi bằng tiếng kinh là ông bố nuôi tôi đó.

« Bấy giờ họ đưa tôi về, đi đã lâu lâu, đến một cái động, ở ngoài cửa hai bên toàn đá tổ-ong ; cứ tối đến thì lấp đá lại, qua cái cửa ấy thì vào đến trong động, cửa nhà to-tát, nhưng làm lối nhà sàn cả.

« Ông già đưa tôi về đến nhà, họ-hàng xóm-mạc nghe tin đến xem đông lắm ; ông già đưa tôi ra trình-diện với họ hàng và bắt tôi phải gọi bằng *om* mà gọi bà mẹ nuôi tôi bằng *cợ*. « Om cợ cũng như ta gọi cha mẹ ». Tôi bấy giờ thật là thằng ngố rừng, những cái thông-hoạt láu-lỉnh của mình nó đi đâu mất cả, người đứng như cây gỗ, mặt ngay như cán tàn, chịu đứng làm trò vui cho những ông mán rừng, nghĩ mà ngán quá ! Đoạn rồi đâu về đấy. Om cợ tôi thấy tôi yếu-đuối, bàn nhau đi tìm thuốc ; đến mai tôi thấy lấy về nhiều thứ lá, không hiểu là những lá gì, thứ thì uống, thứ thì xông, chỉ trong hai ngày mà khỏe như thường ; thế mới biết rằng thuốc Nam mình cũng nhiều thứ hay, chỉ vì mình không chịu gia-công tìm xét đó mà thôi.

« Được vài ngày, om cợ tôi đưa tôi đi chào các bà con, ai nấy tỏ ý thân - yêu vui-vẻ, cho các đồ vàng bạc châu báu nhiều lắm. Om cợ tôi muốn cho tôi tìm nơi kết tóc xe tơ, cho nên có ý cho tôi đi chơi các nhà hào-phú trong các thung-lũng ; đi đâu cũng ở chơi đôi ba ngày. Lạ một cách, là cái phong-tục ở đấy, con trai con gái không phân-biệt quá như ta, khi đi đứng lúc ra vào, họ cư-xử rất là một cách tự-nhiên ; nhiều khi trông thấy đàn bà con gái của họ, mình có ý hồ thẹn, thì họ lại cười mà bảo nhau rằng : « Cái kinh nó hãi đàn-bà ». Nghĩ ra sau mới biết rằng phong-tục của họ còn thuần-phác lắm, ít biết những sự trăng-hoa, cho nên họ cư-xử một cách tự-nhiên như thế. Lắm lúc nghĩ cái văn-minh phồn-hoa quá đỗi của mình, mà lại phải thèm cái thói dã-man thuần-phác của họ.

« Nhân thể tôi xin kể qua thấy nghe một vài cái phong-tục riêng của họ. Dân ở đó phần nhiều chỉ ăn cơm nếp mà áo mặc thì dùng thuần một thứ vải dầy của họ dệt ra và nhuộm sắc xanh ; còn cách làm ăn của họ thì thật là cẩu-thả : ruộng chỉ cấy có một mùa, những đồ làm ruộng của họ trông thật là thô-lậu, cấy bừa làm xong tối lại bỏ ở đồng ; trâu bò cứ thả ở ruộng không phải chăn dắt gì, thế mà không ai lấy của ai, ấy thực là một cái đặc-tính của họ ; cấy thì chỉ chọc lỗ bỏ thóc, đến mùa gặt xong lại đốt ngay rạ để làm tro bón ruộng, nguyên ở đấy sẵn đồ thổi, nên họ không cần gì rơm-rạ lắm. Ấy cách làm ruộng của họ như thế, còn công - nghệ thì rất vụng, bán buôn cũng không hay, không hiểu vì lẽ gì mà dân họ vẫn phong-túc nhàn-hạ hơn ta? Phương-ngôn nói : « tiền rừng bạc bể », không sai, về phương-diện lý-tài của xứ ta, nếu gia-tâm kinh-tế, thì ở các nơi lâm-địa có lẽ còn phát-sinh ra được nhiều cái lợi-đoan, hơn các chỗ khác. Ấy là kể những

cái đại-đoan mà thôi, còn những sự nhỏ-nhặt khác không thể kể hết được.

«Khi ấy ông bà nuôi tôi định gây dựng cho tôi ở đó, song lòng tôi nào có thiết gì, nào là nỗi công-danh lật-đật, nào là nỗi xa cách cố-hương, trăm nghìn mối bời-bời trong tấc dạ, thì phỏng còn sự vui-thú nào mà cầm được lòng tôi. Vả chăng người ta thường nói, lên đất mường mán mà đã lấy con gái họ, thì khó lòng mà về được, nên tôi nhất-định không nghe. Tôi bảo ông già nuôi tôi rằng : « Công-danh chưa lập được, thì gia-thất đã vội gì » Ông bà ấy tuy không bằng lòng, song cũng để tùy ý tôi chưa muốn ép vội.

« Ông già nguyên làm nghề hàng mỗ, ngày ngày đi chợ để tôi ở nhà, dặn người nhà coi giữ cẩn-thận lắm, không cho đời ra lấy một bước, tôi cũng giả dại làm ngây, không tỏ ra ý-tứ gì là buồn rầu mong nhớ chi cả. Tôi ở đấy được giăm tháng, bấy giờ họ đã tin tôi như con đẻ, không còn ngờ-vực gì nữa. Một hôm tôi hỏi ông già tôi rằng đến mai đi chợ nào, thì ông bảo rằng ra chợ tỉnh Thái-nguyên, tôi bèn xin phép cùng đi. Từ đấy ra tỉnh, đi bộ mất hai ba tiếng đồng-hồ. Khi ra đến nơi, thì tôi định ngay kế thoát-thân, hiềm vì nỗi không có ai quen thuộc, tôi liền xin phép đi chơi phố một mình trong mấy phút ; tình- cờ không hẹn mà nên, ra phố gặp ngay người cai là người anh em bạn lính với tôi, tôi nhân được dịp may không để mất thì giờ vô-ích, liền kể cho bạn nghe nông-nỗi của mình và tính cách thoát-thân, không ngờ đương khi nói chuyện thì ông già tôi đi tìm ngay, bắt gặp nói chuyện với một người kinh, thì sinh lòng nghi và bắt về ngay lập-tức, tôi phải chào bạn mà đi. May sao trong khi nói chuyện tôi đã biết được chỗ ở của bạn.

«Khi về tôi phải nói dối ông già tôi rằng: « Người ấy là một viên quan võ, tôi muốn cậy ông ấy lo hộ cho ra làm quan, và tôi đoan rằng hễ tôi ra làm quan thì tôi sẽ lấy vợ và rước om cợ ra chỗ làm quan cùng ở cho vui.» Khốn-nạn ! Ông bà mán tôi thật-thà quá đỗi, không ngờ tôi lại là một thằng vong-ân bội-nghĩa như vậy. Ông già định đến ngày thứ ba thì cho tôi ra tỉnh để lo-liệu, đến hôm ấy sắm-sửa cho tôi một cách rất lịch-sự, rồi cùng tôi ra tỉnh, tìm vào nhà người anh em bạn tôi, anh em bạn tôi đã biết ý tiếp-đãi một cách rất tử-tế, tôi bàn-bạc với bạn tôi đâu đấy xong cả, rồi bạn tôi đưa chúng tôi đến nhà một ông đội quen, nói dối là quan Tiểu, để nói sự làm quan, Gớm làm quan như thế, thật là dung-dị quá, vào nói thì quan Tiểu ngài nhận lễ ngay, ngài hẹn cho đến ngày thứ ba phải đến nhận việc, không được sai hẹn ; ông già tôi mừng rỡ quá chừng. Đoạn rồi chúng tôi đưa nhau về, đến ngày hôm sau ông già tôi sắm-sửa cho tôi tiền bạc lợn gạo, lễ-vật để khai-hạ và tạ quan.

« Đến ngày vào nhận việc, mời cả ông bà tôi vào dinh, nhà cửa trang - nghiêm, lính-tráng hầu-hạ, coi ra oai - vệ lắm' nguyên tôi đã dặn bạn tôi xếp đặt từ trước, ngày hôm ấy tân-bằng mừng-rỡ chật nhà, chén thù chén tạc cả ngày, tâng rước cho ông bà mán tôi lên đến một cái địa-vị rất hoan-hỉ, rất khoái-lạc, nỗi mừng biết lấy chi cân...Ấy công-danh là thế ! Phú-quí là thế ! Cái giấc nam-kha nó mê lòng ta, cái đám phù-vân nó che mắt ta, nó dỡ ta, nó lừa ta, nó làm cho ta mê-mộng suốt đời. Túng-sử bấy giờ mình có được làm quan

thật, thì chắc mình cũng phải vui, cũng phải mừng, mà những người cục-ngoại họ cũng coi mình như ông lão mán già đó chẳng sai.

« Tôi ở đó được năm ngày, rồi tôi bảo ông bà nuôi tôi rằng : « Nay đến kỳ tôi phải đi tuần-tiễu mấy ngày mới về, tùy ý ông bà muốn ở đây hay về qua thăm nhà, đến khi tôi về sẽ ra ». Ông bà tôi bấy giờ cũng hơi ngại, song đã nên danh-diện một ông quan, không lẽ ngăn đón được, chịu phải để cho tôi đi. Ông bà tôi về động, thế là ngày mai tôi sắp-sửa ra đi, bấy giờ giặc-giã đã tan, quan Tiễu thì về triều, nên tôi thẳng bước về nhà. Gớm, bấy giờ thoát-thân được, nghĩ mà sung-sướng, thật như chim sổ lồng ! Tuy vậy, bước đi một bước một dừng ! Om ơi ! cợ ơi ! tôi thực là một người bội-bạc ! Không biết về sau om cợ tôi làm ra cách thế nào không biết. Đến lần quân-thứ sau, tôi lại ra tòng-chinh, lần vào tới nơi, thì ra cảnh cũ người xưa, bây giờ khác cả ! Tình kia cảnh nọ làm cho tôi giọt lệ khôn cầm !...

« Thưa thầy, tự đó đối với lương-tâm, thì hơi có chốn không phải, song tình-thế bắt buộc phải làm, luân-lý bắt buộc phải làm, còn gì thiết cho bằng quê cha đất tổ, còn gì thân cho bằng cha mẹ anh em, túng-sử có người thức-giả mà gặp cảnh-ngộ như tôi, chắc cũng phải làm như tôi vậy.

« Bần-đạo lòng lại hổi lòng,
« Sao cho khỏi thẹn với trong cao dầy ?

« Ấy là câu chuyện của tôi tòng-chinh lần thứ nhất, còn lần sau nữa, nhưng không có thì giờ mà kể được ; chín giờ rồi, giả bận việc, xin phép thầy...»

Ông cụ bước ra, ký-giả về, cầm bút chép bài này.

Hoàn-Bích

NGUYỄN NGỌC - THIỀU

TIỂU - THUYẾT CỔ

LĨNH - NAM DẬT - SỬ (1)

嶺南逸史

XXIV

HỒI THỨ XXV

Báo thù cha, Hoàng Nhượng hiến kế,
Cảm ơn vua, Phùng Ngọc dấy quân.

Ngô Quế-Phương từ khi đến Lưỡng-Quảng luyện-tập binh-lính, từ-đồ lo việc dẹp giặc. Khi ấy ở quận Tam-giang xã Trung-trấn có một người hiếu-tử tên là Hoàng Nhượng, hiệu là Tốn-trai, sinh được hai người con : Trưởng là Khải-Ngu, thứ là Khải-Lỗ. Hoàng Nhượng vốn là người rất hiếu, khi 16 tuổi, cha mẹ mất liền, Hoàng Nhượng khóc lóc đến nỗi quên ăn quên uống, hình gầy như hạc ; tự mình đi đội đất đắp mồ, làm túp ở tại bên mồ ba năm, hết tình thương nhớ. Ở với anh là Hoàng Khiêm thực là yêu-mến hết lòng. Khi giặc ở Tam-đó nổi lên, Hoàng Khiêm phải tưởng

(1) Xem Nam-Phong từ số 48.

của Lam Năng là Diệp Thiên bắt được đem về sơn-trại, để đòi tiền chuộc. Hoàng Nhượng nghe tin, bèn dốc hết cả của tư - nang được hơn 300 lạng bạc, thân đem đến trại giặc chuộc anh đem về. Lam Năng thấy Hoàng Nhượng có sẵn bạc tưởng là một nhà giàu; lại nghe truyện khi trước cha mẹ Hoàng Nhượng chết, Nhượng ở ấp mồ ba năm, thì hẳn là người con hiếu; nếu đem đào lấy hài-cốt cha mẹ y lên giữ làm của tin, thì chắc là y phải đem hàng đống bạc lại chuộc. Lam Năng nghĩ vậy bèn sai Diệp Thiên đem một lũ tặc-đồ đi đến đào lấy hài-cốt cha mẹ Hoàng Nhượng, sai người đưa tin bảo Hoàng Nhượng rằng:

— Phải đủ một nghìn bạc, thì mới cho chuộc.

Hoàng Nhượng vừa nghe hung-tin ấy vội-vàng chạy ra trước phần-mộ, trông thấy hai cái quan-tài không, đất bùn bừa-bãi. Hoàng Nhượng kêu lên một tiếng cực to, ngất ra lăn xuống đất. Hai con là Khải-Ngu, Khải-Lỗ nghe tin hài-cốt ông tổ bị mất trộm, cũng vội-vàng chạy đi thăm xem, thì thấy cha ngất lăn ở trên mặt đất, vội-vàng đỡ dậy, gọi om-xòm một hồi lâu, mới thiếp-thiếp tỉnh dậy, nức-nở không nói lên tiếng, hai con ôm lấy cả khóc, đỡ dắt đưa về nhà. Hoàng Nhượng suốt ngày khóc-lóc, không tưởng gì đến hồ cháo ăn uống, dốc cả hòm cả tráp chỉ biện được 500 lạng bạc, sai người đưa đến trại Lam Năng để chuộc lấy hài-cốt cha về. Không ngờ đi đến núi Phụng-hoàng, bị phải Thiết-Ngưu cướp lấy mất cả. Muốn biện món tiền khác để chuộc, nhưng nhà vốn gia-tư bình-thường, đã một lần chuộc Hoàng Khiêm, lại một lần bị cướp lấy mất, là hai lần rồi, nay muốn biện lấy ba trăm bạc cũng không xong, nữa là hàng nghìn bạc. Hoàng Nhượng bất-đắc-dĩ phải nói dối vợ con đi lên đến trại giặc, vào yết-kiến Lam Năng mà rằng:

— Hài-cốt cha mẹ tôi chỉ có một mình tôi là đau đớn, nếu Hoàng Nhượng này mà không chuộc được, thì không có ai chịu chuộc nữa. Gì bằng cái thân Nhượng này thì cả nhà vợ con đều thương tiếc cả, đứa này không chuộc, thì đứa khác cũng phải chuộc. Nhượng này xin lấy thân thay cho hài-cốt cha mẹ, mà xin lấy hài-cốt cha mẹ đưa về.

Lam Năng nghe thấy nói có lẽ, bèn trả hài-cốt giao cho người theo hầu Nhượng đem về, rồi đem cùm Hoàng Nhượng lại giam ở trong ngục. Người hầu Hoàng Nhượng đi về đến nhà, nói sự đầu đuôi cho Khải-Lỗ biết, Khải-Lỗ kêu trời thương-thảm, chạy khắp các nơi thân-bằng cố-hữu hỏi vay tiền để chuộc cha. Lạ gì trò đời hễ nói đến tiền là vô-duyên, Khải-Lỗ đi đến các nơi thân-bằng vừa cất miệng hỏi, kẻ thì nói túng, kẻ thì trối không, khắp hết cả mọi nơi đều nói trối là cùng-túng, chớ không ai là người có tình giúp đỡ cả.

Lại có kẻ hễ nghe nói đến chuyện vay mượn, thời khi vào đến nhà chẳng thấy ông chủ đâu cả, chén nước chè cũng không được uống, ông chủ chẳng khác gì như đầu rùa rụt vào trong mu rùa, chỉ sai một bà già ở mé trong cửa nói ra rằng: « Ông chủ tôi đi chơi vắng, bác đi hỏi vay chỗ khác. » Khải-Lỗ chạy đi hão-huyền mất đến hơn mười ngày, chẳng vay mượn được một đồng hến nào cả, khi trở về nhà thâu đêm khóc-lóc, rồi nói dối mẹ với anh, đi lên ngay đến trại giặc, kêu rằng:

— Nhà tôi thiệt không còn có đồng tiền bạc nào cả, chỉ còn có vài mẫu vườn ruộng, muốn bán vườn ruộng mà không có chữ người gia-trưởng, viết văn-khế, thì người ta không mua.

Vậy xin lấy thân tôi mà chuộc cho cha tôi về, mới có thể thu-xếp bán chác đem bạc đến chuộc cho tôi được.

Lam Năng nói.

— Ngươi nói cũng có lẽ.

Liền sai đem Khải-Lỗ giam lại, tha cho Hoàng Nhượng trở về. Hoàng Nhượng về đến nửa đường, lại bị phải Hoàng Doãn bắt giữ lại. Lam Năng trông ngóng ít lâu, không thấy Hoàng Nhượng đem tiền đến chuộc, bèn lấy dây xỏ vào lỗ mũi Khải-Lỗ và buộc đùi treo ngược lên trên sà nhà. Khải-Lỗ đã mấy lần chết đi sống lại. Diệp Thiên thét mắng rằng :

— Mày nếu không mau mau sai người về nhà biện tiền bạc đem lại chuộc, thời ngày mai đem chém bỏ vứt chân tay mày đi !

Khải-Lỗ khóc mà rằng :

— Biện lấy tiền bạc thì không thể nào biện được nữa, chỉ cốt là nhờ lũ ngươi tha được cho cha tôi về, thời dẫu thân tôi đau đớn, tôi cũng rất yên lòng, dẫu chết tôi cũng chẳng oán gì lũ ngươi cả.

Diệp Thiên thấy người có hiếu-hạnh như thế, nên cũng khoan-phóng bớt cho, không có hạch-sách nghiêm-khắc như trước nữa. Khải-Ngu nghe thấy tin cha với em bị giặc giam-hãm, chịu lắm nỗi thảm-độc, cũng òa lên khóc, muốn chạy vào trong trại giặc để cùng chết với cha với em. Song lại nghĩ rằng chết hão như thế cũng là vô-ích. Nghĩ như thế thì chỉ có kêu trời khóc lóc, ngày đêm bất-tuyệt, khóc hết nước mắt thời rỏ ra máu. Quân giặc nghe tin ấy đều cảm thương một nhà hiếu-hữu, bèn tha cho Hoàng Nhượng và Khải-Lỗ ra về.

Người sau qua xã Trung-trấn có thơ khen rằng :

Con hiếu xưa mấy kẻ,
Vĩnh-an có một người.
Liều thân đi chuộc cốt,
Rỏ máu khóc kêu trời.
Thịt nát đau đành chịu,
Nhà tan giận chửa nguôi.
Đến nay qua đất cũ,
Người khuất vẫn thơm rơi.

Cha con Hoàng Nhượng từ khi trở về nhà, căm giận quân Lam-tặc làm nhục đến tiên-nhân, hằng ngày mưu-toan kế báo-thù, khi nghe tin Súc Nục đem quân lại đáng, bèn tán gia-tài, mộ tử-sĩ, kết làm toán quân hương-dũng, chỉ đợi đại-quân kéo đến, để chực ở trong làm nội-ứng. Không ngờ Súc Nục mới đánh hai trận đã phải quân giặc đánh cho đại-bại mà chạy. Hoàng Nhượng từ đó thất-vọng, chỉ phục ở trước phần-mộ cha mẹ, khóc lóc thê-thảm. Sau nghe thấy quan Ngô Đốc-phủ lại phụng-chỉ ra đáo-nhiệm, cả mừng. Nhượng bèn bái biệt trước mồ cha mẹ, đi đến yết quân-môn để hiến-sách mà rằng :

— Quân giặc ở Vĩnh-an này tội-ác đầy trời, phải kíp nên tiễu-diệt để vị dân trừ hại, cái đó thì không phải nói. Song có một điều khó tiễu-diệt được là vì quan với lĩnh đến quá nửa phần là đảng giặc cả, đại-nhân phải nên xét điều đó mới được. Nguyên là những quân giặc đồn to đám nhỏ, đều có những đứa đại-gian-hoạt chủ-trương, nó nhờ về quân gian-hoạt, quân gian-hoạt lại nhờ về bọn tham-quan làm áo-viện ; nên tai mắt nó rộng, nanh vuốt nó nhiều, trên từ quan Phiên Niết, dưới đến quan huyện-lịnh, dưới nữa đến chức tuần-kiểm, hết thảy đều ăn hố-lộ của giặc, để trong ngoài thông-gian với nhau. Nếu có đem quan-binh đi chinh-tiễu, nhưng quan-binh hoặc cũng là đảng nó ; muốn mộ quân-lính đi đánh, nhưng quân-lính cũng hoặc

là người nó cả. Tựu-trung cũng có một vài quan-binh phụng-công thủ-pháp không ăn hối-lộ, song lại đều là người khiếp-nọa sợ-rát, vừa ra đánh nhau với giặc đã theo ngọn gió mà tan chạy ngay. Tuy rằng cũng có các quan tướng-súy trung-thành nhiệm-sự, song không mộ được những quân-lính đắc-lực để mà dùng, sở-dĩ mấy năm nay có cho đi tiễu-bộ, mà vẫn không hay trừ-diệt được một tí gì cả. Đại-nhân có chí yên dân, phải nên kén dùng lấy những quân-tướng vô-địch có lòng trung-thành với nhà vua mà không giao-thông với giặc, thời quân giặc dẫu gian-hoạt đến đâu, cũng là trừ được hết.

Quế-Phương giơ tay lên mà rằng :

— Lời hiền-khế nói thực là rõ hết cái tệ đó ! Nhưng nay những người dùng được việc thực là khó tìm được người, biết tính sao được ?

Hoàng Nhượng nói :

— Nay có Lý công-chúa ở trại Gia-quế thực là trung-trinh tố-trứ, Mai Anh ở trại Thiên-mã thực là tướng-dũng binh-cường, lại có người học-sinh ở Trình-hương là Hoàng Quỳnh hai trại vốn là khâm-phục. Khi trước đã đem quân đánh giặc Hỏa-đái, binh không rây máu chỉ đánh một trận là phá tan được ngay. Chỉ vì kẻ đương-sự bấy giờ họ ghen-ghét, làm cho hỏng mất mưu-kế mà mai-một mất công-trạng đi, nên mới di-họa đến bây giờ. Đại-nhân nếu hay lấy ơn kết-nạp, chiêu-lai cho theo về, thời quân giặc có thể hẹn ngày mà bình được.

Quế-Phương nghe nói, vỗ tay cả cười mà rằng :

— Không có lời hiền-khế nói, thì ta suýt nữa quên đi mất.

Liền sai chư-ti tra rõ công-trạng trước sau của Phùng-Ngọc, đem những công hàng giặc Thiên-mã, đánh giặc Hỏa-đái đều đổ cho là công Phùng-Ngọc cả. Lại tâu rõ cái tình-trạng trung-trinh của Lý công-chúa, và Mai Anh đã xin qui-thuận ; xin giáng tờ sắc-chỉ sai hai trại đem quân đi tiễu-diệt quân giặc. Tờ biểu tâu lên, vua cả mừng, lập-tức xuống tờ chiếu phong cho Phùng-Ngọc làm Thị-lang, cho đeo ấn Chinh-khấu tướng-quân đi đánh giặc. Khi chiếu-thư ban xuống đến nơi, quan Ngô Tổng-đốc liền cho Hoàng Nhượng làm quan Tuần-phương, đệ tờ chiếu-thư đến trại Gia-quế. Thực là :

Gia-quế vừa truyền lời ngọc-chiếu,
Sái-đầu đã trỏ ngọn kim-qua.

Nhắc lại Phùng-Ngọc từ khi đánh trại Hỏa-đái trở về, cùng với Mai, Lý hai nàng cứ mỗi ngày đến hầu ông bà Trương Thu-Cốc hai lần. Khi hầu Thu-Cốc rồi trở về, Phùng-Ngọc lại rỏ nước mắt khóc thảm-thiết. Lý Công-chúa khuyên ngăn mà rằng :

— Xin chàng chớ có bi-thương quá, để thiếp sai người đến thôn Mai-hoa thăm dò xem tin-tức chị Quí-Nhi làm sao, hoặc-giả còn ẩn-náu ở nhà bà con nào chăng, cũng chưa biết chừng.

Phùng-Ngọc nghe lời. Lý công-chúa lập-tức sai viên tỳ-tướng cẩn-thận đi hỏi thăm. Khi thám-tử trở về bẩm rằng :

— Tiểu-tướng vâng mệnh đi đến thôn Mai-hoa, thăm hỏi hết mọi nơi, không ai biết tin Trương thứ-thư hạ-lạc chốn nào cả.

Phùng-Ngọc nghe nói lại cất tiếng khóc òa lên, bèn sai bày đặt linh-sàng để thờ Qui-Nhi và mặc áo để tang-chế, lập đàn tế điện chiêu-hồn, mời các tăng-chúng đến tụng kinh siêu-độ, tụng đến bảy bảy bốn-mươi chín ngày, tụng hết cả pho *Đường Tam-tạng-kinh* đến hàng mười bộ mới thôi. Phùng-Ngọc khi ấy mới tiệm-tiệm nguôi lòng thương nhớ Qui-Nhi. Mai, Lý hai nàng hoặc lúc thì gẩy đàn, hoặc

lúc thì vịnh thơ, hoặc lúc thì đua ngựa, múa gươm, bày ra nhiều trò vui để cho Phùng-Ngọc tiêu-khiển. Khi ấy bụng Phùng-Ngọc mới hơi khoan-khoái. Một hôm, đang ở trong buồng cùng với Mai, Lý hai nàng đánh bài, chợt có tên nữ-binh chạy vào báo rằng :

— Mai đại - vương có sai Trần-tướng-quân đưa nàng Ngọc-Tiêu và đồ hành-lý của Hoàng - tướng-công đem lại nộp.

Nguyên là Ngọc-Tiêu nhân khi xem xét hòm áo của Mai tiểu-thư và đồ hành-lý của Hoàng Phùng-Ngọc, bất-giác động lòng thương nhớ, đương ở trong phòng hu-hu lên khóc. Rè đâu Đặng Nguyệt-Nga vừa cùng với hai chị em Tiền cô-nương vừa đi đến trước hiên xem mai, nghe thấy tiếng khóc, hỏi rằng :

— Ngươi khóc gì vậy ?

Ngọc-Tiêu liền quì xuống thưa rằng:

— Tiểu-tì nhân khi động lòng nhớ đến Mai thư-thư, giọt lệ khôn cầm, không nhịn khóc được, không ngờ động đến tai phu-nhân, cúi xin thứ tội.

Nguyệt-Nga nói :

— Tưởng thế nào, chứ như thế thì ngươi cứ đứng dậy, để ta nói với đại-vương đưa ngươi đến Gia-quế ở đó hầu hạ Mai thư-thư nên chăng ?

Ngọc-Tiêu khấu đầu lạy tạ. Đêm hôm ấy, Nguyệt-Nga nói với Mai Anh rằng :

— Bên thầy mẹ tôi, ít lâu nay tôi không sai người sang hỏi thăm ; nay tôi muốn sai người đưa Ngọc-Tiêu sang hầu Mai thư-thư và giao trả những đồ hành-lý của Hoàng-công, rồi cho hỏi thăm thầy mẹ tôi một thể, chẳng hay ý đại-vương nghĩ sao ?

Mai Anh nói :

— Phu-nhân nghĩ thế là phải lắm !

Sáng hôm sau Mai Anh liền sai người sắm năm gói đồ lễ, để đưa sang biếu Hoàng Phùng - Ngọc, Phù phu-nhân, vợ chồng Đặng Bưu, ông bà Trương Thu-Cốc, Lý công - chúa mỗi người một gói ; lại sắm riêng một gói lễ-phẩm nữa đưa cho Mai Ánh-Tuyết. Tiền cô-nương và Nguyệt-Nga đều có lễ đưa tặng riêng. Lại dự-bị một cái xe để đưa Ngọc-Tiêu đi, sai Trần Long hộ-tống đưa sang. Khi đến trại Gia-quế, nữ-binh chạy vào phòng báo tin. Phùng-Ngọc cả mừng, liền cùng với Lý, Mai hai nàng dắt tay đi ra. Ngọc-Tiêu trông thấy ba người liền khấu-đầu làm lễ chào. Mai tiểu-thư cầm tay Ngọc-Tiêu mà rằng :

— Ở đây ta đương mong nhớ, nay ngươi lại đây cũng là một dịp hay !

Trần Long bước lên bái-kiến. Phùng Ngọc hỏi thăm đâu vào đấy. Trần Long đem lễ-vật lần-lượt dâng lên. Lý công-chúa sai bày tiệc khoản-đãi. Ngày hôm sau, Trần Long xin từ về, mọi người đều không nghe, lưu lại ở chơi nửa tháng, chư-tướng đều mời đón đi chơi các trại. Một hôm Phùng-Ngọc cùng với Trần Long đi chơi núi Ngọc-Nhị trở về, trông thấy Lý công-chúa và Mai tiểu-thư đương giở xem gói hành-lý của mình xét thấy một cái khăn lụa thêu đương ở trong phòng ngắm nghía. Phùng-Ngọc hỏi :

— Chẳng hay hai nàng xem cái gì đó ?

Mai tiểu-thư cười mà rằng :

— Hai chị em tôi đang xem trộm hành-lý của chàng, thấy ở trong có cái khăn-tay thêu rất đẹp, chẳng hay chàng mua được ở đâu thế ?

Phùng-Ngọc bất-giác rỏ nước mắt khóc mà rằng :

— Đấy là tay mẹ tôi dệt ra đó, dặn tôi bảo đem tặng cho cô, nguyên là có hai cái kia, nhưng khi tôi

ở thôn Mai-hoa có mượn tạm một cái khăn để làm đồ sinh-lễ cho Trương-thị, còn một cái vẫn để ở trong hòm đó, đợi khi nào đi đến thăm cô-nương thì sẽ đạt lời mẫu-mệnh. Không ngờ rằng sinh ra đa-cố, đến nỗi ngăn-trở thế này. Tôi còn nhớ khi lâm-biệt mẹ tôi có dặn tôi rằng : « Con liệu sớm trở về, đừng để cho mẹ già mong đợi. » Khi ấy tôi đã có thưa lại rằng : « Con đi chẳng ra là ba tháng, không thì chỉ hai tháng là về. » Rè dâu đến nay đã ba năm mà còn yêm-trệ mãi thế này, để khiến cho hai già khi lên non trông ngóng, tựa cửa đợi chờ, nghĩ đến tình-cảnh ấy thì lại càng thêm cực !

Phùng-Ngọc nói rồi, đôi hàng giọt lệ chứa-chan, nức-nở mãi không thôi. Lý công-chúa nói :

— Trước kia có sai Bàn Vi-Liên đi đến thăm ông bà, tôi có bảo hắn rằng hễ hỏi thăm đến nơi thì hãy cứ ở hầu bên ông bà, đợi khi nào chàng đi đến núi Đại-hám trở về đó rồi, cùng đón rước ông bà về sơn-trại ta cung-dưỡng. Nay Bàn Vi-Liên mãi chưa thấy trở về, hẳn là hắn đã tìm đến nơi ông bà, hắn còn ở lại đó. Ông bà mà được thư chàng với thư của thiếp, thì hẳn biết chàng vẫn ở bên này, can gì đến nỗi thở than mong nhớ, xin chàng cứ nguôi lòng.

Phùng-Ngọc khóc mà rằng :

— Tôi nay thương nhớ cha mẹ, lòng đau như cắt, ngày mai tôi xin từ-biệt hiền-khanh để về thăm nhà, hiền-khanh chớ có ngăn giữ tôi nữa.

Phùng-Ngọc nói rồi, khóc nức nở. Công-chúa nói :

— Tôi không phải là không muốn để cho chàng về thăm, song trước kia đã phải Súc Nục nó tác-quái, sau lại nghe tin quan-quân đại-bại, những quân giặc yêu-ma nó nổi lên bốn phía, khắp vùng Lưỡng-giang chông mác như rừng, suốt dải Long-xuyên đường đi vắng ngắt. Nếu chàng đi một mình, vạn-nhất lỡ ra thì hối sao kịp được. Xin chàng hãy yên lòng chớ nóng-nẩy vội, đợi khi nào khói lửa tạm yên, tôi xin đưa chàng về vinh-qui lập-tức.

Phùng-Ngọc nói :

— Tôi đây vẫn còn giữ được đôi kiếm, bộ những quân ô-hợp ấy, vị-tất đã làm gì được tôi. Hiền-khanh cứ yên lòng không ngại.

Mai tiểu-thư nói :

— Lang-quân đã quyết-ý muốn về, để thiếp xin đưa lang-quân đi về nên chăng ?

Lý công-chúa nói :

— Hiền-muội đã có bụng tiễn lang-quân cùng đi, thì tôi có ngại gì. Để ngày mai tuyển lấy một toán nữ-binh với và viên nữ-tướng cùng với hiền-muội đều cải nam-trang cùng đi, thời mới là vạn-toàn.

Đương lúc bàn-tính, chợt có phi-mã chạy về báo rằng :

— Ngô đại-nhân lại ra tổng-đốc Lưỡng-Quảng, có sai quan phụng-chỉ đến phong-chức cho tướng-công để binh đi đánh giặc. Nay chiếu-chỉ đã đến ải Triều-thiên, xin tướng-công mau mau ra nghênh-tiếp.

Ba người nghe tin cả mừng, liền sai sắp bày hương-án để ra nghênh-tiếp, đón về Thuận-chính-đường đều cùng phủ-phục nghe tuyên-chiếu.

Sắc rằng : Hoàng Quỳnh, ngươi lấy là một kẻ thư-sinh, đã chiêu-hàng được giặc La-bàng, lại hay phá tan giặc Hỏa-đái, không phải giết-giốc mà giặc-đã sạch yên, công rất tốt thay, Trẫm khen ngươi lắm !

Nay ở Vĩnh-an Lam Năng hãy còn tụ-họp xứ-loại, tàn-ngược sinh-dân.

Vậy thụ cho ngươi chức Binh-bộ Thị-lang, đeo ấn Diệt-khấu tướng-quân; ngươi phải kíp đồng-suất quân trung-dũng, hết sức đi trừ giặc, để thư bụng lo cho Trẫm. Tướng-sĩ kẻ nào có công, ngươi khá tâu lên, để ta sẽ thăng-thưởng cho cả. Kính thay! Kỳ hết sức ngươi, chớ bỏ mệnh Trẫm. Nay sắc!

Tuyên - chiếu xong, Phùng - Ngọc phủ-phục tạ ơn, rồi thi-lễ cùng sai-quan, bày yến để khoản-đãi. Ngày hôm sau, sai - quan Hoàng Nhượng cáo từ Phùng Ngọc xuống núi trở về. Phùng-Ngọc đưa tiễn rồi trở lại, liền cùng Lý, Mai hai nàng thương-nghị, đều sắm đủ lễ-phẩm đáp lại, và viết trát-thư lập-tức sai Trần Long trở về Thiên-mã bảo Mai-Anh phát tinh-binh năm vạn, đại- tướng và mươi viên, để cùng đi trợ-chiến. Mai Anh được thư cả mừng. Nguyệt-Nga nghe tin cũng muốn đến Gia-quế để thăm cha mẹ. Tiền phu-nhân nhờ Mai Ánh-Tuyết cũng muốn cùng đến Gia-quế để hỏi thăm.

Mai Anh nói :

— Hai vị phu-nhân đã cùng muốn đến chơi Gia-quế, để tôi cùng đi, tôi sang chào mừng phu-quân chị Mai-thư một thể.

Hai nàng cả mừng. Ngày hôm sau tuyển lấy 5 vạn quân Dao-binh hùng tợn, sai Vạn Nhân - Địch làm tiên-phong, đưa Tiền, Đặng hai phu-nhân cùng đi. Quân - sư Gia-Cát Đồng và Tống Kim-Cương, Thạch Thung-Cữu, Trần Long cùng các tướng - tá đều đem binh theo đường tỉnh - thành tiến đi, Chỉ để Đồng Miêu - Công, Văn Đại - Dao, Tiền Tử - Cán ở lại giữ trại. Quân kéo đến Hoa - huyện bèn đóng cả binh-mã lại đó. Mai Anh chỉ đem hai vị phu-nhân và Gia-Cát Đồng, Tống Kim-Cương đi đến trại Gia-quế. Thám-mã báo tin lên sơn-trại, Phùng-Ngọc liền đem Lý công-chúa, Mai tiểu-thư đi ra khỏi núi mười dặm để đón rước. Lý công-chúa đón Tiền phu-nhân và Đặng Nguyệt-Nga vào trại trong, bái-kiến Phù phu-nhân; lại sai người đón hai vợ chồng Đặng Bưu, hai ông bà Trương Thu-Cốc cùng đến đó, vái chào xong đâu vào đấy. Tiền phu-nhân lại hướng vào Mai tiểu-thư vái tạ mà rằng :

— Cả nhà em nhờ cô-nương cứu-hộ mới được có ngày nay, chị dâu em bảo em phải sang bái-tạ cô-nương.

Mai tiểu-thư cười mà rằng :

— Em phải lạy rập chân đi mới phải !

Tiền phu - nhân tưởng thực vội-vàng toan cúi xuống lạy rập đầu. Lý công-chúa đỡ lại mà rằng :

— Nàng lại tin cái con mồm liếng-thoắng ấy à !

Mai tiểu-thư vỗ tay cả cười. Phù phu-nhân nói :

— Tiền phu-nhân lại còn lạ gì cô ta, hễ mà lúc cô ta hứng lên, thời giả này cô ta cũng nói đùa.

Nguyệt-Nga nói :

— Thưa bá-mẫu, lần sau cô ấy còn dám nói đùa nói bỡn nữa, thì bá-mẫu phạt bắt cô ta hát điệu hoa-cổ một hồi!

Mọi người đều cười ầm cả lên. Một lát trong ngoài bày đặt yến tiệc, đàn sáo vang-lừng, mãn tiệc vui-vẻ. Ngày hôm sau, Phùng-Ngọc điểm lấy 15 vạn tinh-binh, làm lễ tế-cáo Đô-bối đại-vương rồi kéo quân đi; Mai Anh và Nguyệt-Nga cùng xin đi trợ - chiến. Phùng-Ngọc cả mừng, để Đặng Bưu, Phù Hùng ở lại giữa trại, còn thì đem hết chư - tướng kéo lên tỉnh - thành, chiêng trống rầm trời, tinh-kỳ rợp đất. Khi kéo đến Hoa-huyệt. Ngô tổng-đốc và lũ Vạn Nhân-Địch ra ngoài trại

nghênh-tiếp. Phùng-Ngọc và Lý công-chúa vội-vàng xuống ngựa phủ-phục bên đường để bái-yết. Quế-Phương vội-vàng đỡ Phùng-Ngọc dậy mà rằng:

— Lão-phu không biết hiền-khế là người niên-thiếu mà anh-hùng đến thế! Nay vị nhà nước mà được người giỏi, thực đáng mừng lắm.

Quế-Phương lại ngảnh lại cười nói với Lý công-chúa rằng:

— Công-chúa lâu nay khang-kiện chớ?

Lý công-chúa nói lại đáp tạ cái ơn đề-tấu lên cho mình. Phùng-Ngọc lại dẫn Mai Anh đến yết-kiến. Quế-Phương cầm lấy tay Mai Anh cả cười mà rằng:

— Thế ra thiên-hạ anh-hùng về bọn thiếu-niên chiếm hết cả, lão-phu này mừng biết là chừng nào!

Chư-tướng đều đến bái-yết hết cả. Quế-Phương đều lần lượt lấy lời an-ủi, cực-kỳ ân-cần, khắp cả trong quân đều mừng rỡ, đều sát quyền xoa tay xin hết sức vì Ngô đại-nhân đi giết giặc. Quế-Phương sai đem trâu rượu ra khao quân-sĩ, và sai cấp-phó cho thuyền-bè lương-thảo thức gì cũng đủ cả. Phùng-Ngọc bái-biệt Quế-Phương, sai Mã Tán, Vạn Nhân-Địch làm tiên-phong, cùng với lũ Mai Anh thống-lĩnh các tướng-sĩ, tới ra bên sông tế cờ, rồi phát hiệu súng kéo quân đi.

Thực là:

Trong tay mười vạn tinh-binh,
Tiếng chiêng dậy đất bóng tinh rợp trời.

(*Còn nữa*)

ĐÔNG-CHÂU

VĂN-UYỂN

DỊCH THƠ TÀU

Trường-can-hành (hai bài)
長干行 (二首)
(của LÝ THÁI-BẠCH 李太白)

妾髮初覆額。
Tóc em vừa chấm trán,
折花門前劇。
Trước cửa hái hoa chơi.
郎騎竹馬來。
Chàng cưỡi ngựa tre đến,
繞床弄青梅。
Quanh giường bỡn quả mai.
同居長干里。
Yêu nhau cùng làng ở,
兩小無嫌猜。
Bé nhỏ vừa đẹp đôi.

十四爲君婦。
Làm dâu năm mười bốn,
羞顏未嘗開。
Thẹn mặt chưa dám cười,
低頭向暗壁。
Cúi đầu vào vách tối,
千喚不一回。
Gọi mãi chẳng thưa lời.
十五始展眉。
Mười lăm mới dãn mặt,
願同塵與灰。
Vừa bén tiếng quen hơi.
常存抱柱信。
Bão-trụ một lòng thiếp,

望上望夫臺。
Vọng-phu mấy từng dài?
十六君遠行。
Mười sáu chàng đi xa,
瞿塘灩澦堆。
Thác Cù (1) đá lô-nhô.
五月不可觸。
Tháng năm thuyền chớ chạm,
猿聲天上哀。
Vượn hót lưng chừng trời.
門前遲行跡。
Trước cửa vắng người đi,
一一生綠苔。
Rêu xanh cỏ mọc dài.
苔深不可掃。
Rêu dầy không thể quét,
落葉秋風早。
Lá rụng gió thu rét.
八月蝴蝶來。
Tháng tám bướm bay về,
雙飛西園草。
Vườn Tây hoa đỏ loét!
感此傷妾心。
Cảm-cảnh luống đau lòng,
坐愁紅顏老。
Má-hồng đành chịu kiếp.
早晚下三巴。
Chàng xuống quận Tam-ba,
預將書報家。
Đưa thơ gửi về nhà,
相迎不道遠。
Mừng-rỡ lên đường đón,
直至長風沙。
Thẳng đến Trường-phong-sa.

其二

Bài thứ hai

憶妾深閨裏。
Nhớ thiếp khi còn nhỏ,
烟塵不曾識。
Yên-trần đâu đã tỏ.
嫁與長干人。
Gả cho người Trường-can,
沙頭候風色。
Đầu Cát chờ tin gió.
五月南風興。
Gió nam thổi tháng năm,
思君下巴陵。
Chàng xuống quận Ba-lăng.
八月西風起。
Gió tây thổi tháng tám,
想君發揚子。
Chàng trầy sông Dương-giang.
去來悲如何。
Đi về nhớ bao nhiêu?
見少別離多。
Thấy ít, biệt-ly nhiều.
湘潭幾日到。
Sông Tương mấy ngày đến?
妾夢越風波。
Phong-ba thiếp cũng liều.
昨夜狂風度。
Đêm qua trận gió lốc,
吹折江頭樹。
Bờ sông cây gẫy trọc.
蒙蒙暗風邊。
Gió thổi nước ầm-ầm,
行人在何處。
Nhớ người đau chín khúc.

(1) Sông Cù-đường ở về tỉnh Tứ-xuyên huyện Phụng-tiết bên Tàu, có tên là núi Quảng-khê, đứng đầu « Tam-giáp » giữa một dòng sông, hai bên núi đứng, hòn đá Diệm-dư đứng ngang cửa sông, thuyền lên xuống chỉ sợ va vào là nguy-hiểm ngay.

好乘浮雲驄。
Cưỡi ngựa phù-vân này,
佳期蘭渚東。
Vượt miền Lan-chử đây.
鴛鴦綠蒲上。
Lá bồ uyên-ương đâu,
翡翠鄂屏中。
Bức bình phỉ-thúy bay.

自憐十五餘。
Nhớ thủa mười lăm tuổi,
顏色桃花紅。
Má-đào đỏ hây-hây!
那作商人婦。
Từ khi lấy chú Lái,
愁水復愁風。
Gió nước buồn tháng ngày.

NGUYỄN CHÍNH-TRỰC
(Cao-bằng)

THƠ CỔ

Ngôn ẩn thi-tập

(của Bằng Quận-công soạn)

Quận-công tên là Nguyễn Hữu-Chỉnh 阮有整, người Nghệ-an; đỗ hương-cống đời Hậu-Lê.

I

Trên đầu đã rối tóc hoa dâm,
Lẩn-thẩn còn chơi dám cát lầm.
Nẻo lợi-danh tuy giở bước,
Lòng trung-hiếu hãy bền cầm,
Khôn chửa đủ mũi kim cổ,
Dại nào lường mảy thiên-thâm.
Miễn trọn cho cùng nhân-sự chửa?
Thôi thôi rất lẽ thuận thiên-tâm.

II

Thong-thả nào thua khách Phú-xuân,
Kẻo trường danh-lợi bước chen chân.
Thâu đêm diễn trăng tri-kỷ,
Suốt ngày dậy gió cố-nhân.
Luống ngâm-nga câu bạch-tuyết,
Chi lẩn-thẩn đám hồng-trần.
Ai hay hay chửa chăng thời chớ,
Vạn-sự thâu này đã biết thân.

III

Tóc chen hai thứ chửa danh chi,
Thân hỡi là thân, thi hỡi thì!
Chửa trả chửa đền ân đệ-tử,
Thêm ngừng thêm tủi chí nam-nhi.
Kẻ yêu nên ít bề cao hạ,
Người ghét càng nhiều tiếng thị-phi.
Tay ắt khôn bưng vừa miệng thế,
Dãi lòng ngay thảo cạy thiên-tri.

IV

Cửa sổ buồn xem ngựa trắng qua,
Vừa khôn thời lại thấy vừa già.
Trước đã cậy lòng con cái,
Sau còn nhớ đức mẹ cha.
Giàu ở làng, sang ở nước,
No nên bụt, đói nên ma.
Sắc không chữ ấy âu vàng thiếp,
nghĩ lại thời là bằng cái hoa.

V

Nào hẳn nào là mặt cố-tri,
Giàu sang tìm đến khó tìm đi.
Bạc đen dạ chúng ta hay vậy,
Vàng đá lòng ta chúng biết chi.
Có phận ra người nên giữ phận,
Lỗi thì là đứa vụng tùy thì.
May ai nấy gặp chăng mà chớ,
Lỡ bước lầm chân cũng vậy vì.

VI

Của chẳng riêng ai vốn của đời,
Có thời ăn mặc, có thời chơi.

Bán buôn áo cũng bồ-nâu đỏ,
Hàng chợ cơm dù bát-sứ xôi.
Rượu uống tiêu-sầu năm bảy chén,
Thơ ngâm khiển-hứng một vài lời.
Bà-vương nhắm mắt làm chi nữa,
Lầm-lẫm trời đành đã có nơi.

VII

Thiệt chẳng một đứa đại chân-chân,
Tài-đức thua bên cả thánh-thần.
Cá nọ mèo tha đầy kẻ đuổi,
Lợn kia hùm bắt mấy người ngăn.
Tham-sinh cho kiệm lòng ưu-quốc,
Uý-tử nên nhiều dạ ái-thân.
Chữ phú mới hay đè chữ quí,
Chửa tin thời hãy nhắc đồng cân.

VIII

Ai có hay chăng là chẳng hay,
Lòng này vốn đã dạy thân này.
Kẻo lầm kẻo lỡ người yêu ghét,
Đà tỏ đà tường kẻ thảo ngay.
Xem nỗi thế-thời xem đã nhạt,
Bén mùi đạo-lý bén càng say.
Phải cơ mới biết cơ trời nhiệm,
Có rủi bằng dường lại có may.

Bản-chí sao-lục

THỜI-ĐÀM

Việc thế-giới. — *Việc sông Ruhr.* — Kỳ trước đã nói rằng vấn-đề sông *Ruhr* không phải là vấn-đề Pháp-Đức mà chính là vấn-đề Pháp-Anh giao-thiệp. Thật quả như thế. Nếu Pháp Anh đề-huề với nhau thì việc sông *Ruhr* sẽ giải-quyết ngay. Nhưng ngặt vì hai nước lại không đồng-ý nhau về cái vấn-đề ấy. Nay ta xét về ý-kiến của Chính-phủ Pháp và Chính-phủ Anh thế nào và hai bên khác nhau thế nào. Về phần nước Pháp ta đã biết; về phần nước Anh thì Tổng-lý Nội-các là ông STANLEY BALDWIN, về trung-tuần tháng 7 có diễn-thuyết ở Nghị-viện, đại-khái nói rằng: « Nước Đức xin điều-đình về việc sông *Ruhr*; Chính-phủ Anh sẵn lòng cùng với ba Chính-phủ Pháp, Tỉ và Ý trả lời chung cho Đức một thể. Về phần nước Anh, sẽ trình một bản dự-thảo bức thư trả lời cho Đồng-minh xét. Chủ-ý nước Anh chỉ là muốn giữ cuộc hòa-bình ở Âu-châu, và giữ tình thân-thiện với nước Pháp, mong rằng các Đồng-minh cũng đem một lòng ấy mà đối-đãi lại. Nước Anh trước sau vẫn cho việc chiếm-cứ sông *Ruhr* là thất-sách và bất-lợi; nay nghiệm ra quả như thế. Nước Đức thấy mỗi ngày một cùng-quẫn; đã cùng-quẫn thì lấy gì trả được các khoản bồi-thường? Thế vị-chi là bất-lợi cho Đồng-minh. Thế nào là thất-sách? Hòa-ước đã ký rồi, cuộc chiến đã đổi ra cuộc hòa mà còn đem quân-binh sang đóng ở nước người, thời đó là một cái tình-trạng phi-thường, phải liễu-kết cho mau, không thể để điêu-man mãi được, vì nếu để lâu thì không giải-quyết được việc gì mà lại có cơ lâm nguy cho cuộc hòa-bình trong thế-giới. Muốn bảo-thủ sự hòa-bình, thì phải tìm kế khác để mà giải-quyết các vấn-đề bồi-khoản, vấn-đề nợ của Đồng-minh với nhau, v. v.. Nước Anh cũng là đồng-ý với các Đồng-minh, muốn bắt nước Đức phải đền hết các khoản tổn-hại về việc chiến-tranh, và sức đền được bao nhiêu phải đền đến bấy nhiêu, cũng là có cách gì dùng để bắt đền được cũng không từ. Nhưng mà dùng những cách võ-đoán chỉ đủ hại cho nước Đức mà không lợi cho Đồng-minh, thì nước Anh quyết không dùng. Xem như trước khi chiếm-cứ sông *Ruhr*, nước Đức còn trả được ít nhiều, từ khi khởi-hành việc ấy, nước Đức lại càng cùng-quẫn, thì đủ biết.v.v.»

Ấy ý-kiến của Chính-phủ Anh do ông Tổng-lý Nội-các tuyên-bố như thế. Tuy nói rằng vẫn muốn giữ tình thân-thiện với nước Pháp, nhưng kỳ-thực là trái ý nước Pháp hẳn. Theo như lời tuyên-bố ấy, Chính-phủ Anh có gửi cho các Đồng-minh một bản dự-thảo tờ trả lời cho Đức về vấn-đề sông *Ruhr*. Chính-phủ Pháp xét rồi trả lời lại, cũng tuyên-bố rõ cái ý-kiến của nước Pháp, đại-khái nói rằng: « Vì nước Đức cố ý trây-lười

không muốn trả, sai hết hẹn ấy sang hẹn khác, nên hai Chính-phủ Pháp và Tỉ bất-đắc-dĩ phải thi-hành điều-ước mà đề-binh sang đóng hạt *Ruhr* để làm của tin vật đợ. Hồi nước Pháp và nước Tỉ khởi-hành việc ấy, nước Anh ư-pháp-luật-thượng không hề có phản-đối gì; nay sự đã dĩ-nhiên, thủy-chung chỉ là bởi nước Đức. Nước Đức còn ra sức kháng-cự thì mọi sự còn chưa thể điều-đình. Hễ nước Đức thôi kháng-cự thì nước Pháp cũng sẽ nới quân-pháp, và nước Đức thuận trả được phần nào, nước Pháp sẽ rút quân về phần ấy. Còn nước Anh bàn nên dự-định một cái tổng-chương-trình liễu-kết cả các khoản tài-chính về việc chiến-tranh, thì nước Pháp hỏi rằng trong chương-trình ấy có sẽ tính cả các khoản nợ của Đồng-minh với nhau không. v.v.»

Tình-hình việc giao-thiệp nước Pháp với nước Anh hiện nay còn phân-vân như thế. Coi đó thời hai phương-diện vẫn còn trái nhau; hai nước có điều-đình xong thì việc sông *Ruhr* mới giải-quyết xong.

*
* *

— *Tổng-thống nước Mĩ mới tạ-thế*. — Ngày mồng 3 tháng 8, ông Tổng-thống nước Mĩ HARDING tạ-thế ở thành *San Francisco* (Tân-Kim-sơn) đương giữa cuộc vận-động về việc bầu-cử. Không thấy nói ông có tật-bệnh gì, hốt-nhiên thấy tin chết như thế, ai cũng lấy làm lạ. Điện nói rằng ông chết về bệnh tim, nhưng chắc là chết mau lắm, không ai ngờ; vì ông đương đi kinh-lược ở miền Tây nước Mĩ và cổ-động về việc bầu-cử Tổng-thống sang năm, ông tuy có khó ở một chút, nhưng còn có sức đọc được 60 bài diễn-thuyết, không ai tưởng chết chóng như thế.

Ông tên là WARREN GRAMALIET HARDING, được bầu làm Tổng-thống nước Mĩ Hoa-kỳ ngày 2 tháng 11 năm 1920, được 391 vé trong 531 người đi bầu. Các báo tây nói rằng ông đáng làm mẫu về hạng người « tự-lập-thân » (*Self-made man*). Ông xuất-thân rất hàn-vi, làm một người làm công thường, rồi sau làm đến chủ-bút và chủ-nhân tờ báo *Marion Daily Star*. Ông người đất *Ohio*, là nơi đã sinh-sản được nhiều những tay chính-trị giỏi, như TAFT, MAC KINLEY, HERBICK. Ông thuộc về đảng cộng-hòa.

Theo hiến-pháp nước Mĩ thời Chánh Tổng-thống quá-cố đi, Phó Tổng-thống tiến-thị lên thay. Phó Tổng-thống bây giờ là ông CALVIN COOLIDGE, cũng trúng cử ngày 2 tháng 11 năm 1920. Ông cũng thuộc về đảng Cộng-hòa. Có người đã ví ông như tổng-thống LINCOLN khi xưa, « tính lãnh-đạm, nghiêm-khắc, không dung những kẻ quấy rối. » Xưa ông làm tổng-đốc tỉnh *Massachussets* đã ra tay phá được tan đảng quá-khích thứ nhất ở nước Mĩ. Từ nay cho đến ngày bầu tổng-thống mới, bao nhiêu chính-quyền trong nước là ở tay ông.

Tử-hài ông cố-tổng-thống HARDING đem về đô-thành *Washington* làm quốc-táng.

Các báo thuật về sự-nghiệp ông HARDING trong ba năm làm tổng-thống, nói rằng ông đã có những công như sau này: Ký hòa-ước với nước Đức (vì Mĩ không cùng Đồng-minh ký hòa-ước thành *Versailles*); họp Hội-nghị Hoa-thịnh-đốn để giảm võ-bị về hải-quân; duyệt điều-ước về việc chiến-tranh, gọi là điều-ước của bốn Thủ-tướng (Pháp, Mĩ, Anh, Ý); ký điều-ước với nước *Colombie* (Nam-Mĩ); duyệt lại các ngạch thuế; xướng một cái chính-sách khoan-dung hơn về các nông-nghiệp-ngân-hàng đặt ra một tòa coi riêng về việc dự-toán; tăng-gia các khoản trợ-cấp cho những lính bị-thương và tàn-tật; khiến nước Mĩ tham-dự vào tòa « Quốc-tế Thẩm-phán ».

Chính ông HARDING là kế chân ông Tổng-thống WILSON đã có phần to trong việc chiến-tranh và việc nghị-hòa.

*
* *

— *Hòa-ước thành Lausanne*. — Hội-nghị thành *Lausanne* đã xong việc, hòa-ước đã ký ngày 25 tháng 7, thế là việc giao-thiệp Thổ-nhĩ-kỳ với Hi-lạp và Đồng-minh từ nay được êm-thấm, vấn-đề Cận-Đông được tạm giải-quyết trong ít lâu vậy. Nói rằng tạm giải-quyết vì xem chừng ra cũng chưa giải-quyết được hẳn. Miền Đông đất Âu-lục xưa nay vẫn cho là cái hỏa-sơn về đường chính-trị, có khi tạm tắt trong ít lâu, rồi lại phun lửa không biết chừng.

Hai nước có quan-hệ nhất trong việc giao-thiệp vừa rồi, là nước Thổ và nước Hi thì tỏ ra ý bằng lòng cả, không biết bằng lòng thật, hay là làm ra cách như thế. Thủ-

tướng Thổ-nhĩ-kỳ MOUSTAPHA KEMAL điện cho chánh-phái-viên Thổ ở *Lausanne* là ISMET PACHA khen rằng đã khéo thương-thuyết giỏi, giữ được quyền-lợi cho nước. Chánh-phủ Hi-lạp thời tuyên-bố trong nước rằng chánh-phái-viên nước Hi ở *Lausanne* là VENIZELOS thật đã có công cứu-quốc. Nay xét đến các báo của Đồng-minh thời báo *Times* nước Anh nói rằng hòa-ước này thật là tỏ ra nước Anh công-bằng và rộng lượng (tức là cái ý : lấy không được tha làm phúc, chứ cổ-lai trong việc giao-thiệp có ai công-bằng và rộng lượng với ai ?) Báo *Daily Telegraph* nước Anh nói rằng nước Thổ nay đã được toàn-quyền độc-lập, nay thử xem dùng quyền ấy thế nào, lại nói rằng hiện nay còn có nước ngoài thù-hiềm nước Thổ, không biết sau này xảy ra thế nào. Báo *Chronicle* (nước Anh) nói rằng cuộc nghị-hòa này là nước Thổ được toàn-thắng. Báo *Journal* (nước Pháp) nói rằng hòa-ước này còn để khuyết nhiều vấn-đề chưa giải-quyết xong, và mỗi vấn-đề ấy cần phải điều-đình ngay mới được. Báo *Gaulois* (nước Pháp) cũng nói rằng mọi việc chưa giải-quyết xong, nhất là về phần riêng nước Pháp và nước Pháp nên thừa lúc tạm yên này để điều-đình với nước Thổ cho xong các việc ấy. Báo *Echo de Paris* (nước Pháp) nói rằng hòa-ước này là Đồng-minh thua nước Thổ, chứ chẳng gì cả ; báo *New York Times* và báo *World* nước Mĩ cũng đồng một ý ấy.

Nói tóm lại thời hòa-ước này là nước Thổ được lợi hơn nhất, dẫu có phải châm chước mà chịu thiệt những khoản nhỏ-nhỏ, nhưng mà giữ được lĩnh-thổ hoàn-toàn, giữ được toàn-quyền độc-lập, thế là hơn nhất cả. Nước Thổ sau cuộc chiến-tranh, gần mất tên hẳn trên bản-đồ Âu-châu, chỉ còn thoi-thóp không thành một nước nữa, thế mà nhờ cái nghị-lực của mấy tay chí-sĩ, nay khôi phục được nước nhà, nghiễm-nhiên sánh vai với liệt-cường Âu-Tây ; bọn MOUSTAPHA KEMAL, ISMET PACHA, thật là những người đã có công cứu-quốc vậy. Nay hãy biết rằng nước Thổ được toàn-quyền độc-lập, còn sau này dùng cái quyền ấy thế nào, thời đó là việc riêng nước ấy, tờ báo kia há phải lo thay?

Quốc-hội nước Thổ đến ngày 11 tháng 8 họp và đến ngày 20 thì đem ra thảo-luận và duyệt-y hòa-ước. Sau khi quốc-hội Thổ duyet-y rồi, thì quân Đồng-minh hiện đóng ở *Constantinople* sẽ rút về, hạn trong sáu tuần lễ. Hiện ISMET PACHA ở *Lausanne* về đương cùng với tướng HARRINGTON nước Anh coi quân Đồng-minh điều-đình về việc đó.

. . .

— *Cái khuynh-hướng của thế-giới về đường chính-trị thế nào?* — Nghe nói những chuyện nước Thổ-nhĩ-kỳ, nước Hi-lạp, nước Đức, nước Anh, hoặc có người cho là câu chuyện viển-vông, không thiết-thực gì cho người mình, không quan-hệ gì đến nước mình, không bằng những chuyện quan-lại thăng-chuyển, chuyện ông phủ nọ bị khổ-sai, ông huyện kia án hối-lộ, ông hàn này dốt đặc cán mai, ông phán kia chơi gái bị đòn. Những chuyện sau ấy có lẽ cũng quan-hệ thật, nhưng chưa ắt là quan-hệ hẳn, tùy cái phương-diện người quan-sát vậy. Duy nước mình từ xưa đến nay đóng cửa ngồi yên, không biết gì đến việc thế-giới, nên tiến-hóa chậm kém người, nay cũng phải nhòm qua ra ngoài lũy tre hàng rào mà rộng xét đến việc thiên-hạ một chút, dẫu không có trực-tiếp-quan-hệ, cũng là gián-tiếp-ích-lợi vậy.

Nay việc thế-giới phân-vân như thế, nhà triết-lý muốn đứng cao lên mà xét cái đại-thế cùng cái khuynh-hướng thế nào, có thể dò được không? Bác-sĩ GUSTAVE LE BON là người có tiếng nghiên-cứu về các vấn-đề xã-hội, chính-trị, có một bài luận trong báo tây xét về cái khuynh-hướng cuộc chính-trị trong thế-giới. Lời bàn rằng :

«Thợ hỏa-xa nước Tỉ mới rồi bãi-công; ở nước Pháp, nước Anh, và nhiều nước khác nữa, cũng từng thấy bãi-công như thế ; đó là một cái triệu-chứng về cái lòng dục-vọng của công-chúng. — Sự bãi công ấy phần nhiều không phải là sự cãi-cọ về tiền công cao hay thấp, chính là bởi bọn thợ muốn can-thiệp đến quyền chính-trị. Cứ xem như cái chủ-nghĩa họ đều xướng lên : nào là mỏ của thợ mỏ, xe-lửa của thợ xe lửa, bọn lao-động phải có chủ-quyền, v.v., thì đủ biết. — Ngày nay xét ra thời các dân-tộc, các Chính-phủ, thật có ý khuynh

hướng về đường chuyên-quyền, chuyên-chế, Dầu trong «đảng xã-hội cực-đoan», như đảng cộng-sản nước Nga, tuy gọi là chính-quyền ở trong tay nhiều người, nhưng thực cũng chỉ có mấy tay đầu đảng chuyên-chế. Quyền chuyên-chế ấy, công-chúng cũng cam-tâm chịu. Mà thực ra công-chúng xưa nay chỉ quen người ta chuyên-chế mà thôi. Có lập ra những hội liên-hợp, tựa-hồ như ai cũng bình-đẳng cả, nhưng kỳ-thực cũng chỉ có mấy người đứng đầu chủ-trương hết-thảy; công-chúng được cái danh có quyền, mà không có thực quyền, nhưng công-chúng vốn khở-dại, được cái hư-danh cũng đủ mãn-nguyện rồi.

« Vậy thời bọn thợ ngày nay, không những yêu-cầu được cao công, mà lại muốn phá-hoại cái xã-hội tư-bản, để thu lấy chủ-quyền cho bọn mình, thành ra ở trong xã-hội mà phản-đối với xã-hội. Mơ-tưởng rằng có thể liên-hợp cả bọn thợ trong các nước, mà gây cái nền hòa-bình trong thế-giới. Nhưng không biết rằng cứ cái gương lịch-sử xưa nay, dân-quyền nhiều khi lại hiếu-chiến hơn quân-quyền. Trong khi bọn thợ gây ra cái quốc-tế-phong-trào như thế (phong-trào này cũng chưa lấy gì làm mạnh lắm), thời cái quốc-gia-chủ-nghĩa ở các nước lại đột-khởi lên mạnh lắm. Các dân-tộc, về việc quyền-lợi, về sự hiềm-thù nhau, càng ngày càng lìa-cách nhau, đặt quân-đội rất mạnh, quan-thuế rất nặng, để phòng-bị lẫn nhau. Trên các công-sở ta, vẫn còn đề ba chữ: Tự-do, Bình-đẳng, Bác-ái; nhưng lòng bác-ái trong nhân-loại đã tiêu-diệt đi lâu rồi.

« Công-chúng đời nay hay mơ-mộng những sự viển-vông như thế, là bởi nhiều cớ. Đây ta không thể xét hết được, duy có một nguyên-nhân quan-hệ, là các Chính-phủ đã không đủ sức ngăn được một sự chiến-tranh tai-hại, lại không đủ sức kết được một cuộc hòa-bình vững-vàng. Phàm chính-phủ, phải có quyền mới đứng vững được, đã vô-lực thời có cũng như không. Mà chính-phủ đến mất quyền cũng bởi nhiều cớ, thứ nhất là có thua trận. Khi ấy thời đổ ngay lập-tức, như Đế-chính ở nước Pháp sau trận *Sedan*, Đế-quyền ở nước Nga sau hồi thất-bại, quân-chủ ở nước Đức sau cuộc chiến-tranh vừa rồi. Lẽ đó là lẽ thường: một nước đã phải thất-bại tất đem lòng oán giận kẻ cầm quyền trong nước mà không muốn dung nữa. — Đến như nước thắng-trận thời tất là oai-quyền được thêm lên, nhưng mà phải có «thực thắng», chứ không một « danh thắng » mà đủ. Nay nước Pháp được thắng-trận, điều đó đã cố-nhiên rồi, nhưng mà xét ra kết-quả sự thắng-trận ấy không được rỡ-ràng lắm. Nước Pháp được thắng mà phải lầm-than hơn nước Đức bị thua. Bồi-khoản không được đồng nào, mà chính mình phải tu-bổ lấy những quận-huyện bị tàn-phá, hiện nay đã kinh-phí mất 80 ngàn triệu rồi. Nước Đức tuy cũng bị nghèo sút đi, nhưng còn không bằng nước Pháp. Người Đức tên là PARVUS đã nói rằng: « Về đường « tài-chính, nước ta chửa đến nỗi nào, « kẻ còn hơn các nước được trận. Những « nước ấy bắt ta phải nộp những trọng-« khoản, nhưng cũng tự bắt mình phải « kinh-phí nhiều về quân-bị. Những khoản « họ bắt ta phải nộp còn có hạn, chứ « những khoản binh-phí của họ thì mỗi « ngày một bành-trướng đến vô-cùng. « Ngoại-giả, ta mỗi năm lại còn dành được « 50 vạn người, không phải giam-hãm « ở trong các trại lính, ăn dưng ngồi rồi, « mà có thể đem dùng ra công-nghệ, « mỗi năm chế-tác ra các đồ vật trị-giá « tới 2 ngàn triệu mã-khắc vàng. »

« Nước Pháp trước bị nước Mĩ, sau bị nước Anh bỏ nốt, càng ngày càng thấy thế cô, không khỏi nguy-hiểm, nhất là sợ về ngoại-địch xâm-nhập lần nữa. Lại tình-hình nước Pháp đối với các bạn Đồng-minh cũ cũng không được ổn-thỏa. Một nhà làm sách nước Anh, ông KEYNES, tuy xưa nay không có cảm-tình với nước Pháp, mà cũng đã phải nói rằng: «Nước Pháp tuy thắng-trận mà phải « nợ Đồng-minh gấp bốn lần số bồi-khoản

« năm 1870 thua trận phải nộp nước Đức.
« Bàn tay sắt của Tỉ-ti-mạch (Bismarck) đối
« với nước Pháp còn êm hơn là các Đồng-
« minh đối với ban cũ. »

« Vậy thời những nỗi bất-bình trong thế-giới bây giờ thật là nhiều lắm, cảng khiến cho bọn thợ náo-động, muốn thừa-cơ cướp lấy chủ-quyền. Song nên nhận biết rằng chính bọn thợ ấy cả tiếng yêu-cầu như thế, về đường tài-chính không phải có chịu khổ chịu hại vì việc chiến-tranh chút nào đâu. Không những không phải chịu khổ chịu hại mà sau cuộc chiến-tranh lại thấy được dư-dụ hơn trước nhiều; còn bọn trung-đẳng xã-hội cũ mới thật là bị khổ lắm. Cứ xem mấy số-mục như sau này thì đủ biết. Người làm công, người làm thợ bây giờ, được công cao hơn khi chiến-tranh gấp bốn năm lần, còn những người làm các « nghề tự-do » thì số sở-đắc không hơn trước được một phần ba. Có nhiều hạng thợ, như thợ chữa bài in, có người làm một ngày được bốn-mươi quan. Đến những người có vốn đặt vào nhà nước, để vào việc buôn-bán hay việc công-nghệ, thời tình-cảnh eo-hẹp lắm. Ví như một người cả đời làm việc cặm-cụi, đến sáu-mươi tuổi nghỉ-ngơi, để dành được sáu nghìn quan lợi-tức mỗi năm (là nói vào hạng phong-lưu đó). Muốn cho chắc-chắn thời tiền vốn ấy gửi vào Nhà-nước hay mua phiếu xe lửa v. v. chắc thời có chắc thật, lãi bao nhiêu mỗi năm thu được bấy nhiêu thật, nhưng mà giấy bạc đã giảm giá đi tới hai phần ba rồi, thành ra sáu nghìn quan một năm chỉ đáng bằng hai nghìn mà thôi. Người thợ không phải những nông-nổi thế : giá bạc giảm đi bao nhiêu thì tiền công họ cao lên bấy nhiêu.

« Ta bàn xa như thế, có lẽ lạc mất cái đầu bài này : là xét về cuộc chánh-trị trong thế-giới bây giờ có ý xoay về đường chuyên-chế. Ta đã nhận thấy cái khuynh-hướng ấy trong bọn bình-dân, bọn thợ-thuyền ; nay ta thử xét trong những bọn cầm quyền chính-phủ xem thế nào. Ta nghiệm ra các chính-đảng cũ bây giờ tan-nát cả. Đảng nào cũng có cái vẻ cũ-kỹ, như đến ngày cùng-tận. Nào là đảng cấp-tiến (*radicaux*), nào là đảng liên-hiệp xã-hội (*socialistes unifiés*) cho đến đảng cộng-sản (*communistes*) và nhiều các đảng khác nữa tựa-hồ như nói một thứ tiếng không hợp-thời nữa, ít cảm được ai nữa. Những vấn-đề mấy năm trước kịch-liệt biết là bao nhiêu, bây giờ sánh với những vấn-đề hiện-thời chỉ đủ khiến cho người ta lãnh-đạm. Nào những chuyện chính-giáo phân-ly, chuyện phản-đối Giáo-hội, chuyện đặt trường học và nhà thương ra ngoài quyền Giáo-hội, chuyện đuổi các giòng tu-hành ra ngoài nước Pháp, v. v., mươi mười lăm năm trước nghị-luận biết là bao nhiêu, bây giờ thử hỏi còn ai chú-ý đến nữa ? — Không những ở nước Pháp như thế, ở các nước khác, các chính-đảng cũ cũng suy-đồi như thế. Như cái lối chính-trị cũ của nước Anh bây giờ cũng không thể thực-hành được nữa. Nào cái chủ-nghĩa « ngang - nhiên độc-lập » (*splendid de isolement*), cái chủ-nghĩa giữ chủ-quyền trên bể, cái chủ - nghĩa làm chúa-tể Đông-phương, của nước Anh hồi trước, bây giờ có giữ được hoàn-toàn nữa không ? — Nhưng mà phàm các chủ-nghĩa đã quá-độ, cũng như các thần-thánh đã lâu đời, có yên phận chết đâu. Trước khi tiêu-diệt còn muốn chống-chỏi. Bởi thế nên ta thường thấy những đảng cũ tham - bác những chủ-nghĩa mới, có khi là những chủ-nghĩa rất kịch-liệt, để cố giữ lấy cái thế-lực xưa.

« Trong khi các chính-đảng còn phân-vân cãi-cọ nhau, thời các Chính-phủ phải hành-động. Dân-chúng thường chậm-chạp và vô-lực, các thủ-tướng không thể nhất-nhất đợi dân-ý, phải chuyên-quyền để làm việc nước. Trong một tòa Nội-các, xưa kia tổng-trưởng các bộ là bằng-đẳng nhau, nay chẳng qua là tùy-thuộc cả một viên thủ-tướng tổng-lý Nội-các. Quyền chuyên-chế ấy do tự hồi chiến-tranh, không kém gì quyền chuyên-chế của các quân-chủ đời xưa, chỉ có một điều khác, là vua chuyên-chế ngày xưa duy có cách-mệnh mới đánh đổ được, mà thủ-tướng chuyên-chế ngày nay thời chỉ một cái vẻ bàu của Nghị-viện đủ đánh đổ được. Như Lloyd George nước Anh, trong mấy năm cầm quyền chuyên-chế nước Anh, lại nghiễm-nhiên chuyên-chế cả Âu-lục, nhân thất-bại về việc Đông-phương, nhất-đán phải Nghị-viện đánh đổ. — Từ xưa đến nay, Nghị-viên đã quyết-nghị không tín-dụng, thời các thủ-tướng đều phải vâng chịu. Nay lại thấy giở ra một cách khác, bắt đầu tự nước Ý. Thủ-tướng nước ấy là Mussolini, nhờ thế-lực và binh-

lực của đảng « pha-xi » (*fascisme*), công-nhiên không cho nghị-viện vào đâu cả ; có lẽ sau này nghị-viện cũng khó mà đánh đổ được Nội-các.

« Nhưng cái chính-sách chuyên-chế đối với trong nước thời được, đối với ngoài không được nữa; vì quyền-lợi các dân-tộc bây giờ liên-lạc với nhau rất mật-thiết. Muốn giải-quyết những vấn-đề có quan-hệ chung đến nhiều nước, thì phải dùng những lối chính-phủ chung, như các hội-nghị, các ủy-hội, Hội Vạn-quốc, v. v.. Cách ấy tuy chưa thấy hiệu-quả gì cho lắm mà ngày nay thịnh-hành lắm. Từ khi ký hòa-ước đến giờ, đã họp tới 15 cái quốc-tế-hội-nghị rồi. Hội-nghị trứ-danh nhất là Hội Vạn-quốc. Hiện nay chưa có thế-lực gì, nhưng đến ngày có đủ quyền-lực, có đủ sức mạnh quyết-định điều gì bắt thi-hành được điều ấy, thời Hội Vạn-quốc sẽ là một cái « siêu chínhphủ » (*supergouvernement*) cầm quyền giám-đốc cả thế-giới. Các nhà chính-trị Âu-châu không nghĩ tới đó, duy có nước Mĩ dự biết trước, nên nước Mĩ nhất định không tham-dự vào Hội Vạn-quốc, cho rằng không có lẽ một cường-quốc lại chịu mất chủ-quyền của mình mà phải theo mệnh-lệnh của một hội-nghị họp những nước ngoài. Hội Vạn-quốc của tổng-thống WILSON mơ-mộng (bởi quốc-dân Mĩ không thuận, nên tổng-thống không được tái-bầu), nếu mà thành được thời trở nên một cái quyền chuyên-chế rất mạnh, cho nên trong liệt-cường không nước nào có ý đậm cả.

« Trong các lối chuyên-chế đời nay, có một lối nguy-hiểm nhất, khó chịu nhất, là lối chuyên-chế của đảng xã-hội, mỗi ngày một thắng-thế. Nước nào mà phải cái quyền chuyên-chế ấy thì khổ không biết bao nhiêu. May nước Pháp có một đảng nông-dân ít nhiễm những cái tư-tưởng quá-khích, nên ít sợ sự nguy-hiểm ấy. Của-cải nước Pháp là ở về phần dân quê nhiều. Đối với người dân quê, đồng phật-lăng muốn cao muốn hạ cũng chẳng hề gì. Lúa mì, đường, bò, cừu, bao giờ bán cũng đắt. Bọn nông-dân ấy trong khi chiến-tranh đã được lợi nhiều, mua được ruộng đất nhiều, bây giờ chỉ muốn được yên-ổn để giữ lấy của-cải mình. Nông-dân không phải cần đến ai, mà ai cũng phải cần đến nhà nông. Các xã-hội trong khi chiến-tranh và từ khi chiến-tranh đến giờ bị các đảng quá-khích, đảng các-mênh nhiễu-loạn, cũng nhờ có bọn nông-dân mới không đến nỗi điên đảo cả. Người thợ hay khinh người nhà quê, không biết rằng quê-mùa cục-mịch mà khôn ngoan vô-cùng. Tôi không bao giờ trông thấy một người chủ trại quản-lý vườn ruộng khéo mà không nhớ đến cái câu nói của một ông thượng-thư nước Anh rằng : « Người nào quản-trị được một cái trại lớn thời cai-trị được cả Ấn-độ. »

Thế là ngày nay cũng như ngày xưa, muốn sự chính-trị kinh-tế chẳng qua lấy nghề nông làm gốc cả. Các tiên-dân ta ngày xưa riêng trọng nghề nông, có lẽ là sành cái thuật phú-quốc an-dân hơn các nhà chính-trị đời nay chăng ?

Việc Á-đông. — *Việc nước Tàu.* — Các chính-đảng xem như đồng lòng nhau định đến hạ-tuần tháng 8 thì bầu Tổng-thống và tuyên hiến-pháp. Ngô Bội-Phu chú-ý về việc bầu-cử này lắm, đã có giấy chu-tri mời các nghị-viên làm cho mau xong. Tào Côn cũng lập hội-nghị các nhà quân-phiệt và các nhà chính-trị có thế-lực để dự-bị về việc ấy.

Trong nghị-viện càng ngày lại càng muốn phân-lìa ra nhiều phái. Một phái đã dời Thiên-tân ra Thượng-hải, định lập hội-nghị ở Hồ-bắc.

Trong khi ấy thời giặc-giã ở các tỉnh vẫn như cũ, vẫn ngăn đường xe-lửa, bắt các hành-khách để lấy tiền chuộc. Bọn giặc mấy tháng trước bắt người ngoại-quốc ở Lâm-thành, đã thành một việc giao-thiệp to gọi là « cái án Lâm-thành » (*Lin-tcheng*), bây giờ cho sáp-nhập vào quan-quân, lại dùng để giữ đường xe-lửa, mà tướng giặc thời cho làm chức tổng-binh : cái cách đãi giặc như thế thì chỉ ở nước Tàu mới

có tưởng không còn có đâu nữa. Chính-phủ đã vô-lực đến như thế, bọn thổ-phỉ còn có sợ gì nữa. Làm giặc chán rồi, lại làm quân Nhà-nước, có việc gì mà ngại. Mới rồi đây lại có một bọn giặc vào phá đất *Shi-kang* (không tra rõ chữ nho là gì) đốt mất nghìn cái nhà, bắt mất 120 người, cả người già con trẻ. Theo lệ thường, giặc đi rồi quan-quân mới đến.

Đối với cái tình-hình nhiễu-loạn như thế, các ngoại-quốc có quyền-lợi ở Tàu đã lấy làm sốt ruột. Có người bàn rằng liệt-cường nên cử mỗi nước mấy người đặc-phái toàn-quyền để họp một quốc-tế-hội-nghị xử-trí việc nước Tàu. Hội-nghị ấy sẽ họp ở nước Tàu, sẽ có binh-lực giúp, sẽ thành như một Chính-phủ cao hơn Chính-phủ Tàu và có quyền giám-đốc Chính-phủ Tàu ; nói tóm lại là một cách gián-tiếp bảo-hộ nước Tàu đó mà thôi. Cách ấy chắc người Tàu không lấy làm hoan-nghênh, vì một nước đã đến bị bảo-hộ một cách gián-tiếp như thế thì không khác gì là mất chủ-quyền rồi. Một nhà báo Tàu kia bàn rằng có một cách làm cho nước Tàu chóng phải chỉnh-đốn lại, không cần phải liệt-cường can-thiệp đến nội-chính nước Tàu mà xâm-phạm vào chủ-quyền nước Tàu : cách ấy là các công-sứ ngoại-quốc nên tuyệt-giao với Chánh-phủ Tàu bây giờ, cho rằng Chính-phủ đã không đáng là một Chính-phủ thì ngoại-quốc không thèm giao-thiệp với nữa, như người ta mà không đủ nhân-cách, thì không ai thèm chơi với nữa. Nếu liệt-cường hết thảy « tẩy chay » nước Tàu như thế, thì bọn quân-phiệt, bọn chính-khách mới tỉnh-ngộ, mới sáng mắt ra, biết xấu-hổ với thế-giới và sẽ phải hiệp-lực nhau lại mà chỉnh-đốn việc nước.— Kế ấy không biết có thực-hành được không, vì trong liệt-cường nước nào là chịu ngồi không không can-thiệp, nhưng lời bàn cũng mới lạ, và nghe ra cũng hứng-vị thay.

Hiện nay thời về phía Bắc xem chừng ra đương nhóm một cái phong-trào bài-ngoại. Còn cái phong-trào đề-chế đồ Nhật và công-kích người Nhật thời vẫn càng ngày càng dữ. Người Nhật đương lo cách phòng-bị và phản-đối lại. Tại tô-g ới Nhật ở Thiên-tân, quan Nhật cấm không cho bán nhật-trình Tàu. Hội Liên-hợp các báo-quán Tàu đã gửi giấy kháng-nghị cho Chính-phủ Bắc-kinh. Lại Công-sứ Tàu trụ-trát ở Nhật-kinh báo-cáo về ngoại-giao-bộ Tàu rằng Chính-phủ Nhật quyết dùng võ-lực để ngăn sự đề-chế và đương thương-thuyết với hai nước Anh Mĩ về các kế-doạch định thi-hành.

Coi đó thời vấn-đề nội-loại nước Tàu thêm một vấn-đề Nhật-Hoa giao-thiệp nữa, lại càng bối-rối hơn.

. . .

— *Dư-luận Nhật đối với nước Tàu.* — Đối với vấn-đề Nhật-Hoa giao-thiệp ấy, dư-luận nước Nhật thế nào ?

Báo *Kokumin* (Quốc-dân-báo) là tờ báo phản-đối với Chính-phủ Nhật và xưa nay vẫn có ý thân-thiện với nước Tàu, có đăng một bài đề là « Tàu khinh-thị Nhật », đại-khái nói rằng :

« Phong-trào đề-chế Nhật-hóa ở Tàu làm cho quốc-dân ta kinh-hoảng đến nỗi có người khuyên nên dùng võ-lực để chống-đối lại ; thiết-tưởng làm như thế là thất-sách. Nước Nhật mà dùng võ-lực thì Tàu ắt phải chịu ngay, nhưng mà chịu thì chịu, chắc không thôi đề-chế, vì sự đề-chế ấy bởi đâu mà ra ? Chính bởi nước Tàu khinh-thị nước Nhật. Muốn ngăn-ngừa cái phong-trào ấy thì phải xét bởi cớ sao mà người Tàu khinh-thị nước Nhật. Trong cuộc chiến-tranh mới rồi, người Tàu không có phản-đối nước Nhật dữ lắm, chỉ từ sau hội-nghị thành *Paris* và hội-nghị thành *Washington* là người Tàu lăng-mạ mình quá. Sự xuẩn-động về việc Sơn-đông cùng sự nhiễu-loạn ngày nay tỏ ra rằng cái ác-cảm của người Tàu đối với người Nhật càng ngày càng tăng lên, bởi vì rằng trong hai hội-nghị trên kia, nước Nhật đã mất thế-lực nhiều.

« Nước Tàu khinh nước Nhật, không phải tại sự giao-tế hai nước có khác xưa, chính là ở sự giao-tế nước Nhật với hai nước Anh Mĩ có thay đổi, nghĩa là chính bởi cái thái-độ nô-lệ của quan-quyền Nhật bản đối với hai nước Anh Mĩ ở hội-nghị *Paris*. Nước Nhật nhũn quá, bết

sức giữ lấy điều-hòa với bốn nước Anh, Mĩ, Pháp và Ý, thậm-chí xin có một điều «chủng-tộc bình-đẳng» bị bác đi mà vẫn không quyết-liệt. Đến hội-nghị *Washington* thời cái cảm-giác của người Tàu đối với người Nhật là cho nước Nhật ép-vế, kém không bằng nước Anh nước Mĩ. Bởi thế người Tàu mới đánh bao vận-động việc Sơn-đông và khởi ra phong-trào phản-đối người Nhật.

« Ở Hội-nghị *Washington* nước Nhật lại thất-thế-diện hơn là ở Hội-nghị *Paris*; nước Anh và nước Mĩ ép nước Nhật đến nỗi phải nhận cái điều-ước về hải-quân gọi là điều-ước « năm năm ba », nghĩa là hải-quân của Anh và của Mĩ năm phần thì Nhật chỉ được ba phần; không những thế mà thôi, hai nước ấy muốn hạn-chế cái thế-lực của nước Nhật ở Á-Đông, lại ép nước Nhật ký điều-ước gọi là điều-ước chín «Liệt-cường», theo điều-ước ấy thì nước Nhật muốn thi-hành cái chính-sách gì ở Tàu phải hỏi ý cả mấy nước cùng ký ước với mình. Những cách nhục như thế, nước Nhật cứ cúi đầu chịu cả, nước Tàu trông thấy thế lại càng khinh giả. Dân Tàu ác-cảm với người Nhật là đáng trách thật, nhưng mà người đương-đạo nước Nhật để cho nước phải xuống cái địa-vị đê-liệt như thế, lại còn đáng trách hơn biết bao! Trong bọn các nhà chính-trị ấy có thủ-tướng KATO và ngoại-tướng UCHIDA là hai người có trách-nhiệm nặng hơn nhất. Dân Tàu không có ngu-dại gì mà không biết rằng nước Tàu không thể lấy võ-lực chống với nước Nhật được; cũng không ngu-dại gì mà không biết Mĩ hiện nay mạnh hơn Nhật, Tàu chắc được Mĩ giúp thì muốn ngạo-mạn Nhật thế nào cũng được.

« Tuy sự đã hiển-nhiên như thế mà thủ-tướng với ngoại-tướng đi đến đâu cũng tuyên-bố rằng Hội-nghị *Washington* có lợi cho Nhật, lợi chẳng thấy đâu, chỉ thấy mỗi ngày thất-bại vì đó. Nay muốn cải-chính lại cái tình-thế ấy thì phải đổi Nội-các khác. Bao giờ nước Nhật lại mạnh thế như trước, không chịu lụy, không tùy-thuộc nước nào, nhất là đối với nước Mĩ cứng-cát hơn thì Tàu không dám khinh nữa, không dám khinh nữa thì không dám đề-chế, không dám công-kích, không dám phản-đối gì nữa. »

Việc trong nước. — *Quan Toàn-quyền Merlin đã tới Sài-gòn.* — Quan Toàn-quyền MERLIN đi chiếc tàu *André Lebon* cùng với các quan văn-phòng của Ngài, đã đến bến Sài-gòn hồi 4 giờ rưỡi chiều ngày mồng 9 tháng 8. Thế là Đông-Pháp từ nay có quan Toàn-quyền thực-thụ. Quan quyền Toàn-quyền BAUDOIN thời giao việc xong, ngày 11 tháng 8 xuống tàu về nghỉ bên Pháp. Quan BAUDOIN quyền giữ chức Toàn-quyền từ ngày 13 tháng 4 năm 1922, hồi quan Cố Toàn-quyền LONG về hội-thương bên Pháp, tháng 11 năm ngoái ngài đã đục-dịch về Pháp, chẳng may quan LONG mất nên phải ở đến ngày nay.

Quan MERLIN nay mới bước chân xuống đất nước ta, — lần thứ nhất, vì ngài chưa từng sang bên này bao giờ, tự xưa đến nay toàn cai-trị các thuộc-địa Phi-châu cả, — quốc-dân ta xin có lời kính-trọng chúc mừng ngài. Phận ta ở dưới quyền bảo-hộ của qui-quốc, qui-quốc phái sang bên này quan nào để thay mặt, chúng ta cũng sẵn lòng hoan-nghênh cả, chỉ ước-ao rằng ngài sẽ thi-hành những chính-sách hay cho ngót hai nghìn vạn con người được nhờ. Chỉ biết chúc mừng và trông cậy như thế, vì chắc rằng người của qui chính-phủ đã phái sang ắt là người tài-cán, sành-sỏi, chính-trực, khôn-ngoan không còn phải ngờ.

Dư-luận Tây bên này cũng đồng-thanh hoan-nghênh quan MERLIN cả, đại-khái là những lời chúc-tụng, lòng mong-mỏi như mỗi khi có quan Toàn-quyền mới đến. Báo *France-Indochine* có tóm một câu như sau này, đủ gồm được cả dư-luận của người Pháp ở đây đối với quan Toàn-quyền mới ta: « Cứ xét lí-lịch quan Toàn-quyền mới từ xưa đến nay thời có thể kỳ-vọng ở ngài được nhiều lắm, nhưng mà những công-việc đợi ngài ở đây cũng là khó-khăn và nặng-nề lắm. » Rồi báo ấy kể qua các việc công-chính, tài-chính, kinh-tế, dương đợi quan Toàn-quyền sang để thi-hành. Sau cùng nói đến việc dân-chính, nghĩa là cái chính-sách đối với dân bản-xứ, báo ấy có nghị-luận mấy câu, xin lược dịch như sau này:

« Vấn-đề dân-chính ở đây rất là khó-khăn phiền-phức, quan Toàn-quyền mới ta xưa nay chỉ tòng-sự ở Phi-châu, không biết đã tường-tất chưa. Vẫn biết rằng phần nhiều nhân-dân ở đây cũng không khó cai-trị gì

hơn những dân *Bambaras* hay là *Ouolofs* ở Phi-châu, nhưng mà ngoài những hạng quê-mùa mộc-mạc đó, đã có một hạng thương-lưu tri-thức càng ngày càng nhiều, càng ngày càng biểu rõ quyền-lợi mình, càng ngày càng có sức hoạt-động hơn. Không thể lấy những lời nói tốt, những câu hứa huyền mà làm cho bằng lòng bọn đó được. Tự quan SARRAUT đến nay, có thể nói rằng ở đây không có dân-chính mới. Quan LONG chỉ chuyên-chủ về đường lý-tài, đường tài-chính ; còn các quan Toàn-quyền quyền tạm, thời chẳng qua là theo cái phương-châm cũ, phương-châm ấy ngày nay xem ra không thích-hợp nữa rồi. Từ quan SARRAUT khởi-xướng ra bước đầu, rồi các bậc cai-trị về sau vẫn cứ thủ-thành, không tiến lên bước nào nữa, không biết rằng bọn thượng-lưu mình đã gây dựng ra ngày một nhiều lên, ngày một giỏi hơn, và cũng muốn được quyền-lợi chút-đỉnh. Khác nào như cái nồi nước đã để lên lửa đun mà không để chỗ hở cho hơi nước ra. Ta phải mau mau dùng cái chính-sách thế nào để làm chỗ thoát hơi cho cái nồi nước đương nóng, kẻo tức hơi mà bật cả nồi. Những phương-kế dùng được không có thiếu chi ; nên nghe những lời yêu-cầu của người bản-xứ thời biết rằng lòng dân không có cầu điều gì là trái với cái quyền bảo-hộ cả, trái với cái chủ-quyền của ta ở xứ này. Họ có trách mình là trách có hứa mà không giữ lời hứa, trách dung-nhân có kẻ không xứng-đáng, trách lãng-phí tiền công, trách có nhiều quan-lại không thực-thà, không xứng chức, v. v. Lòng họ mong-mỏi có thể thì có gì khó mà không làm cho thỏa được. Tiết-kiệm các khoản chi-tiêu là sự cốt-yếu trong việc lý-tài ; trừng-trị những kẻ tham-quan nhũng-lại, là cái nghĩa-vụ thứ nhất của các chính-phủ. Cho dân được tham-dự vào việc quản-lý tài-sản chung, được kiểm-sát các khoản chi-tiêu, bắt quan-lại phải thanh-liêm và đứng-đắn, nếu chính-phủ có bụng làm như thế, thì có gì là khó-khăn, và việc gì không thu-phục được lòng dân. Chứ nếu cứ di-du, cứ trì-hoãn, cứ thây-quách, cứ mặc-kệ, để khỏi bận đến mình, thời là gây ra cái hiểm-tượng về sau này đó... »

Coi đó thời biết công việc của quan Toàn-quyền mới ta cũng nặng-nề thật. Nhưng quan MERLIN không phải là người không đủ tài đủ sức đương được việc ấy. Ngài làm nên công-nghiệp ấy thời vẻ-vang cho ngài và cho Đại-Pháp biết bao nhiêu ! Quốc-dân ta rất lấy làm mong-mỏi lắm.

. . .

— *Cải-định quan-chế Bắc-kỳ.* — Nghị-định quan Toàn-quyền ngày 30 tháng 7 năm 1923 đã tuyên-bố để thi-hành mấy đạo chỉ-dụ của Hoàng-thượng ngày 7 tháng 6 năm 1923 cải-định quan-chế Bắc-kỳ và sửa-đổi điều thứ 12 và 13 bộ Luật Pháp-viện-biên-chế ở Bắc-kỳ.

Ngạch quan-lại Bắc-kỳ đã do chỉ-dụ ngày 26 tháng 12 năm 1918 tổ-chức lại hết-thảy. Nay chỉ cải-định và tăng-bổ mấy điều mà thôi. Những điều quan-hệ nhất là lập thêm ngạch thẩm-phán An-nam ở các tòa án tỉnh ;— giáo-học và thư-ký cũng được dự thi tri-huyện ; — mỗi năm quan Thống-sứ được đặc-cách bổ hai chức phủ-huyện ; — tri-châu được thi tri-phủ.—Còn những khoản khác thay đổi lại ít nhiều, không quan-hệ gì.

Điều thứ 11, 12, 13 và 14 trong chỉ-dụ đặt một ngạch thẩm-phán-quan (*mandarins judiciaires*), có chín hạng như sau này:

1) Thẩm-phán thượng-hạng siêu-đẳng (*juge principal hors classe*) ;

2) Thẩm-phán thượng-hạng hạng nhất (*juge principal de 1ère classe*) :

3) Thẩm-phán thượng-hạng hạng nhì ;

4) Thẩm-phán thượng-hạng hạng ba ;

5) Thẩm-phán hạng nhất (*juge de 1ère classe*) ;

6) Thẩm-phán hạng nhì ;

7) Thẩm-phán hạng ba ;

8) Phụ-biện Thẩm-phán (*juge auxiliaire*);

9) Hậu-tuyển Thẩm-phán (*juge stagiaire*).

Chức cố-vấn ở Tòa Thượng-Thẩm sau này chỉ chọn trong hạng Thẩm-phán thượng-hạng siêu-đẳng và thẩm-phán thượng-hạng hạng nhất mà thôi, và được hàm Tổng-đốc.

Các quan thẩm-phán thuộc quyền quan Công-sứ đầu tỉnh.

Những người ở Bắc-kỳ có bằng tiến-sĩ hay cử-nhân luật-khoa ở một trường Đại-học bên Pháp, được bổ hậu-tuyển thẩm-phán ; hậu-tuyển ít ra là 18 tháng, nhiều là 2 năm. Hậu-tuyển trong 2 năm phải biết đủ chữ nho để xem các công-văn thường, sẽ có hội-đồng sát-hạch. Nếu sát-hạch trúng và được quan đầu tỉnh tư đồng-ý với quan Nam-án-thủ-hiến thì được bổ thực-thụ, người nào có bằng tiến-sĩ được bổ thẩm-phán hạng ba, người nào có bằng cử-nhân được bổ phụ-biện thẩm-phán.

Còn chức-quyền của các quan Thẩm-phán mới thì theo như điều thứ 12, 13 bộ Luật Pháp-viện-biên-chế mới sửa lại, nghĩa là chỉ được làm những chức bồi-thẩm và dự-thẩm mà thôi, chức chánh tòa án đệ-nhị-cấp bao giờ cũng phải là quan Tây. Khi nào quan bồi-thẩm đã vào bậc thượng-hạng trở lên, bấy giờ quan Chánh-án tây mới có thể một đôi khi ủy-quyền cho xử một mình một vài việc đã hạn-định (vi-cảnh, khinh-tội, v. v.)

Lương-bổng ngạch thẩm-phán do quan Thống-sứ Bắc-kỳ định sau.

Điều thứ 18 có một khoản rộng cho cả các người làm thư-ký ở các sở nhà-nước và làm giáo-học đã được 10 năm mà tuổi chưa đến 40 được ra thi tri-huyện.

Điều thứ 24, cũng có một khoản nói rằng những chánh-tri-châu hạng nhất và hạng nhì đã làm chức ấy được hai năm mà thi đỗ thì được bổ tri-phủ hạng nhì.

Điều mới nhất là điều thứ 20, xin dịch cả toàn-văn như sau này :

« Khi nào có những viên-chức làm việc các sở thuộc về Chính-phủ Bắc-kỳ có công-lao đặc-biệt với Nhà-nước Đại-Pháp và nên thưởng-công, thì quan Thống-sứ Bắc-kỳ có thể châm-chước tình-thế, xét cái học-lực, công-cán và cái địa-vị của những người ấy, bổ cho làm tri-huyện hạng 3, hạng 2, hạng 1 và tri-phủ hạng nhì.

« Song những người ấy phải đã làm việc Nhà-nước trong 6, 8, 10 và 12 năm mới được bổ tri-huyện hạng 3, 2, 1 và tri-phủ hạng 2.

« Bổ dụng đặc-cách như thế, mỗi năm không được hơn hai người. »

Qui-chính-phủ Bảo-hộ đã có bụng hải-hà mở rộng đường sĩ-hoạn cho các ngài tòng-sự các công sở, từ nay ngài nào có « chi làm quan » cũng có cách hiệu-lực lập-công mà mong được bổ quan phủ quan huyện : vẻ vang thay !

. . .

— *Trường Cao-đẳng Văn-học.* — Kỳ Hội-đồng Chính-phủ thường-trực mới rồi (là kỳ cuối cùng của quan quyền Toàn-quyền Baudoin làm chủ), quan Học-chánh Giám-đốc có trình một bản dự-thảo nghị-định đặt một trường Cao-đẳng Văn-học (*Ecole supérieure des Lettres*) ở Hà-nội. Hội-đồng đã duyệt, nghị-định đã ký, từ nay đến cuối năm sẽ có một trường Cao-đẳng Văn-học ở Hà-nội.

Hà-thành ta là đất thủ-đô văn-vật, người nước ta có tiếng là một dân thích văn-chương vậy mà xưa nay chưa có một trường văn-học, cũng là một sự khuyết. Tuy đã có trường Cao-đẳng Sư-phạm, chia ra một ban văn-chương, một ban cách-trí, nhưng chẳng qua là một trường chuyên-môn về nghề dạy học, chưa có khoa chuyên-trị về văn-học. Nay sẽ lập một trường văn-học, giảng về các khoa văn-học cho những người có tư-cách đến nghe, không chuyên-chủ học để thi lấy chức gì, làm nghề gì, học cho biết thưởng-thức các văn-chương Đông Tây. Mục-đích như thế thì thật là hay lắm, và trường này nếu khéo tổ-chức, có thầy giỏi, thì sẽ có ảnh-hưởng to trong học-giới ta. Nhưng người nước mình xưa nay chỉ học để đi thi, mong cho có bằng-cấp được bổ-dụng vào các sở Nhà-nước, nay học không có cái mục-đích cần-lợi gì, không biết có nhiều người ham-học không ? Đây chính là một dịp phải tỏ ra rằng ta cũng biết mến sự học cao-đẳng để mở-mang tri-thức, chứ không phải chỉ biết học để đi làm việc Nhà-nước mà thôi.

Nghe đâu Chính-phủ mở ra trường này là có ý muốn tổ-chức một trường Đại-học hoàn-toàn, đây là mới bắt đầu gây ra một ban Văn-học, hiện đã có trường Thuốc sẽ khuếch-trương cho thành hẳn một ban Y-học (dạy cho đến thi được Y-khoa-tiến-sĩ), lại đương

sửa-soạn đổi trường Pháp-chính làm ban Luật-học, và sau này đặt một ban Khoa-học hay là ban Cách-trí. Chắc là chưa thể một mai thành ngay được, và trường Cao-đẳng Văn-học sau này cũng chưa phải là ban Văn-học như ở các trường Đại-học bên Tây. Nhưng nếu Chính-phủ quả có ý mở-mang sự học ở bản-xứ cho dần dần bằng trình-độ các nước văn-minh, thời kẻ tri-thức ở nước ta cũng nên vui-mừng và chúc-vọng vậy. Ta ước-ao là ước-ao được có một trường Đại-học hoàn-toàn chân-chính, chứ không phải là chỉ ước-ao lấy cái tên Đại-học mà thôi. Từ trước đến nay, tuy tên Đại-học đã có mà thực nền đại-học chưa có.

Hiện nay chưa được biết rõ chương-trình trường Cao-đẳng Văn-học thế nào, chưa thể dự-đoán được cách dạy học ra làm sao. Nghe nói sẽ có ba khoa : một khoa Văn-chương Pháp, một khoa Triết-học, một khoa Văn-học và lịch-sử Á-đông (ông giáo chuyên về khoa này do trường Bác-cổ cử). Chắc là sau này còn phải thêm nhiều khoa nữa, vì thế còn sơ-lược lắm.

Mục-đích sự học Cao-đẳng là để mở mang trí-thức cho người ta, nên không có hạn-định gì, những nghĩa-lý rất cao-thâm, những tư-tưởng rất mới lạ, thường giảng-giải đến luôn, thày giáo chỉ chủ phát-minh lẽ phải, khám-phá sự thực, học trò phải lĩnh-lược được hết cái tinh-thần ; chứ không phải là chỉ dạy cái hình-thức câu văn, dạy cho biết làm câu không sai mẹo, viết văn không mất « phốt » mà thôi. Như thế thì thầy cũng phải thầy đại-gia, trò cũng phải trò thông-tuấn mới được, không thời chỉ có tên Đại-học mà không có thực Đại-học vậy.

Còn nhớ hồi trường « Đại-học » thứ nhất năm 1908, cũng có một lớp Triết-học, nhưng ông giáo đến lớp không có giảng học, phải cắt nghĩa trước cho học trò hiểu từng tiếng một đã ! Thành ra một lớp học chữ Tây chứ không phải một khoa Triết-học nữa. Còn khoa văn-chương thời dạy làm *rédaction*, như ở trường Bưởi vậy ! — Nhưng chắc rằng trình-độ học trò bây giờ cao hơn năm 1908 nhiều, và các thày giáo sẽ cũng là những tay giáo-sư chuyên-môn đem sang đây những phép giảng-dậy ở các trường Cao-đẳng bên Qui-quốc.

Bạn đồng-nghiệp mới. — Bản-chí mới tiếp được một quyển *Vệ-nông-báo* số đầu, ra ngày 15 Juillet 1923, chủ-nhiệm là ông Lê Văn-Phúc, in ra cả thảy 16 trang giấy khổ rộng, lại có một trang vẽ các con sâu. Mỗi tháng xuất-bản hai kỳ, giá bán mỗi số 0$20. cuối tháng Juillet đã thấy ra tiếp theo số thứ hai nữa. Trong số đầu đã nói rõ mục-đích là để khai-thác nông-giới nước nhà, và truyền-bá các điều hơn lẽ thiệt quan-thiếp đến nghề nông cho khắp nông-dân biết. Vậy xin có lời chúc bạn đồng-nghiệp mới được trường-thọ bán ra được đắt, thì có phần lợi cho các nhà làm ruộng nhiều lắm.

. . .

— Hội « Việt-nam thanh-niên » mới xuất-bản một quyển tạp-chí, in các bài diễn-thuyết và văn thơ, cùng biên chép các công việc của Hội. Trong tập có nửa phần chữ tây nửa phần chữ quốc-ngữ, in đối-chiếu với nhau, để cho độc-giả tiện-lãm. Hai tháng xuất-bản một kỳ.

— Hội Ái-hữu các tân-cựu sinh-viên trường Cao-đẳng mới xuất-bản một quyển tạp-chí đề là *Bulletin de l'Amicale de l'Université indochinoise*. Tạp-chí này viết bằng pháp-văn, nhưng cũng có in thêm mấy bài quốc-văn. Mỗi năm xuất-bản bốn kỳ. Giá-đồng-niên một đồng.

. . .

Sách mới xuất-bản. — Tập diễn-thuyết ở bên Pháp của bản-chí chủ-bút đã xuất-bản, đề là « *Quelques conférences à Paris* » (Mấy bài diễn-thuyết ở Paris), một quyển ngót 400 trang, vừa chữ tây vừa quốc-ngữ, bán ở Đông-kinh ấn-quán, giá 1 $. Ngài nào muốn mua xin viết thư cho bản-chí chủ-bút hay cho Đông-kinh ấn-quán cũng được ; ở tỉnh khác thời gửi thêm một hào tiền gửi sách.

— Ông Trần Tuấn-Khải mới xuất-bản quyển *Duyên-nợ phù-sinh* thứ 2. Quyển thứ 1 đã ra từ năm 1921, bản-chí hồi ấy đã có giới-thiệu (N. P. tháng 5 năm 1921). Toàn vận-văn, chỉ có một bài tản-văn. Thi-ca cũng có nhiều bài hay và có ý-tứ, như bài *Trách gà sống gáy*, bài *Chim Hoàng-oanh*, v. v. — Sách in ở hiệu Chân-phương, phố hàng Mành, giá bán: 0$30.

TẬP KỶ - YẾU CỦA HỘI « KHAI - TRÍ TIẾN - ĐỨC »

Tiệc tháng ngày 29 tháng 7 tây. — Kỳ này được hơn 50 ông hội-viên đến dự tiệc. Tiệc xong có diễn-thuyết. Ông JANVIER, là hội-viên Tây, nguyên làm quản-lý sở máy giấy Đáp-cầu, diễn về vấn-đề « Sự đạo-đức trong nghề buôn-bán và việc doanh-nghiệp ». Diễn bằng chữ tây, trong *Nam-phong* kỳ này có dịch ra quốc-ngữ.

Ông JANVIER thấy trong Hội có nhiều các nhà thực-nghiệp, muốn đem những điều kinh-nghiệm về phép doanh-nghiệp ngày nay diễn-giải cho các hội-viên nghe. Bài diễn-thuyết của ông, ý-tứ đã cao-thượng, lời văn lại giản-dị, thật là một bài diễn-văn có giá-trị.

Giấy xin vào Hội. — Trong tháng vừa rồi, có những ông sau này có giấy xin vào Hội, hạn trong hai tháng, trong hội-viên có ai dị-nghị, xin viết thư về cho Hội biết.

Xin vào chân chủ-trì

1. — Ông Bùi Huy-Lợi, thượng-hạng thông-phán sở Giấy-thép, ở số nhà phố Maréchal Pétain. (*Do ông Nguyễn văn Giáp giới-thiệu*).

2 — Ông Nguyễn Công-Thảuh, làm Thư-ký ở sở Thương-chánh Hải-phòng (*Do ông Vương Khả-Phúc giới-thiệu*).

3 — Ông Nguyễn Hữu-Thanh, làm thư-ký sở Giấy-thép Phú-thọ, ở 22 phố hàng Dầu (Rue du Lac), Hà-nội (*Do ông Trương Thúc-San giới-thiệu*).

4 — Ông Nguyễn văn-Hoạch, tri-huyện Võ-giàng, Bắc-ninh.

5 — Ông Nguyễn Văn-Long, buôn bán, 25 phố hàng Gà (Rue Tien-tsin), Hà-nội (*Do ông Trần văn-Có giới-thiệu*).

6 — Ông Nguyễn Văn-Thông, thư-ký sở Giấy Thép ở Phúc-yên, ở 32 phố cửa Đông (Rue de la Citadella), Hà - nội. (*Do ông Trương Thúc-San giới-thiệu*).

7 — Ông Nguyễn Xuân-Rong, ở làng Phúc - nhạc tổng Yên-vân, phủ Yên-khánh, Ninh-bình.

8 — Ông Trần Văn-Hiền, thư-ký ở sở quan Giám-đốc Chính-trị Bắc - kỳ, ở đường 88 số 9, Hà-nội.

9 — Ông Trịnh Đình-Cầu, buôn bán ở phố hàng Tre, số 38, Hà-nội (*Do ông Lê-văn-Phúc giới-thiệu*).

10 — Ông Vũ Đình-Siền, chánh Hương-hội làng Thành-an, tổng Sĩ-lâm, phủ Nghĩa-hưng, tỉnh Nam-định.

11 — Ông Lê Văn-Định, ở Pnom-Penh, trước có chân thường-hội-viên, nay xin vào chân chủ-trì.

Hội-viên Tây. — Tháng này Hội thêm được hai ông danh-dự hội-viên Tây, là ;

1 — M. P. BRAEMER, inspecteur des services agricoles de l'Indochine, Hà-nội.

2 — M. IGNACE MANSOHN, secrétaire d'avocat-défenseur, 9 Rue Leclanger, Hà-nội

Hai ông cùng muốn kiêm chủ - trì-hội-viên.

Hội-viên mới. — Những ông kê tên sau này có giấy xin vào Hội đã đăng trong báo số 71 (Mai 1923), nay hết hạn hai tháng, không ai dị-nghị, được nhận vào Hội kể từ ngày 1 tháng 8 tây năm 1923 :

Vào chân tán-trợ

Ông Nguyễn Đình-Cung.

Vào chân chủ-trì

Ông Bùi Kính-Chi — Lại Văn-Hàm — Lê Thành-Thân — Lý Văn-Hai — Nguyễn Bá-Phụ — Nguyễn Đình-Sinh — Nguyễn Nhún — Nguyễn Tám — Trần Lưu-Chỉ — Trần Minh-Kính — Trần Văn-Hanh — Trương Du — Vũ Bá-Trung.

***

Ấu-trĩ-viên. — Ấu-trĩ-viên của Hội ta đã truyền sang tận bên Tây, mới đây bà chủ Hội Ấu-trĩ-viên ở nước Pháp có viết giấy hỏi về cách-thức lập Ấu-trĩ-viên bên ta thế nào và nói rằng Hội bên Tây sẽ sẵn lòng giúp.

— Mới đây Hội có nhận được mấy cái thư ở Quảng-châu-loan báo rằng có một ông hội-viên mạo-xưng là có ủy-quyền của Hội mở cuộc lạc-quyên về Ấu-trĩ-viên từ năm ngoái. Hội không từng ủy-quyền cho ai ở Quảng-châu cả, và từ năm ngoái cũng không nhận được tiền quyên gì ở Quảng-châu, vậy đã viết thơ chất-vấn ông hội-viên ấy, chưa thấy trả lời. Trung gian thì ông thủ-quĩ Hội có nhận được của ông Đặng Đình-Tiệp ở Quảng-châu gửi về một cái *man-dat* 76$, nói là tiền quyên về Ấu-trĩ-viên. — Việc này sẽ đem ra trình Hội-đồng quản-trị xét nghĩ.

***

Hội-viên tạ-thế. — Trong tháng mới rồi Hội ta mới mất hai ông hội-viên: ông Hoàng Kim-Bảng, chủ hiệu Quảng-hưng-long ở Hà-nội, và ông Hoàng Tam Đa, ở Hải-lạng (Nam-định). — Ông Hoàng Kim-Bảng là một tay sắc-xảo trong Hội ta, năm nay mới được bầu vào Hội-đồng Quản-trị, nay mất thật là thiệt cho Hội lắm.

MỚI XUẤT-BẢN

PHẠM QUỲNH

Quelques Conférences à Paris

(Mai-Juillet 1922)

Mấy bài diễn-thuyết ở Paris

Vừa Pháp-văn, vừa Quốc-văn, in đối-chiếu.

Cả thảy có sáu bài diễn-thuyết, sách dày tới ngót bốn trăm trang.

Đóng theo kiểu các sách bên Tây, giá bán định một đồng một quyển.

Sách in có ít thôi, ngài nào muốn mua xin mua ngay kẻo hết.

Ở xa xin viết thơ cho Đông-Kinh-ấn-quán, ngoài tiền sách gửi thêm một hào về bưu-phí.

Recueil des Conférences faites par M. PHẠM QUỲNH *à Paris. — En vente à l'Imprimerie Tonkinoise. — Prix :* 1 $ 00 (*plus* 0 $ 10 *pour les expéditions à l'intérieur*).